

### **Lời mở đầu**

Sản xuất ra của cải vật chất là cơ sở tồn tại và phát triển của xã hội loài người. Quá trình sản xuất chính là hoạt động tự giác và có ý thức của con người nhằm biến các vật thể tự nhiên thành các vật phẩm, hàng hoá có ích đáp ứng được nhu cầu riêng của bản thân cũng như phục vụ nhu cầu chung của toàn xã hội.

Khi xã hội ngày càng phát triển, mức sống được nâng cao kéo theo nhu cầu khách quan của con người được nâng lên. Ai cũng muốn bản thân mình sử dụng các thứ hàng hóa chất lượng tốt, mẫu mã đẹp nhưng giá cả phải vừa phải. Doanh nghiệp hơn ai hết họ hiểu rõ điều này, chính vì thế các doanh nghiệp đã không ngừng cải tiến mẫu mã sản phẩm, nâng cao quy trình công nghệ sản xuất cũng như chất lượng sản phẩm ... nhưng cần giảm thiểu tối đa chi phí sản xuất để trực tiếp hạ giá bán tạo sức cạnh tranh cho sản phẩm trên thị trường.

Trong quá trình sản xuất chi phí trực tiếp ảnh hưởng lớn đến giá thành chính là chi phí nguyên liệu vật liệu. Nếu giảm được chi phí này dẫn đến việc hạ giá thành thì doanh nghiệp mới thu được lợi nhuận cao. Muốn làm được điều đó các nhà quản lý doanh nghiệp phải có trình độ thực sự, kinh nghiệm của bản thân và hơn hết là phải có chiến lược hạch toán chi phí nguyên liệu vật liệu. Sử dụng tiết kiệm, hợp lý nguyên liệu vật liệu để giảm thiểu chi phí sản xuất, giá bán nâng cao sức cạnh tranh (Cần phải nói thêm là sự cạnh tranh của sản phẩm chính là điều kiện thúc đẩy xã hội tiến lên). Thấy được tầm quan trọng của nguyên liệu vật liệu trong sản xuất nên trong quá trình thực tập tại nhà máy sản xuất nội thất xuất khẩu Shinec em đã chọn đề tài “**Hoàn thiện công tác kế toán Nguyên vật liệu**” nhằm đi sâu và tìm hiểu về công tác kế toán nguyên liệu vật liệu.

## *Khóa luận tốt nghiệp*

---

Ngoài phần mở đầu nội dung của chuyên đề này gồm ba chương:

CHƯƠNG 1: Những vấn đề lý luận chung về kế toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp sản xuất.

CHƯƠNG 2: Thực trạng về công tác kế toán nguyên vật liệu tại nhà máy sản xuất nội thất xuất khẩu Shinec.

CHƯƠNG 3: Nhận xét và kiến nghị về công tác kế toán nguyên vật liệu tại nhà máy sản xuất nội thất xuất khẩu Shinec.

Trong quá trình hoàn thành luận văn tốt nghiệp, mặc dù đã có sự cố gắng nỗ lực nhưng do thời gian và kinh nghiệm nghiên cứu cũng như thực tiễn còn hạn chế nên luận văn này khó tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong các thầy cô giáo, các cán bộ lãnh đạo, cán bộ nghiệp vụ ở công ty thông cảm và góp ý chỉ bảo để luận văn này được hoàn chỉnh hơn.

Em xin chân thành cảm ơn !

**NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN  
VẬT LIỆU TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT.**

**1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp sản xuất.**

**1.1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất.**

Trong doanh nghiệp sản xuất nguyên vật liệu là đối tượng lao động (một trong 3 yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất), là cơ sở vật chất cấu thành nên sản phẩm. Nguyên vật liệu là những đối tượng đã được thay đổi do lao động có ích của con người tác động vào nó, nguyên vật liệu còn là đối tượng dự trữ sản xuất thuộc TSLĐ. Do đó nó là yếu tố cơ bản không thể thiếu được trong quá trình sản xuất, là cơ sở vật chất hoàn thành nên sản phẩm.

Trong quá trình tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh, nguyên vật liệu chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất, bị tiêu hao toàn bộ và chuyển toàn bộ giá trị vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Trong các doanh nghiệp sản xuất, chi phí nguyên vật liệu thường chiếm tỉ trọng lớn trong tổng chi phí tạo ra sản phẩm, xét về mặt hiện vật thì chi phí nguyên vật liệu chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất, còn về giá trị thì nguyên vật liệu là một bộ phận của vốn kinh doanh.

Từ đặc điểm cơ bản của nguyên vật liệu, ta thấy được vị trí quan trọng của nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất, nó là cơ sở vật chất để hình thành nên một sản phẩm mới. Do vậy kế hoạch sản xuất, kinh doanh sẽ bị ảnh hưởng lớn nếu việc cung cấp nguyên vật liệu không đầy đủ và kịp thời... Mặt khác chất lượng của sản phẩm có được đảm bảo hay không phụ thuộc rất lớn vào chất lượng nguyên vật liệu, chi phí nguyên vật liệu lại chiếm tỷ trọng rất lớn trong toàn bộ chi phí sản xuất, việc tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu có ý nghĩa rất lớn trong việc hạ giá thành sản phẩm. Do vậy nên quản lý nguyên vật liệu chặt chẽ ở tất cả các khâu từ

## ***Khóa luận tốt nghiệp***

---

thu mua, bảo quản, dự trữ, sử dụng nhằm hạ thấp chi phí nguyên vật liệu, giảm mức tiêu hao nguyên vật liệu trong sản xuất sản phẩm.

Nếu xét về mặt giá trị thì nguyên vật liệu là tài sản dự trữ thuộc tài sản lưu động, do vậy việc tăng tốc độ lưu chuyển vốn kinh doanh không thể tách rời việc dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu một cách hợp lý và tiết kiệm. Vì vậy ta có thể khẳng định nguyên vật liệu có một vai trò hết sức to lớn trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sản xuất trong việc quản lý và sử dụng nguyên vật liệu phải quản lý chặt chẽ các mặt: số lượng, chất lượng, chủng loại, giá cả,... của nguyên vật liệu cung cấp. Do đó doanh nghiệp phải tổ chức công tác hạch toán kế toán nguyên vật liệu là điều không thể thiếu để quản lý thúc đẩy việc cung cấp kịp thời đồng bộ những nguyên vật liệu cần thiết cho sản xuất và kiểm tra giám sát việc chấp hành các quy định về định mức dự trữ ngăn ngừa các hiện tượng hao hụt, mất mát, lãng phí qua các khâu ở quá trình sản xuất, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động trong doanh nghiệp.

### **1.1.2. Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu.**

Quản lý chặt chẽ nguyên vật liệu là một trong những nội dung quan trọng trong công tác quản lý tài sản ở doanh nghiệp. Quản lý từ khâu thu mua đến khâu bảo quản, sử dụng. Đây là yêu cầu cấp bách đối với doanh nghiệp hiện nay. Nguyên vật liệu đòi hỏi phải quản lý chặt chẽ về số lượng, chất lượng, chủng loại, giá cả... Chính vì vậy quản lý nguyên vật liệu là yêu cầu khách quan của mọi nền sản xuất xã hội tuy nhiên do trình độ khác nhau nên phạm vi, mức độ, phương pháp quản lý khác nhau.

Công tác quản lý nguyên vật liệu yêu cầu cần phải tổ chức tốt kho, bến bãi, trang bị đầy đủ các phương tiện cân, đo, thực hiện chế độ bảo quản đối với từng nguyên vật liệu tránh hao hụt, mất mát, đảm bảo an toàn. Ngoài ra còn đầy đủ các thông tin tổng hợp nguyên vật liệu, kể cả chỉ tiêu hiện vật và giá trị về tình hình nhập – xuất – tồn kho nguyên vật liệu, phải phân biệt chủng loại, chất lượng, quy cách,.. đảm bảo an toàn vật tư và quản lý định mức dự trữ vật liệu nhằm cung cấp

## ***Khóa luận tốt nghiệp***

kịp thời, đầy đủ trong quá trình sản xuất, tránh làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính hoặc tiến độ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sản xuất kinh doanh đảm bảo các yêu cầu sau:

- Quản lý chặt chẽ quá trình thu mua nguyên vật liệu cả về số lượng, chất lượng, chủng loại, giá cả. Doanh nghiệp phải thường xuyên phân tích tình hình thu mua nguyên vật liệu, tìm hiểu nguồn cung cấp để lựa chọn nguồn thu mua đảm bảo và chi phí thu mua thấp nhất.
- Trong khâu bảo quản tốt công tác kho tàng, bền bỉ thực hiện đúng chế độ đối với nguyên vật liệu. Hệ thống kho tàng, phương tiện vận chuyển phải phù hợp với tính chất, đặc điểm từng loại vật tư nhằm hạn chế hư hỏng mất mát trong quá trình vận chuyển, bảo quản, đảm bảo an toàn cho vật tư.
- Sử dụng hợp lý, tiết kiệm trên cơ sở dự toán chi phí sản xuất có ý nghĩa trong việc hạ thấp giá thành. Do đó trong khâu sản xuất nguyên vật liệu trong thành phẩm.
- Thúc đẩy nhanh quá trình chuyển hóa nguyên vật liệu, hạn chế ứ đọng vật tư để rút ngắn chu kỳ sản xuất kinh doanh.

### **1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu:**

#### *1.1.3.1. Yêu cầu quản lý NVL.*

Vật liệu là tài sản dự trữ sản xuất kinh doanh thuộc tài sản l- u động, th- ờng xuyên biến động. Để hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra bình th- ờng, các Doanh nghiệp sản xuất phải th- ờng xuyên mua NVL và xuất dùng cho sản xuất. Mỗi loại sản phẩm sản xuất đ- ợc sử dụng từ nhiều thứ, nhiều loại vật liệu khác nhau, đ- ợc nhập về từ nhiều nguồn và giá cả của vật liệu th- ờng xuyên biến động trên thị tr- ờng. Bởi vậy để tăng c- ờng công tác quản lý, vật liệu phải đ- ợc theo dõi chặt chẽ tất cả các khâu từ khâu thu mua bảo quản, sử dụng tới khâu dự trữ. Trong quá trình này nếu quản lý không tốt sẽ ảnh h- ưởng đến chất l- ượng, giá trị sản phẩm sản xuất ra. Do đó yêu cầu quản lý công tác NVL đ- ợc thể hiện ở một số điểm sau:

## ***Khóa luận tốt nghiệp***

---

*Trong khâu thu mua:* Đòi hỏi phải quản lý về khối lượng, chất lượng, quy cách, chủng loại, giá mua và chi phí thu mua cũng như kế hoạch mua theo đúng tiến độ, thời gian phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp.

*Trong khâu bảo quản:* Để tránh mất mát, hỏng hóc, hao hụt, đảm bảo an toàn vật liệu, thì việc tổ chức tốt kho tàng, bến bãi, thực hiện đúng chế độ quản lý đối với từng loại vật liệu cũng ảnh hưởng không nhỏ tới quá trình sản xuất và kết quả sản xuất kinh doanh.

*Trong khâu sử dụng:* Đòi hỏi phải thực hiện sử dụng hợp lý, tiết kiệm trên cơ sở các định mức, dự toán chi phí nhằm hạ thấp mức tiêu hao vật liệu trong giá thành sản phẩm, tăng thu nhập, tích lũy cho Doanh nghiệp. Vì vậy, trong khâu này cần tổ chức tốt việc ghi chép, phản ánh tình hình xuất dùng và sử dụng vật liệu trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

*Trong khâu dự trữ:* Doanh nghiệp phải xác định được mức dự trữ tối đa, tối thiểu cho từng loại vật liệu để đảm bảo quá trình sản xuất kinh doanh được bình thường, không bị ngưng trệ, gián đoạn do việc cung ứng không kịp thời hoặc gây tình trạng ứ đọng vốn do dự trữ quá nhiều.

Tóm lại vật liệu là yếu tố đầu tiên trong quá trình tạo ra sản phẩm. Muốn sản phẩm đạt tiêu chuẩn, chất lượng cao và đạt được uy tín trên thị trường nhất thiết phải tổ chức việc quản lý vật liệu. Đây là một trong những nội dung quan trọng của công tác quản lý tài sản ở Doanh nghiệp.

### *1.1.3.2. Nhiệm vụ của kế toán NVL.*

Để đáp ứng yêu cầu quản lý của kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp để sản xuất cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Thực hiện việc đánh giá, phân loại nguyên vật liệu phù hợp với nguyên tắc, yêu cầu quản lý thống nhất của Nhà nước và yêu cầu quản trị doanh nghiệp.

## ***Khóa luận tốt nghiệp***

---

- Tổ chức chứng từ tài khoản kế toán, sổ kế toán phù hợp với phương pháp kế toán hàng tồn kho áp dụng trong doanh nghiệp để phân loại, ghi chép, tổng hợp số liệu về tình hình hiện có và biến động tăng, giảm của nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh.

- Tham gia việc phân tích đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch mua, tình hình thanh toán với người bán, người cung cấp và tình hình sử dụng nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất.

- Tổ chức ghi chép, phản ánh tổng hợp tình hình thu mua, vận chuyển, bảo quản, tình hình nhập – xuất – tồn kho vật liệu, tính giá thực tế của nguyên vật liệu đã thu mua về mặt số lượng, chất lượng và thời hạn nhằm đảm bảo cung cấp đầy đủ kịp thời, đúng chủng loại nguyên vật liệu cho quá trình sản xuất kinh doanh.

- Áp dụng đúng các biện pháp kỹ thuật hạch toán nguyên vật liệu, thực hiện đầy đủ chế độ hạch toán ban đầu, xác định đúng chứng từ sử dụng ở doanh nghiệp, lập chứng từ, luân chuyển chứng từ, mở sổ kế toán chi tiết thực hiện đúng chế độ kế toán hiện hành.

- Kiểm tra việc chấp hành chế độ bảo quản, dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu, phát hiện, ngăn ngừa và đề xuất biện pháp xử lý vật tư thừa, thiếu, ứ đọng, mất mát, kém phẩm chất.

- Tính toán chính xác số lượng và giá trị nguyên vật liệu đã tiêu hao trong quá trình sản xuất, kinh doanh, phân bổ chính xác giá trị nguyên vật liệu đã tiêu hao và các đối tượng sử dụng của bộ phận sử dụng.

### **1.2. Phân loại và đánh giá nguyên liệu vật liệu.**

#### **1.2.1. Phân loại nguyên liệu vật liệu**

Trong các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh sử dụng nhiều loại, nhiều thứ nguyên liệu vật liệu có vai trò chức năng và đặc tính lý hoá...khác nhau để tiến hành công tác quản lý và hạch toán nguyên liệu vật liệu.

Phân loại nguyên liệu vật liệu là căn cứ vào các tiêu thức nhất định để chia nguyên liệu vật liệu sử dụng trong doanh nghiệp thành từng loại, từng nhóm, từng thứ.

## ***Khóa luận tốt nghiệp***

*1.2.1.1. Căn cứ vào nội dung kinh tế và yêu cầu của kế toán quản trị trong doanh nghiệp sản xuất được chia thành:*

- Nguyên vật liệu chính (bao gồm nửa thành phẩm mua ngoài): là đối tượng lao động chủ yếu cấu tạo nên thực thể sản phẩm.

- Vật liệu phụ: là đối tượng lao động nhưng không phải là cơ sở vật chất chủ yếu hình thành nên sản phẩm mới nó chỉ có tác động phụ trong quá trình sản xuất, chế tạo sản phẩm, góp phần làm tăng chất lượng sản phẩm hoặc phục vụ cho công tác quản lý, sản xuất, bảo quản bao gói sản phẩm.

- Nhiên liệu: là loại vật liệu khi sử dụng có tác dụng cung cấp nhiệt lượng cho quá trình sản xuất kinh doanh. Nhiên liệu bao gồm các loại ở thể rắn, lỏng, khí dùng cho công nghệ sản xuất sản phẩm, cho các phương tiện vận tải máy móc, thiết bị hoạt động trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh như: than, củi, dầu, ...

- Phụ tùng thay thế: gồm các phụ tùng, chi tiết dùng để thay thế sửa chữa máy móc thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải.

- Thiết bị xây dựng cơ bản: gồm các loại thiết bị phương tiện được sử dụng trong công việc XD CB.

- Vật liệu khác: là loại vật liệu loại ra trong quá trình sản xuất, chế tạo sản phẩm như gỗ, sắt, thép vụn hoặc phế liệu thu hồi trong quá trình sản xuất thanh lý TSCĐ.

*1.2.1.2. Căn cứ vào mục đích, công dụng nguyên vật liệu được chia thành:*

- Nguyên vật liệu dùng trực tiếp: dùng cho quá trình sản xuất, chế tạo sản phẩm.

- Nguyên vật liệu dùng cho các nhu cầu khác phục: phục vụ quản lý ở các phân xưởng, tổ đội sản xuất, nhu cầu bán hàng, quản lý doanh nghiệp.

*1.2.1.3. Căn cứ vào nguồn nhập nguyên vật liệu được chia thành:*



- Vật liệu tự sản xuất, gia công chế biến.
- Vật liệu mua ngoài.
- Vật liệu góp vốn,...

### **1.2.2. Đánh giá nguyên liệu vật liệu.**

#### *1.2.2.1. Nguyên tắc đánh giá nguyên vật liệu.*

Các loại vật liệu thuộc loại hàng tồn kho của doanh nghiệp, do đó về nguyên tắc đánh giá nguyên vật liệu cũng phải tuân thủ nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho. Theo chuẩn mực kế toán số 02 “Hàng tồn kho” thì hàng tồn kho của doanh nghiệp được đánh giá theo nguyên tắc giá gốc (trị giá vốn thực tế) và trong trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của nguyên vật liệu là giá ước tính của vật liệu trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ đi chi phí ước tính để hoàn chỉnh sản phẩm và chi phí ước tính phục vụ cho việc tiêu thụ sản phẩm.

Giá gốc vật liệu được xác định cụ thể cho từng loại, bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có liên quan đến việc sở hữu các loại vật liệu đó.

Chi phí mua của nguyên vật liệu bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua nguyên vật liệu trừ ra các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua.

Chi phí chế biến vật liệu bao gồm: các chi phí có liên quan trực tiếp đến sản xuất chế biến ra sản phẩm liên quan đến các loại vật liệu đó.

Trường hợp sản xuất nhiều loại vật liệu trên một quy trình công nghệ trong cùng một thời gian mà không tách được các loại chi phí chế biến thì phải phân bổ các chi phí này theo tiêu chuẩn thích hợp.

Trường hợp có sản phẩm phụ thì giá trị sản phẩm phụ được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được, giá trị này được loại trừ khỏi chi phí chế biến đã tập hợp chung cho sản phẩm chính.

## ***Khóa luận tốt nghiệp***

Các khoản chi phí vật liệu, chi phí công nhân và các khoản chi phí khác phát sinh trên mức bình thường, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được tính vào giá gốc của vật liệu.

- Đánh giá nguyên vật liệu phải đảm bảo tính xác thực, việc đánh giá đó phải được tiến hành trên cơ sở đầy đủ, hợp lý những yếu tố cấu thành nên nguyên vật liệu đồng thời phải loại trừ ra khỏi trị giá nguyên vật liệu những chi phí bất hợp lý, kém hiệu quả.

- Đánh giá nguyên vật liệu phải đảm bảo thống nhất về nội dung và phương pháp đánh giá giữa các kỳ hạch toán của doanh nghiệp làm cơ sở cho việc so sánh, đánh giá các chỉ tiêu kinh tế giữa các kỳ kinh doanh của doanh nghiệp.

### *1.2.2.2. Nội dung đánh giá nguyên vật liệu.*

Đánh giá nguyên vật liệu là dùng thước đo tiền tệ biểu hiện giá trị của nguyên vật liệu theo nguyên tắc nhất định đảm bảo yêu cầu chân thực, thống nhất. Về nguyên tắc vật liệu là tài sản lưu động phải được đánh giá theo theo trị giá vốn thực tế.

#### *Đánh giá nguyên vật liệu theo giá gốc.*

##### **✓ Trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu nhập kho:**

Giá vốn thực tế của nguyên vật liệu là toàn bộ chi phí mua sắm, gia công hoặc chế biến giá nguyên vật liệu và chi phí thu mua, chi phí gia công, chế biến.

##### **Trị giá vốn thực tế nhập kho được xác định theo từng nguồn nhập:**

- Đối với vật liệu mua ngoài:

Giá gốc NLVL mua ngoài nhập kho	=	Giá mua trên hoá đơn	+	Thuế NK (nếu có)	+	Chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua hàng	+	Các khoản chiết khấu thương mại (nếu có)
---------------------------------------	---	-------------------------	---	------------------------	---	---	---	--

+ Đối với doanh nghiệp sản xuất thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế thì trên HĐ giá vốn không bao gồm thuế GTGT đầu vào.

## ***Khóa luận tốt nghiệp***

---

+ Đối với doanh nghiệp sản xuất thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp và doanh nghiệp sản xuất không thuộc diện chịu thuế GTGT hoặc dùng cho các hoạt động sự nghiệp, phúc lợi dự án thì giá trên HĐ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế GTGT đầu vào).

- Đối với nguyên vật liệu thuê ngoài gia công chế biến: giá vốn thực tế là giá thực tế của nguyên vật liệu thuê ngoài gia công chế biến cộng với các chi phí vận chuyển bốc dỡ đến nơi chế biến về doanh nghiệp cùng với số tiền phải trả cho đơn vị nhận gia công chế biến.

Giá gốc      Giá gốc      Tiền công phải      Chi phí vận chuyển bốc dỡ  
NLVL      =      NLVL      +      trả cho ng-ời      +      và các chi phí có liên quan  
Nhập kho      xuất kho      chế biến      trực tiếp

- Đối với nguyên vật liệu tự gia công chế biến:

Giá vốn thực tế = Giá của NVL xuất gia công chế biến + Chi phí gia công chế biến

- Đối với nguyên vật liệu nhận góp vốn liên doanh, vốn cổ phần, trị giá vốn thực tế là giá trị mà được các bên tham gia liên doanh, góp vốn đánh giá chấp thuận.

- Trường hợp nhập vật tư do được đơn vị cấp trên cấp thì trị giá thực tế của vật liệu nhập kho bao gồm giá ghi sổ của đơn vị cộng các chi phí khác có liên quan (nếu có).

Giá gốc của      Giá ghi trên sổ của đơn vị      Chi phí vận chuyển bốc dỡ,  
NVL      =      trực tiếp hoặc giá đ-ợc đánh      +      chi phí có liên quan trực  
nhập kho      giá lại theo giá trị thuần      tiếp khác

## ***Khóa luận tốt nghiệp***

- Đối với vật liệu được biểu, tặng, tài trợ thì trị giá thực tế nhập kho được tính theo giá trị thị trường tương đương (doanh nghiệp ghi giá tăng theo giá thị trường).

Giá gốc NVL    Giá mua thị trường những    Các chi phí khác có liên quan  
nhập kho        = NVL tương đương        +    trực tiếp đến việc tiếp nhận

- Đối với phế liệu, phế phẩm thu hồi trong quá trình sản xuất thì trị giá thực tế được đánh giá theo giá ước tính có thể sử dụng.

### **✓ Trị giá vốn của nguyên vật liệu xuất kho:**

Khi xuất dùng nguyên vật liệu kế toán phải tính toán chính xác giá trị thực tế của nguyên vật liệu cho các nhu cầu, đối tượng khác nhau. Theo chuẩn mực kế toán số 02 – Hàng tồn kho tính trị giá thực tế của nguyên vật liệu xuất kho có thể tính bằng một trong các phương pháp sau đây.

#### *a. Phương pháp đích danh:*

Theo phương pháp này hàng xuất kho thuộc lô hàng nào thì lấy đúng đơn giá nhập kho của lô hàng đó để để tính giá vốn của hàng xuất kho.

Trị giá NVL		Đơn giá	
xuất kho	=	NVL tồn	x
trong kỳ		đầu kỳ	
			Số lượng
			NVL xuất
			trong kỳ

- Ưu điểm: phương pháp này đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa chi phí và doanh thu; theo dõi chính xác về giá trị thực tế lúc nhập kho và lúc xuất kho của từng lô vật liệu giúp cho việc hạch toán kế toán được chính xác và kịp thời.

- Nhược điểm: khó theo dõi vật liệu nếu doanh nghiệp có nhiều chủng loại, công việc bảo quản và công tác kế toán chi tiết vật liệu phức tạp.

- Điều kiện áp dụng: phương pháp này một mặt được áp dụng đối với những doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và có thể nhận diện được; từng thứ, nhóm hàng và từng loại theo từng lần nhập kho và giá trị thực tế của nó.

## ***Khóa luận tốt nghiệp***

---

### *b. Tính theo giá trị thực tế bình quân gia quyền:*

Phương pháp bình quân gia quyền tại thời điểm xuất kho hoặc cuối kỳ: theo phương pháp này kế toán phải tính đơn giá bình quân gia quyền tại thời điểm xuất kho hoặc cuối kỳ, sau đó lấy số lượng vật tư xuất kho nhân với đơn giá bình quân đã tính.

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị thực tế} \\ \text{NVL xuất kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số l- ợng NVL} \\ \text{xuất kho} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Đơn giá bình quân} \\ \text{gia quyền} \end{array}$$

Trong đó giá đơn vị bình quân có thể tính một trong các ph- ơng pháp sau:

#### *- Ph- ơng pháp 1: Tính theo giá bình quân gia quyền cố định.*

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình quân} \\ \text{gia quyền cuối kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế NVL} + \\ \text{tồn đầu kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số l- ợng NVL} \\ \text{tồn kho đầu kỳ} \end{array}} + \frac{\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế NVL} \\ \text{nhập trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số l- ợng NVL} \\ \text{nhập trong kỳ} \end{array}}$$

*- Ph- ơng pháp 2: Tính theo giá bình quân gia quyền liên hoàn: ( sau mỗi lần nhập lại tính lại đơn giá).*

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình quân} \\ \text{gia quyền sau mỗi} \\ \text{lần nhập} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế NVL} + \text{Trị giá thực tế NVL nhập} \\ \text{tr- ớc khi nhập} \quad \text{kho của từng lần nhập} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số l- ợng NVL tồn} + \text{Số l- ợng NVL nhập kho} \\ \text{kho tr- ớc khi nhập} \quad \text{của từng lần nhập} \end{array}}$$

#### *- Ưu điểm:*

## ***Khóa luận tốt nghiệp***

---

+ Phương pháp bình quân gia quyền cố định: đơn giản, dễ tính toán.

+ Phương pháp bình quân liên hoàn: sát với sự vận động của vật liệu về giá, đồng thời giảm bớt, che đậy sự biến động của giá cả trên thị trường so với phương pháp bình quân gia quyền cố định.

- Nhược điểm:

+ Phương pháp bình quân gia quyền cố định: việc ghi chép không kịp thời, công việc thường dồn vào cuối kỳ làm khối lượng công việc kế toán nhiều vào cuối tháng. Không thể hiện rõ sự biến động về giá trên thị trường.

+ Phương pháp bình quân liên hoàn: tính toán phức tạp.

- Điều kiện áp dụng: áp dụng đối với những doanh nghiệp có khối lượng nguyên vật liệu nhập, xuất trong kỳ nhiều.

### *c. Tính theo phương pháp nhập trước – xuất trước.*

Phương pháp này dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho gần đầu kỳ. Giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá trị của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

Phương pháp này áp dụng thích hợp khi giá cả thị trường ổn định.

### *d. Tính theo phương pháp nhập sau – xuất trước.*

Theo phương pháp này dựa trên giả định hàng nào nhập sau thì xuất trước, vật liệu tồn kho chính là vật liệu tồn đầu kỳ và mua đầu tiên. Phương pháp này ta cũng phải xác định đơn giá thực tế của lần nhập nhưng khi xuất sẽ căn cứ vào lượng xuất và đơn giá thực tế lần nhập kho cuối, sau đó mới đến đơn giá của những hàng nhập trước để tính ra giá trị thực tế xuất kho.

Giá thực tế xuất kho của vật liệu tồn cuối kỳ chính là giá thực tế của vật liệu tính theo đơn giá của các lần nhập đầu kỳ.

Theo phương pháp này nguyên tắc phù hợp của kế toán được đảm bảo. Tuy nhiên giá trị nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập đầu tiên nên không sát với tình hình thực tế đặc biệt trong điều kiện lạm phát

## *Khóa luận tốt nghiệp*

---

xảy ra.

Việc áp dụng phương pháp nào để tính trị giá vật tư xuất kho là do doanh nghiệp tự quyết định. Song cần đảm bảo tính nhất quán trong niên độ kế toán và thuyết minh trong báo cáo tài chính.

### *Đánh giá nguyên liệu vật liệu theo giá hạch toán.*

Đối với những doanh nghiệp có quy mô lớn sản xuất nhiều mặt hàng thường sử dụng nhiều loại nhóm, thứ nguyên liệu. Nếu áp dụng nguyên tắc tính theo giá gốc thì rất phức tạp khó đảm bảo yêu cầu kịp thời của kế toán. Doanh nghiệp có thể xây dựng hệ thống hạch toán để ghi chép hàng ngày trên phiếu nhập, phiếu xuất và sổ kế toán chi tiết.

Giá hạch toán là giá do kế toán của doanh nghiệp tự xây dựng có thể là giá kế hoạch hoặc giá trị thuần có thể thực hiện trên thị trường. Giá hạch toán được sử dụng thống nhất trong toàn doanh nghiệp và tương đối ổn định lâu dài. Trường hợp có sự biến động lớn về giá cả doanh nghiệp cần xây dựng lại hệ thống giá hạch toán.

Kế toán tổng hợp nguyên liệu vật liệu phải tuân thủ nguyên tắc tính theo giá trị thực tế. Cuối tháng kế toán phải xác định hệ thống số chênh lệch giữa giá trị thực tế và giá trị hạch toán để điều chỉnh thành giá trị thực tế.

Hệ số chênh lệch giá thực tế và giá hạch toán của từng loại nguyên liệu vật liệu tính theo công thức sau:

$$\begin{aligned} \text{Hệ số chênh lệch giá} &= \frac{\text{Giá trị thực tế NVL tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế NVL nhập kho trong kỳ}}{\text{Giá trị hạch toán NVL tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị hạch toán NVL nhập kho trong kỳ}} \\ \text{Giá trị thực tế NVL xuất kho} &= \text{Giá trị hạch toán NVL xuất kho} \times \text{Hệ số chênh lệch giá} \end{aligned}$$

## ***Khóa luận tốt nghiệp***

---

Ph- ong pháp này sử dụng trong điều kiện:

- Doanh nghiệp dùng hai loại giá thực tế và giá hạch toán.
- Doanh nghiệp không theo dõi đ- ợc về số l- ợng vật li
- Tính theo loại nhóm vật liệu

### **1.3. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu.**

#### *1.3.1. Thủ tục nhập kho:*

Bộ phận cung cấp vật t- căn cứ vào kế hoạch mua hàng và hợp đồng mua hàng đã ký kết để tiến hành mua hàng. Khi hàng về đến nơi nếu xét thấy cần thiết có thể lập ban kiểm nghiệm vật t- sau đó đánh giá hàng mua về các mặt số l- ợng, chất l- ợng và quy cách. Căn cứ vào kết quả kiểm nghiệm ban kiểm nghiệm lập “Biên bản kiểm nghiệm vật tư” sau đó bộ phận cung cấp hàng lập phiếu nhập kho trên cơ sở hoá đơn và biên bản sẽ ghi số l- ợng thực nhập vào phiếu nhập, giao cho chủ kho làm thủ tục nhập kho. Tr- ờng hợp phát hiện thừa thiếu sai quy cách phẩm chất thủ kho phải báo cáo cho bộ phận cung cấp và cùng với ng- ời giao lập biên bản. Hàng ngày hoặc định kỳ thủ kho chuyển giao phiếu nhập cho kế toán vật t- làm căn cứ để ghi sổ kế toán.

#### *1.3.2. Thủ tục xuất kho:*

Căn cứ vào phiếu xuất kho thủ kho xuất vật t- và ghi số thực xuất vào phiếu xuất sau đó ghi số l- ợng xuất và tồn kho của từng thứ vật t- vào thẻ kho. Hàng ngày hoặc định kỳ thủ kho chuyển phiếu xuất cho kế toán vật t- , kế toán tính giá hoàn chỉnh phiếu xuất để lấy số liệu ghi vào sổ.

#### *1.3.3. Các chứng từ kế toán có liên quan.*

Chế độ chứng từ kế toán quy định ban hành theo QĐ 15 – TC-QĐ/CĐKT ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính, các hóa đơn, chứng từ kế toán về nguyên vật liệu bao gồm:

- Phiếu nhập kho (Mẫu số 01 - VT)
- Phiếu xuất kho (Mẫu số 02 - VT)



## ***Khóa luận tốt nghiệp***

---

- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (mẫu 03 – VT)
- Biên bản kiểm kê vật t- sản phẩm hàng hoá (Mẫu 08 -VT)
- Hoá đơn kiêm phiếu xuất kho (Mẫu 02-BH)
- Hoá đơn cước phí vận chuyển (Mẫu 03 – BH)
- Hoá đơn GTGT
- Hóa đơn mua hàng

Ngoài các chứng từ bắt buộc sử dụng thống nhất theo quy định của nhà nước. Tùy thuộc vào đặc điểm cụ thể của từng doanh nghiệp có thể sử dụng các chứng từ kế toán hướng dẫn như phiếu xuất vật tư theo hạn mức (mẫu số 04 – VT), biên bản kiểm nghiệm vật tư (mẫu số 05 – VT), phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ (mẫu 07 – VT).

Mọi chứng từ sử dụng đều phải tổ chức luân chuyển theo trình tự và thời gian kế toán trường quy định phục vụ cho việc phản ánh, tổng hợp kịp thời các bộ phận cá nhân có liên quan.

### *1.3.4. Ph-ong pháp kế toán chi tiết vật liệu.*

Tùy thuộc vào phương pháp hạch toán chi tiết áp dụng trong doanh nghiệp mà sử dụng các sổ (thẻ) kế toán chi tiết sau: Thẻ kho, Sổ chi tiết nguyên vật liệu, Sổ đối chiếu luân chuyển, Sổ số dư.

Ngoài ra, còn sử dụng thêm các bảng kê nhập – xuất, bảng kê lũy kế tổng hợp nhập – xuất – tồn kho vật liệu phục vụ cho việc ghi chép sổ kế toán chi tiết đơn giản, nhanh chóng, kịp thời.

Tổ chức hạch toán chi tiết nguyên vật liệu đòi hỏi phải theo dõi hàng ngày tình hình nhập – xuất – tồn kho từng loại, nhóm, thứ nguyên vật liệu cả về chỉ tiêu số lượng, chất lượng, giá trị. Hiện nay chế độ kế toán quy định việc hạch toán chi tiết nguyên vật liệu được thực hiện ở phòng kế toán và được tiến hành theo các ph-ong pháp sau:

- Ph-ong pháp thẻ song song.
- Ph-ong pháp sổ đối chiếu luân chuyển.
- Ph-ong pháp sổ d-.

Mỗi phương pháp trên đều có những ưu, nhược điểm riêng trong việc ghi chép, kiểm tra đối chiếu số liệu, kế toán căn cứ vào điều kiện cụ thể của từng doanh nghiệp về quy mô, trình độ yêu cầu quản lý, mức độ ứng dụng thích hợp phát huy hiệu quả kế toán.

### *a. Phương pháp thẻ song song.*

Nguyên tắc hạch toán:

- Tại kho: thủ kho dùng thẻ để phản ánh tình hình nhập – xuất vật liệu về mặt số lượng, thẻ kho được mở chi tiết cho từng loại vật tư. Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ nhập xuất thủ kho ghi số lượng thực nhập xuất và cuối mỗi ngày tính ra số lượng tồn trên thẻ kho. Mỗi chứng từ ghi vào một dòng của thẻ kho. Theo thủ kho phải thường xuyên đối chiếu với sổ chi tiết vật liệu để đảm bảo khớp nhau. Cuối tháng thủ kho phải tính ra tổng cộng số nhập – xuất – tồn kho từng danh mục vật tư.

- Tại phòng kế toán: kế toán vật tư mở sổ kế toán chi tiết cho từng danh mục vật tư tương ứng với thẻ kho. Sổ này có nội dung tương tự như thẻ kho, chỉ khác là theo dõi cả về mặt giá trị. Hàng ngày hoặc định kỳ, khi nhận được các chứng từ nhập, xuất do thủ kho chuyển tới, kế toán vật tư phải kiểm tra đối chiếu, ghi đơn giá và tính ra số tiền. Căn cứ vào chứng từ kế toán lần lượt ghi các nghiệp vụ nhập – xuất – tồn kho từng danh mục vật tư để đối chiếu sổ tổng hợp với thẻ kho.

Để thực hiện giữa kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết thì kế toán phải căn cứ vào sổ kế toán chi tiết để lập “Bảng tổng hợp Nhập – Xuất – Tồn kho” về mặt giá trị và từng loại nguyên vật liệu.

- Ưu điểm: ghi chép đơn giản, dễ kiểm tra đối chiếu, phát hiện sai sót trong việc ghi chép, quản lý chặt chẽ tình hình biến động về số lượng hiện có của từng loại vật liệu theo số lượng và giá trị của chúng.

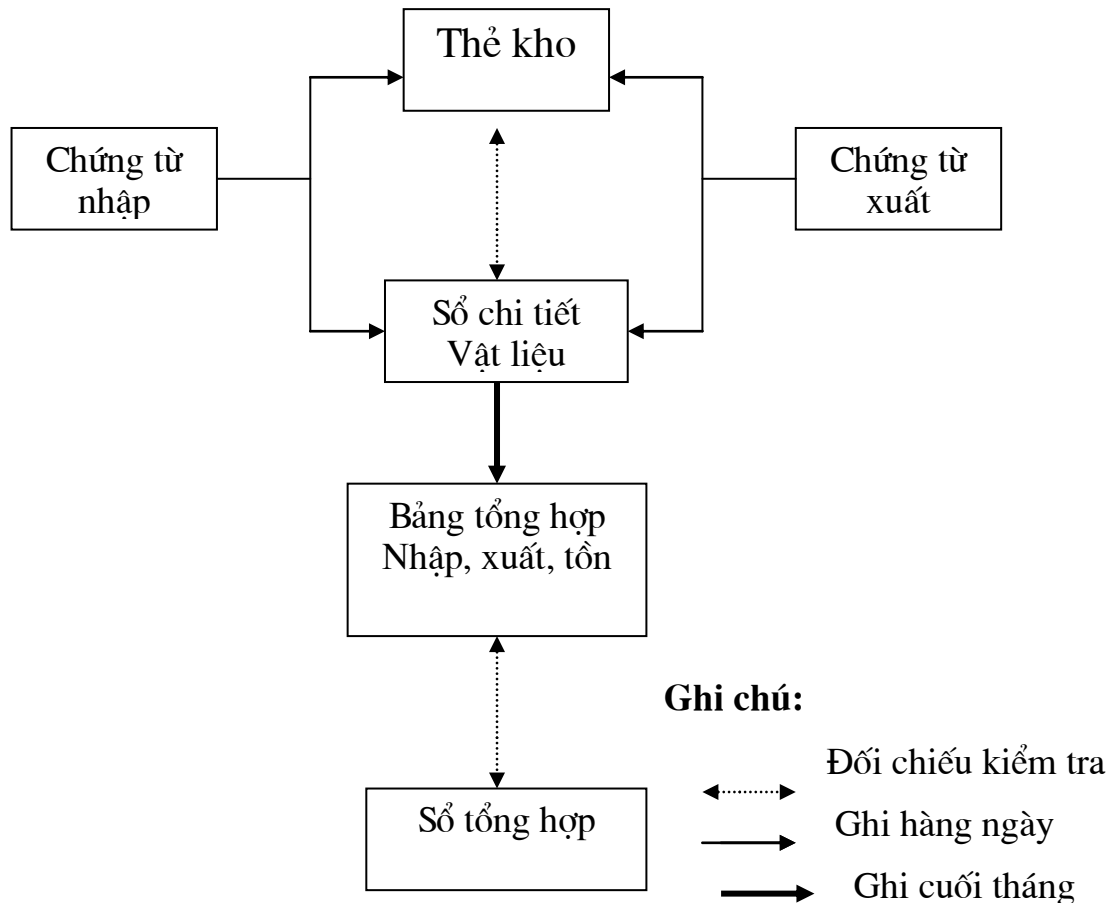
- Nhược điểm: việc ghi chép giữa thủ kho và phòng kế toán cần trùng lặp về chỉ tiêu số lượng, khối lượng công việc ghi chép quá lớn nếu chủng loại vật tư nhiều và tình hình nhập, xuất diễn ra thường xuyên, hàng ngày. Hơn nữa

## ***Khóa luận tốt nghiệp***

việc kiểm tra đối chiếu chủ yếu tiến hành vào cuối tháng, do vậy hạn chế chức năng của kế toán.

- Phương pháp thẻ song song được áp dụng thích hợp trong các doanh nghiệp có ít chủng loại vật liệu, công cụ dụng cụ, khối lượng các nghiệp vụ (chứng từ) nhập, xuất ít, không thường xuyên và trình độ nghiệp vụ chuyên môn của cán bộ kế toán còn hạn chế.

### **Sơ đồ 1: Sơ đồ hạch toán chi tiết theo phương pháp thẻ song song.**



### ***b. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.***

Nguyên tắc hạch toán:

- Tại kho: để hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, thủ kho mở thẻ kho để theo dõi về mặt số lượng của từng danh mục vật tư như trường hợp hạch toán chi tiết theo phương pháp thẻ song song.

- Tại phòng kế toán: kế toán không mở sổ chi tiết mà mở sổ đối chiếu luân chuyển để hạch toán số lượng và số tiền của từng danh mục vật tư theo từng

## ***Khóa luận tốt nghiệp***

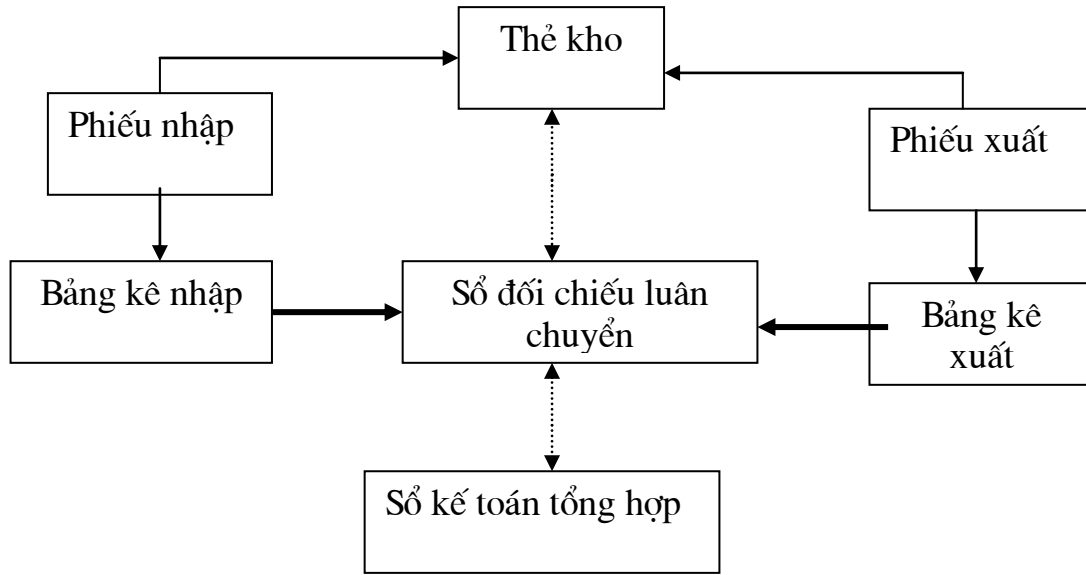
---

khoản. Sổ này ghi mỗi tháng một lần vào cuối tháng trên cơ sở tổng hợp chứng từ nhập – xuất phát sinh trong tháng của từng loại vật liệu, mỗi loại vật liệu chỉ ghi một dòng trong sổ. Kế toán lập “bảng kê nhập vật liệu”. Cuối tháng, đối chiếu số lượng vật liệu trên sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho, đối chiếu số tiền với kế toán tổng hợp.

- **Ưu điểm**: Giảm đ- ợc khối l- ợng ghi sổ kế toán do chỉ ghi một lần vào cuối tháng.
- **Nh- ợc điểm**: Việc ghi sổ kế toán vẫn trùng lặp (ở phòng kế toán vẫn theo dõi cả chỉ tiêu số lượng và giá trị) công việc kế toán dồn vào cuối tháng, việc kiểm tra đối chiếu giữa phòng kế toán và kho chỉ tiến hành vào cuối tháng do trong tháng kế toán không ghi sổ. Tác dụng của kế toán trong công tác quản lý bị hạn chế.
- **Điều kiện áp dụng**: thích hợp trong các doanh nghiệp có khối lượng nghiệp vụ nhập, xuất không nhiều, không bố trí riêng nhân viên kế toán vật liệu. Do vậy, không có điều kiện ghi chép, theo dõi tình hình kế toán nhập, xuất hàng ngày.

**Sơ đồ 2: Sơ đồ trình tự kế toán chi tiết vật t- theo ph- ơng pháp**

**sổ đối chiếu luân chuyển.**



**Ghi chú:**

- ◄-----► Đối chiếu kiểm tra
- > Ghi hàng ngày
- > Ghi cuối tháng

*c. Ph- ơng pháp số d- :*

Nguyên tắc hạch toán:

- Tại kho: định kỳ sau khi ghi thẻ kho, thủ kho phải tập hợp chứng từ nhập kho, xuất kho phát sinh theo từng loại nguyên vật liệu. Sau đó, nhận phiếu giao nhận chứng từ và giao cho kế toán. Ngoài ra, thủ kho còn phải ghi số lượng vật liệu tồn kho cuối tháng theo từng danh mục vật liệu vào sổ số dư. Sổ số dư được kế toán mở cho từng kho và dùng cho cả năm, trước ngày cuối tháng kế toán giao cho thủ kho để ghi vào sổ. Ghi xong thủ kho phải gửi về phòng kế toán để kiểm tra và tính thành tiền.

- Tại phòng kế toán: định kỳ kế toán phải xuống kho để hướng dẫn và kiểm tra việc ghi chép của thủ kho và thu nhận chứng từ kế toán kiểm tra và tính giá theo từng chứng từ (tổng cộng tiền ghi vào cột số tiền trên phiếu giao nhận chứng từ). Đồng thời, ghi số tiền vừa tính được của từng nhóm vật tư vào bảng lũy kế nhập,

## ***Khóa luận tốt nghiệp***

---

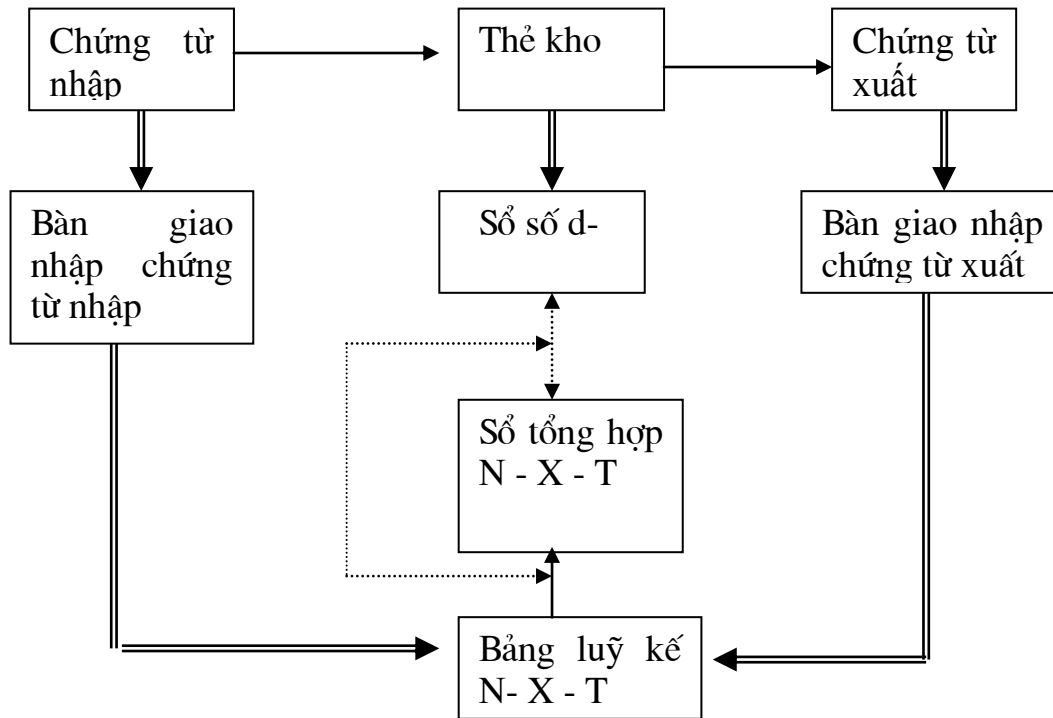
xuất, tồn kho. Sổ này mở cho từng kho, mỗi kho một tờ, được ghi chép trên cơ sở các phiếu giao nhận chứng từ nhập, xuất vật tư. Tiếp đó cộng số tiền nhập, xuất trong tháng dựa vào số dư đầu tháng để tính ra số dư cuối tháng của từng nhóm vật tư. Số dư này dùng để đối chiếu với cột tiền trên sổ số dư.

- Ưu điểm: Giảm nhẹ khối lượng ghi chép hàng ngày do kế toán chi tiết vật liệu chỉ theo dõi về mặt giá trị của từng nhóm vật tư - tránh việc trùng lặp với thủ kho. Công việc kế toán được tiến hành đều trong tháng, tạo điều kiện cung cấp kịp thời tài liệu kế toán phục vụ công tác lãnh đạo và quản lý ở doanh nghiệp, thực hiện kiểm tra giám sát thường xuyên của kế toán đối với việc nhập, xuất vật liệu hàng ngày.

- Nhược điểm: Do kế toán chỉ ghi sổ theo chỉ tiêu giá trị theo nhóm, loại vật liệu nên qua số liệu kế toán không thể nhận biết được số lượng hiện có và tình hình tăng giảm vật liệu mà phải xem số lượng trên thẻ kho. Ngoài ra, khi đối chiếu, kiểm tra số liệu ở sổ số dư và bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn kho nếu không khớp đúng thì việc kiểm tra để phát hiện sự nhầm lẫn, sai sót trong việc ghi sổ sẽ có nhiều khó khăn, phức tạp và tốn nhiều công sức.

- Điều kiện áp dụng: Phương pháp sổ số dư được áp dụng thích hợp trong các doanh nghiệp có khối lượng các nghiệp vụ kinh tế (chứng từ nhập, xuất) về nhập, xuất vật liệu diễn ra thường xuyên, nhiều chủng loại vật liệu và đã xây dựng được hệ thống danh mục vật liệu, dùng để đánh giá hạch toán hàng ngày tình hình nhập, xuất, tồn kho. Phương pháp này yêu cầu về trình độ quản lý của cán bộ kế toán của doanh nghiệp tương đối cao.

**Sơ đồ 3: Sơ đồ trình tự kế toán theo phương pháp sổ số d-**



**Ghi chú:**

- ↔ Đối chiếu hàng ngày
- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng.

**1.4. Kế toán tổng hợp nguyên liệu vật liệu.**

Vật liệu là tài sản l- u động thuộc nhóm hàng tồn kho của Doanh nghiệp, nó đ- ợc nhập xuất kho th- ờng xuyên liên tục. Tuy nhiên tùy theo đặc điểm vật liệu của từng Doanh nghiệp mà các Doanh nghiệp có các ph- ơng pháp kiểm kê khác nhau. Có Doanh nghiệp kiểm kê theo từng nghiệp vụ nhập xuất, nh- ng cũng có Doanh nghiệp chỉ kiểm kê một lần vào thời điểm cuối kỳ. T- ơng ứng với hai ph- ơng pháp kiểm kê trên, trong kế toán tổng hợp về vật liệu nói riêng, hàng tồn kho nói chung có hai ph- ơng pháp là:

- Ph- ơng pháp kê khai th- ờng xuyên.
- Ph- ơng pháp kiểm kê định kỳ.

**1.4.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.**

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi và phản ánh tình hình hiện có, biến động tăng giảm hàng tồn kho một cách thường xuyên liên tục trên các tài khoản phản ánh từng loại hàng tồn kho. Phương pháp này được sử dụng phổ biến hiện nay ở nước ta vì những tiện ích của nó, tuy nhiên những Doanh nghiệp có nhiều chủng loại vật tư, hàng hoá có giá trị thấp, thường xuyên xuất dùng, xuất bán mà áp dụng phương pháp này sẽ tốn rất nhiều công sức. Dù vậy phương pháp này có độ chính xác cao và cung cấp thông tin về hàng tồn kho một cách kịp thời. Theo phương pháp này, tại bất kỳ thời điểm nào kế toán cũng có thể xác định được lượng nhập xuất tồn kho của từng loại vật liệu nói riêng và hàng tồn kho nói chung.

Phương pháp này áp dụng trong các Doanh nghiệp có quy mô lớn chủ yếu là Doanh nghiệp Nhà nước sản xuất nhiều loại sản phẩm khác nhau với số lượng lớn, giá trị cao.

Để hạch toán NVL kế toán sử dụng các tài khoản sau để hạch toán:

- Tài khoản 152 – Nguyên vật liệu.

Tài khoản này dùng để theo dõi giá trị hiện có, tình hình tăng giảm NVL theo giá thực tế có thể mở chi tiết theo từng loại, nhóm, thứ, kho tùy theo phương pháp quản lý và hạch toán của từng đơn vị.

*Bên Nợ:* Phản ánh giá thực tế làm tăng NVL trong kỳ nhập mua ngoài, tự gia công chế biến, nhận góp vốn....

*Bên Có:* - Phản ánh giá thực tế làm giảm NVL trong kỳ nhập dùng, xuất bán, xuất góp vốn liên doanh, thiếu hụt, triết khấu được hưởng...

*Số d- Nợ* (đầu kỳ hoặc cuối kỳ): Phản ánh giá trị NVL tồn kho (đầu kỳ hoặc cuối kỳ)

Tài khoản 152 có thể mở thành các tài khoản cấp 2:

TK 1521: NVL chính

TK 1522: Vật liệu phụ



## *Khóa luận tốt nghiệp*

---

TK 1523: Nhiên liệu

TK 1524: Phụ tùng thay thế

TK 1525: Vật t-, thiết bị xây dựng cơ bản

TK 1528: Vật liệu khác.

Tài khoản 151: Hàng mua đi đ- ờng.

Tài khoản này dùng để theo dõi các loại NVL, CCDC, hàng hoá mà Doanh nghiệp đã mua hay chấp nhận mua, đã thuộc quyền sở hữu của Doanh nghiệp nh- ng cuối tháng ch- a về nhập kho (kể cả số gửi ở kho ng- ời khác).

*Bên Nợ:* Phản ánh hàng đang đi đ- ờng tăng.

*Bên Có:* Phản ánh trị giá hàng đi đ- ờng kỳ tr- ớc đã nhập kho hay chuyển giao cho các bộ phận sử dụng hoặc bàn giao cho khách hàng.

*Số d- Nợ:* Phản ánh trị giá hàng đi đ- ờng (đầy kỳ hoặc cuối kỳ).

Ngoài ra, trong quá trình hạch toán, kế toán còn sử dụng một số tài khoản liên quan khác như: TK 133, 331, 111, 112....

Căn cứ vào giấy nhận hàng, nếu xét thấy cần thiết thì khi hàng về đến nơi có thể lập ban kiểm nhận vật liệu cả về số l- ợng, chất l- ợng, quy cách. Ban kiểm nhận căn cứ vào kết quả thực tế để ghi vào “Biên bản kiểm kê vật tư” sau đó bộ phận cung ứng sẽ lập “Phiếu nhập kho” vật tư trên cơ sở hoá đơn, giấy báo nhận hàng và biên bản kiểm nhận rồi giao cho thủ kho. Thủ kho sẽ ghi số thực nhập vào phiếu rồi chuyển cho phòng kế toán làm căn cứ ghi sổ. Tr- ờng hợp phát hiện thừa thiếu, sai quy cách, thủ kho phải báo cho bộ phận cung ứng biết và cùng ng- ời giao lập biên bản.

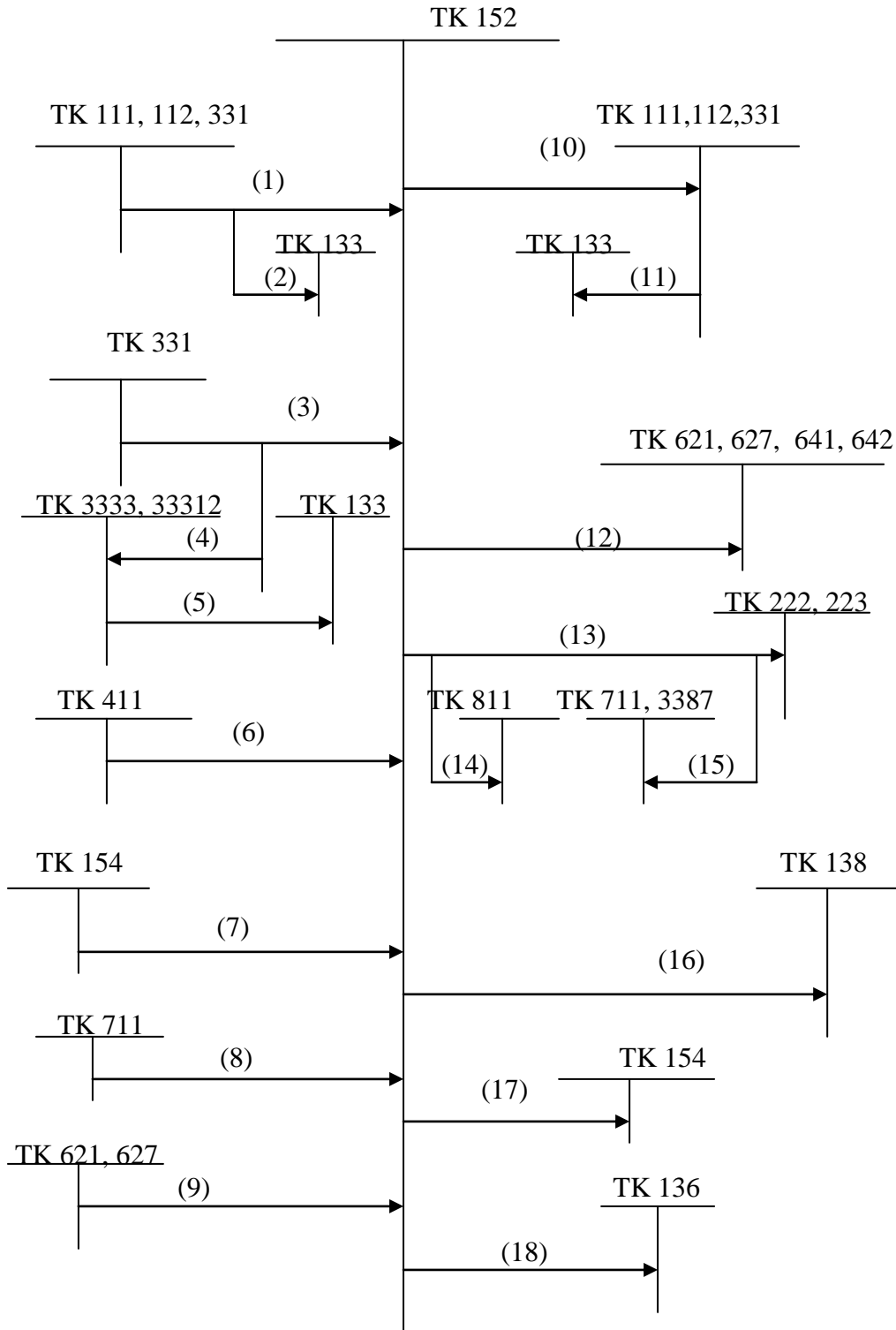
Các chứng từ đ- ợc sử dụng trong hạch toán vật liệu ở Doanh nghiệp th- ờng bao gồm:

- Hoá đơn bán hàng (nếu tính theo ph- ơng pháp trực tiếp).
- Hoá đơn GTGT (nếu tính theo ph- ơng pháp khấu trừ)

## *Khóa luận tốt nghiệp*

- Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ, phiếu xuất vật t-  
theo hạn mức, phiếu xuất kho ... tùy theo từng nội dung chủ yếu của từng Doanh  
nghiệp.

### **Sơ đồ 4: SƠ ĐỒ KẾ TOÁN TỔNG HỢP NGUYÊN VẬT LIỆU THEO PHƯƠNG PHÁP KÊ KHAI THƯỜNG XUYÊN.**



### **Giải thích:**

- (1): Nhập kho nguyên vật liệu do mua ngoài.
- (2): Thuế GTGT được khấu trừ.
- (3): Nhập kho nguyên vật liệu do nhập khẩu.
- (4): Thuế nhập khẩu.
- (5): Thuế GTGT hàng nhập khẩu.
- (6): Nhập kho nguyên vật liệu do nhận vốn góp liên doanh, liên kết, được cấp.
- (7): Nhập kho nguyên vật liệu do tự thuê ngoài gia công, tự chế.
- (8): Nhập kho nguyên vật liệu do được biếu, tặng.
- (9): Nhập kho vật tư đã sản xuất sử dụng không hết đem nhập kho.
- (10): Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng mua.
- (11): Giảm thuế GTGT hàng mua.
- (12): Trị giá nguyên vật liệu xuất dùng cho các mục đích khác nhau.
- (13): Xuất kho nguyên vật liệu góp vốn liên doanh, liên kết.
- (14): Trường hợp chênh lệch lỗ.
- (15): Trường hợp chênh lệch lãi.
- (16): Nguyên vật liệu thiếu khi kiểm kê chưa rõ nguyên nhân.
- (17): Xuất tự chế, thuê ngoài gia công chế biến.
- (18): Xuất cho vay tạm thời.

**Ghi chú:** Nếu doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh mặt hàng không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, hoặc doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì trên sơ đồ không có TK 133.

#### **1.4.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp Kiểm kê định kỳ.**

Phương pháp kiểm kê định kỳ không phản ánh thường xuyên tình hình nhập xuất nguyên vật liệu ở TK 152. Các tài khoản này chỉ phản ánh giá trị nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ và cuối kỳ. Việc nhập – xuất nguyên vật liệu hàng ngày được phản ánh ở TK 611 – Mua hàng. Cuối kỳ kiểm kê nguyên vật liệu, sử dụng phương pháp cân đối để tính trị giá vật tư xuất kho theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá vật tư} & & \text{Trị giá vật tư} & & \text{Trị giá vật tư} & & \text{Trị giá vật tư} \\ \text{xuất kho} & = & \text{tồn đầu kỳ} & + & \text{nhập trong kỳ} & + & \text{tồn cuối kỳ} \end{array}$$

Các TK sử dụng:

TK 611 mua hàng: Là TK phản ánh giá thực tế vật liệu, công cụ dụng cụ tăng (↑) (↓) giảm trong kỳ

Bên nợ: Giá thực tế VL, công cụ, dụng cụ tồn đầu kỳ, tăng trong kỳ.

Bên có: Kết chuyển giá thực tế VL công cụ, dụng cụ tồn cuối kỳ do:

## *Khóa luận tốt nghiệp*

---

- Giá thực tế VL, công cụ, dụng cụ giảm do hàng bị trả lại, chiết khấu thương mại

- Tổng giá thực tế VL xuất dùng.

TK này không có số d- và mở chi tiết cho từng loại NVL, công cụ, dụng cụ.

TK 152: ( nguyên liệu, VL) là TK theo dõi giá thực tế VL tồn kho

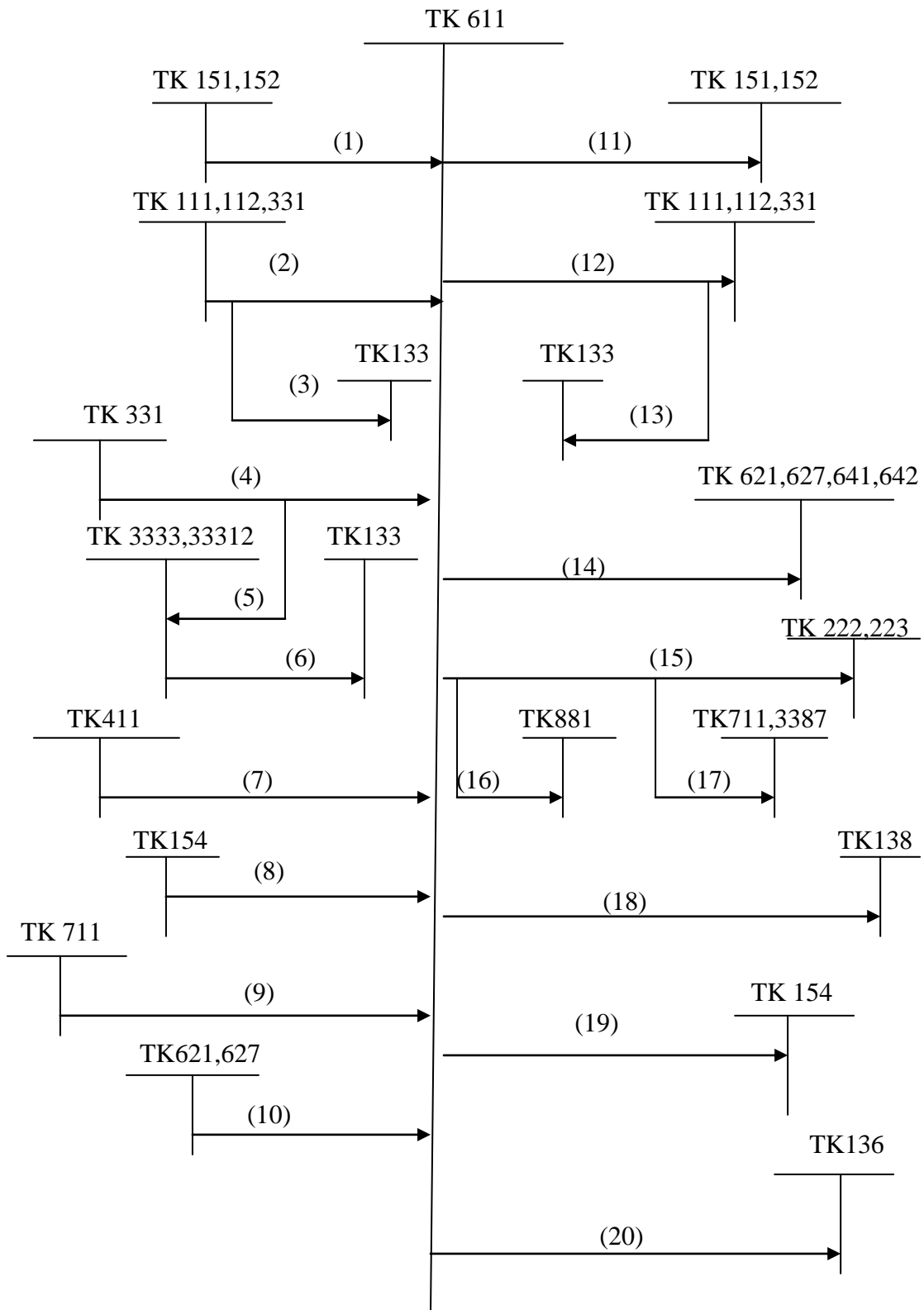
Bên nợ: Giá thực tế VL tồn kho cuối kỳ đ- ợc kết chuyển sang từ TK611

Bên có: Kết chuyển giá thực tế VL tồn kho đầu kỳ sang TK 611.

TK này d- nợ: Phản ánh giá thực tế VL tồn kho

## Khóa luận tốt nghiệp

### Sơ đồ 5: SƠ ĐỒ KẾ TOÁN TỔNG HỢP NGUYÊN VẬT LIỆU THEO PHƯƠNG PHÁP KIỂM KÊ ĐỊNH KỲ



### **Giải thích:**

- (1) : Kết chuyển nguyên vật liệu tồn đầu kỳ.
- (2) : Nhập kho nguyên vật liệu do mua ngoài.
- (3) : Thuế GTGT được khấu trừ.
- (4) : Nhập kho nguyên vật liệu do nhập khẩu.
- (5) : Thuế nhập khẩu.
- (6) : Thuế GTGT hàng nhập khẩu.
- (7) : Nhập kho nguyên vật liệu do nhận góp vốn liên doanh, liên kết, được cấp.
- (8) : Nhập kho nguyên vật liệu do tự thuê ngoài gia công, tự chế.
- (9) : Nhập kho nguyên vật liệu do được biếu, tặng.
- (10) : Nhập kho vật tư đã xuất sử dụng không đem nhập kho.
- (11) : Kết chuyển nguyên vật liệu tồn cuối kỳ.
- (12) : Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng mua.
- (13) : Giảm thuế GTGT mua hàng.
- (14) : Trị giá nguyên vật liệu xuất dùng cho các mục đích khác nhau.
- (15) : Xuất nguyên vật liệu góp vốn liên doanh, liên kết.
- (16) : Trường hợp chênh lệch lỗ.
- (17) : Trường hợp chênh lệch lãi.
- (18) : Nguyên vật liệu thiếu khi kiểm kê chưa rõ nguyên nhân.
- (19) : Xuất tự chế, thuê ngoài gia công chế biến.
- (20) : Xuất cho vay tạm thời.

**Ghi chú:** Nếu doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh mặt hàng không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, hoặc doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì trên sơ đồ không có TK 133.

### **1.5. Hình thức kế toán**

Hình thức sổ kế toán là hệ thống tổ chức sổ kế toán, số lượng sổ, kết cấu mẫu sổ, mối quan hệ giữa các loại sổ được sử dụng để ghi chép, tổng hợp, hệ thống hóa số liệu chứng từ gốc theo một trình tự và phương pháp ghi sổ nhất định, nhằm cung cấp các tài liệu có liên quan đến các chỉ tiêu kinh tế tài chính, phục vụ việc thiết lập các báo cáo kế toán.

Mỗi hình thức kế toán được quy định một hệ thống sổ kế toán có liên quan. Doanh nghiệp phải căn cứ vào hệ thống sổ kế toán do Bộ Tài chính quy định để lựa chọn, áp dụng một hệ thống sổ kế toán theo hình thức kế toán mà doanh nghiệp đã chọn.

Tất cả những doanh nghiệp thuộc mọi loại hình, mọi lĩnh vực hoạt động sản xuất, kinh doanh và mọi thành phần kinh tế đều phải mở, ghi chép, quản lý, lưu

## ***Khóa luận tốt nghiệp***

thông và bảo quản sổ kế toán theo đúng quy định của Luật kế toán, và quyết số 167/2000/QĐ-BTC ngày 25/10/2000 của Bộ Tài chính.

Doanh nghiệp cụ thể hóa các sổ kế toán theo hình thức kế toán đã lựa chọn, phù hợp với quy mô đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản lý trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán, điều kiện trang bị kỹ thuật tính toán.

Các sổ tổng hợp theo hình thức kế toán đ-ợc các doanh nghiệp vận dụng phải tuân thủ mọi nguyên tắc cơ bản về loại sổ, kết cấu các loại sổ, mối quan hệ và sự kết hợp giữa các loại sổ, trình tự và kỹ thuật ghi chép các loại sổ kế toán. Các sổ chi tiết mang tính h-ớng dẫn, doanh nghiệp có thể cụ thể hóa để phản ánh thông tin chi tiết theo yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Doanh nghiệp mở hệ thống sổ kế toán cho kỳ kế toán trong năm. Các nghiệp vụ kinh tế tài chính đ-ợc phản ánh ghi chép vào sổ kế toán một cách đầy đủ, th- ơng xuyên, liên tục, chính xác, trung thực và đúng với chứng từ kế toán.

Hiện nay, có bốn hình thức sổ dùng để hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu. Tùy từng đặc điểm, điều kiện và trình độ kế toán của doanh nghiệp có thể dùng một trong bốn hình thức sổ sau:

### **1.5.1. Hình thức sổ kế toán nhật ký chung (NKC)**

*\*Điều kiện áp dụng:* Hình thức sổ NKC th- ờng áp dụng cho các doanh nghiệp có số l- ợng nghiệp vụ diễn ra không nhiều, sử dụng ít tài khoản.

*\* Hình thức này gồm có các loại sổ sau:*

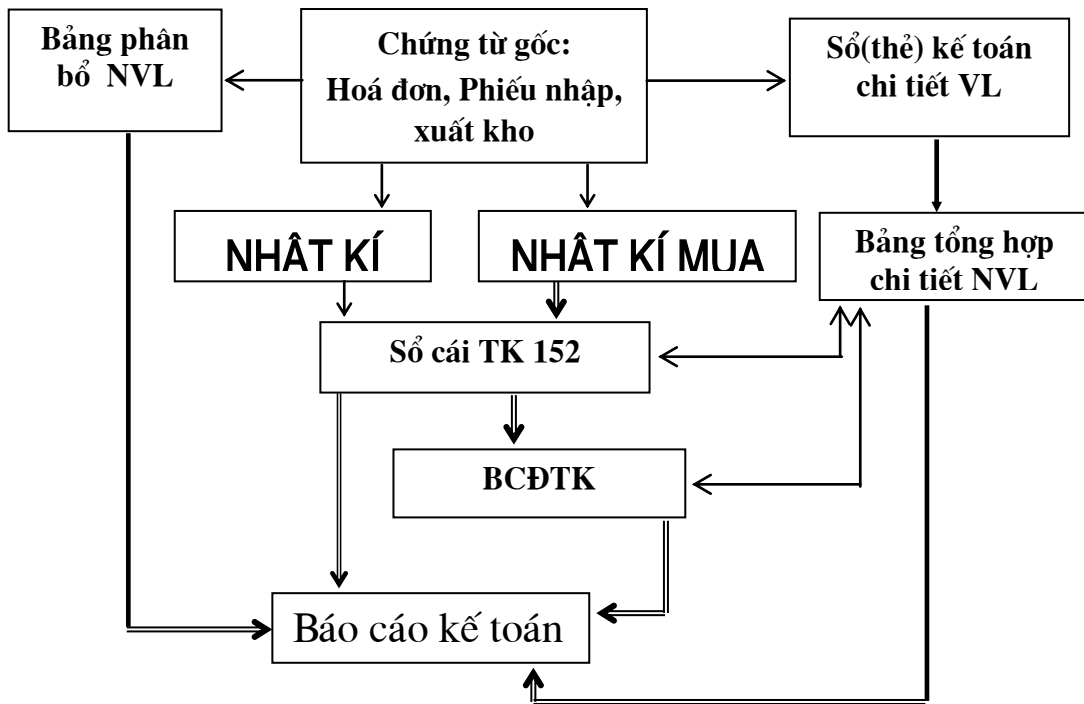
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 152
- Sổ (Thẻ) kế toán chi tiết vật liệu, bảng tổng hợp chi tiết NVL
- Bảng phân bố nguyên vật liệu.

*\* Trình tự ghi sổ:*

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc, ghi vào sổ NKC, sau đó từ sổ NKC ghi vào sổ cái TK 152. Tr- ờng hợp doanh nghiệp mở các sổ nhật ký đặc biệt (nhật ký mua hàng) Bảng phân bố nguyên vật liệu thì định kỳ ghi vào căn cứ vào các chứng từ nhập- xuất, cuối tháng ghi vào sổ cái TK 152, từ sổ cái TK 152 vào bảng cân đối kế toán, báo cáo tài chính.

Từ chứng từ nhập- xuất NVL vào thẻ lên kế toán chi tiết NVL, theo danh điểm nguyên vật liệu, cuối tháng vào bảng tổng hợp chi tiết NVL, sau đó từ bảng tổng hợp chi tiết nguyên vật liệu đối chiếu với sổ cái TK 152.

**Sơ đồ 6: SƠ ĐỒ TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN NVL THEO HÌNH THỨC NKC:**



**Ghi chú:**       $\longrightarrow$       Ghi hàng ngày  
                          $\Longrightarrow$       Ghi cuối tháng  
                          $\longleftrightarrow$       Quan hệ đối chiếu



## ***Khóa luận tốt nghiệp***

---

- *Ưu điểm:* + Có thể vận dụng cho các loại hình doanh nghiệp đặc biệt cho các doanh nghiệp lớn.
  - + Rất thuận tiện cho việc cơ giới hoá tính toán.
  - + Ghi chép đơn giản.
  - + Thuận lợi cho việc đối chiếu, kiểm tra tránh tiêu cực và đặc biệt rất thích hợp khi sử dụng kế toán máy.
- *Nhược điểm:* Dễ bị trùng lặp số liệu do ghi vào nhiều loại sổ khác nhau.

### **1.5.2. Hình thức sổ kế toán nhật ký - sổ cái (NK - SC)**

\* *Điều kiện áp dụng:* phù hợp với các doanh nghiệp số lượng nghiệp vụ diễn ra ít, và sử dụng ít TK, trình độ nhân viên kế toán không cao.

\* *Sổ sách dùng để hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu:*

Theo hình thức này, kế toán chỉ mở một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất: Sổ NK - SC. Sổ này gồm có 2 phần:

- *Phần nhật ký:* Ghi chứng từ, diễn giải, ngày tháng ghi sổ, số tiền phát sinh

- *Phần sổ cái:* Ghi thành nhiều cột, mỗi cột ghi sổ cái 1 tài khoản.

\* *Trình tự ghi sổ:*

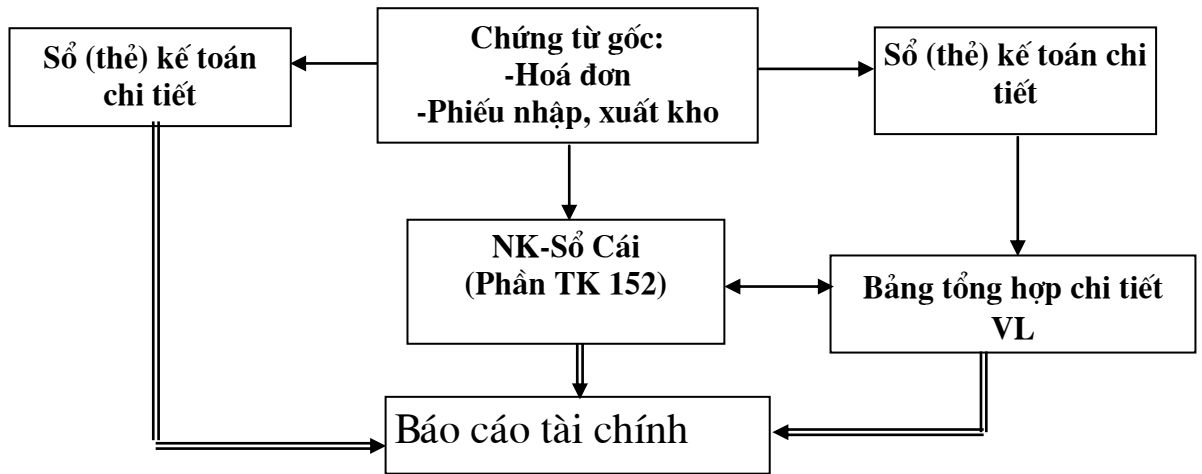
Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc, kế toán kiểm tra tình hợp pháp của các nghiệp vụ và đồng thời ghi vào NK - SC theo nội dung nghiệp vụ.

Cuối tháng tổng hợp và kiểm tra đối chiếu số liệu trên các tài khoản:

$$\text{Tổng số tiền ở phần nhật ký} = \text{Tổng số tiền phát sinh nợ của tất cả các tài khoản} = \text{Tổng số tiền phát sinh có của tất cả các tài khoản}$$

Ngoài ra, kế toán còn ghi vào bảng phân bổ nguyên vật liệu, sổ kế toán chi tiết vật liệu. Trình tự ghi sổ đ- ợc biểu diễn qua sơ đồ sau:

**Sơ đồ 7: SƠ ĐỒ TRÌNH TỰ KẾ TOÁN NVL THEO HÌNH THỨC NK - SC.**



**Ghi chú:**      →      Ghi hàng ngày  
                    →      Ghi cuối tháng  
                    ↔      Quan hệ đối chiếu

- *Ưu điểm:* Ghi chép đơn giản, dễ hiểu, dễ làm, dễ kiểm tra.
- *Nhược điểm:* Chỉ vận dụng cho doanh nghiệp nhỏ, sử dụng ít tài khoản, nghiệp vụ kinh tế phát sinh không nhiều, không thể thực hiện chuyên môn hoá phân công lao động kế toán

**1.5.3. Hình thức sổ chứng từ - ghi sổ (CTGS)**

\* *Điều kiện áp dụng:*

Thích hợp với các doanh nghiệp có quy mô lớn, số lượng kế toán viên nhiều trình độ chuyên môn cao.

\* *Theo hình thức này, sổ sách kế toán được sử dụng bao gồm:*

- Chứng từ ghi sổ, sổ đăng ký chứng từ
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu.
- Sổ (thẻ - kế toán chi tiết vật liệu, bảng tổng hợp chi tiết vật liệu.

\* *Trình tự ghi sổ:*

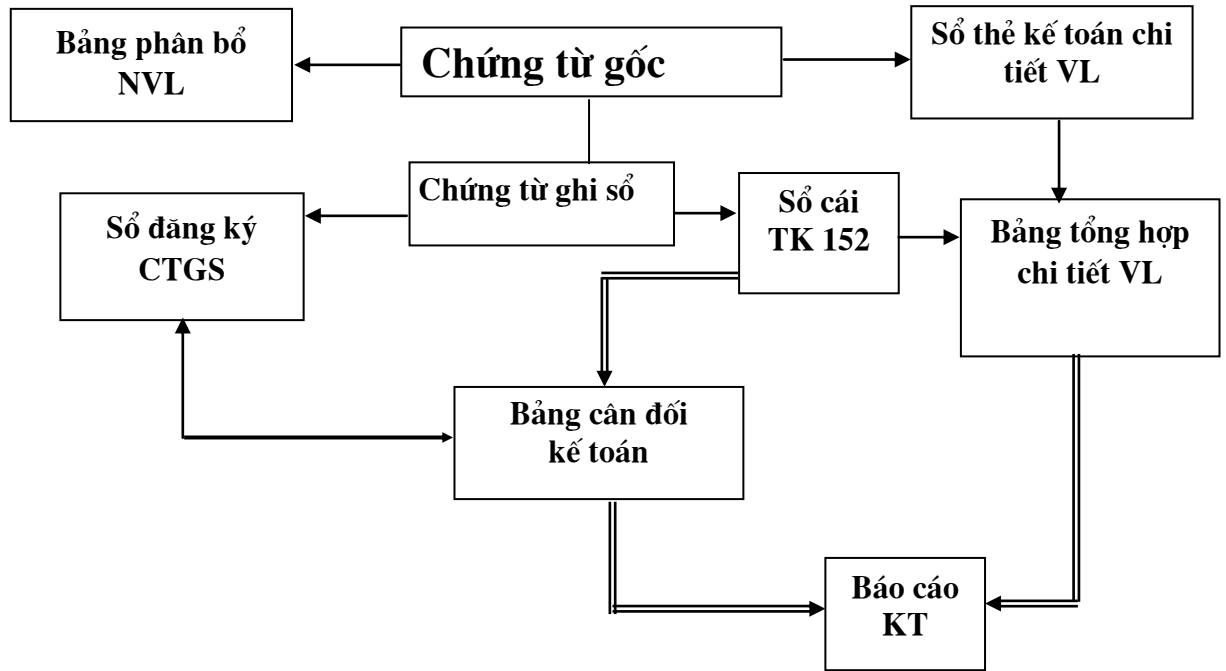
Hàng ngày hoặc định kỳ, căn cứ vào phiếu nhập, phiếu xuất vật liệu vào chứng từ ghi sổ, bảng phân bổ nguyên vật liệu, sổ kế toán chi tiết vật liệu. Từ chứng từ ghi sổ vào sổ đăng ký chứng từ, vào sổ cái TK 152. Cuối tháng từ sổ cái

## ***Khóa luận tốt nghiệp***

TK 152 vào Bảng CĐTK và báo cáo kế toán. Cuối tháng kiểm tra đối chiếu số tổng cộng trên sổ đăng ký chứng từ với bảng CĐTK.

Trình tự ghi sổ đ-ợc biểu diễn qua sơ đồ sau.

### **Sơ đồ: KHÁI QUÁT TRÌNH TỰ KẾ TOÁN NVL THEO HÌNH THỨC SỔ CTGS.**



**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng
- ↔ Quan hệ đối chiếu

- ***Ưu điểm:***

- + Vận dụng đ-ợc cho các loại hình doanh nghiệp đặc biệt doanh nghiệp lớn.
- + Thuận tiện cho việc cơ giới hoá tính toán.

- ***Nh-ợc điểm:*** Ghi chép còn trùng lặp nhiều.

### ***1.5.3. Hình thức sổ Nhật ký chứng từ (NKCT)***

***\* Các loại sổ để áp dụng hình thức sổ NKCT***

- Nhật ký chứng từ, bảng kê số 3, bảng phân bổ NVL
- Sổ cái TK 152, sổ thẻ kế toán chi tiết vật liệu

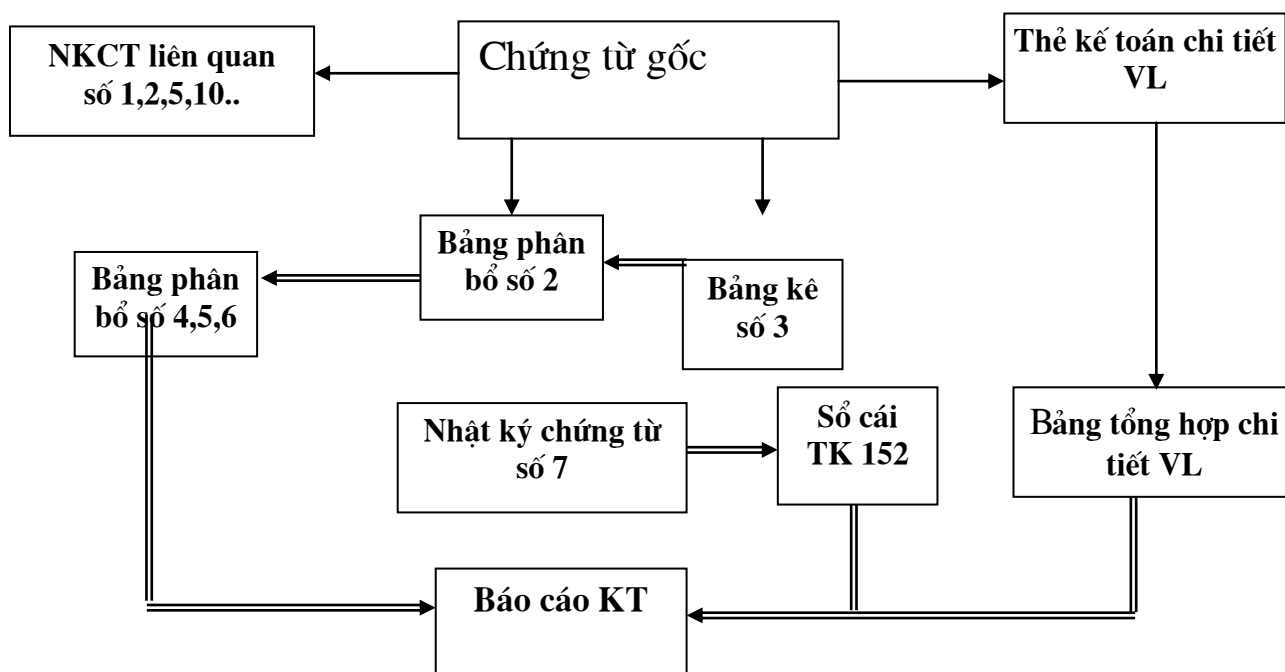
***\* Trình tự ghi sổ:***

## ***Khóa luận tốt nghiệp***

Hàng ngày, định kỳ căn cứ vào các chứng từ nhập - xuất nguyên vật liệu và các công ty khác vào các bảng chi tiết TK 331, và vào NKCT số 5, số 10, số 1,2, bảng kê số , bảng phân bổ số 2, sổ kế toán chi tiết nguyên vật liệu. Cuối kỳ, từ bảng kê số 3 vào bảng phân bổ số 2 từ bảng phân bổ số 2 vào bảng kê số 4,5,6. Từ các bảng kê này vào NKCT số 7, sổ cái TK 152, báo cáo kế toán. Từ thẻ kế toán chi tiết vật liệu cuối tháng vào bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, và từ số liệu bảng này vào báo cáo kế toán.

Trình tự ghi sổ theo hình thức này đ-ợc biểu diễn bằng sơ đồ sau

### **Sơ đồ 9: SƠ ĐỒ TRÌNH TỰ KẾ TOÁN NVL THEO HÌNH THỨC SỔ NKCT.**



**Ghi chú:**

→ Ghi hàng ngày

⇒ Ghi cuối tháng

↔ Quan hệ đối chiếu

- Ưu điểm:

+ Vận dụng đ-ợc cho các loại hình doanh nghiệp đặc biệt doanh nghiệp lớn, số lượng nghiệp vụ nhiều, yêu cầu về chế độ quản lý t-ơng đối ổn định, trình độ nhân viên kế toán cao đồng đều trong điều kiện kế toán thủ công.

## ***Khóa luận tốt nghiệp***

---

+ Rất thuận tiện cho việc phân công lao động kế toán.

- Nhược điểm: Không thuận tiện cho việc cơ giới hoá tính toán.

Trên đây là bốn hình thức sổ kế toán hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu. Tùy theo đặc điểm, tùy điều kiện cũng như trình độ kế toán của kế toán viên mà áp dụng một hình thức phù hợp.

## CHƯƠNG 2:

### THỰC TẾ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN LIỆU TẠI NHÀ MÁY SẢN XUẤT NỘI THẤT XUẤT KHẨU SHINEC.

#### 2.1. Đặc điểm chung của Nhà máy sản xuất nội thất xuất khẩu Shinec.

##### 2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

- ✓ Tên doanh nghiệp: Nhà máy sản xuất nội thất xuất khẩu Shinec
- ✓ Tên giao dịch: Nhà máy sản xuất nội thất xuất khẩu Shinec.
- ✓ Địa chỉ: Cụm công nghiệp tàu thủy Vinashin, xã Lai Vu, Kim Thành, Hải

Dương.

- ✓ Điện thoại: 03203562422
- ✓ Fax: 03203562423
- ✓ Mã số thuế: 0200445567-005

Nhà máy là chi nhánh thuộc công ty Cổ phần công nghiệp tàu thủy Shinec, được thành lập ngày 13/12/2006. Theo quyết định số 413000114 của Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương.

Tổng diện tích Nhà máy 51244 m<sup>2</sup>. Nhà máy được đầu tư 137656000000 đồng.

##### **Trong đó:**

- Tài sản ngắn hạn : 91.481.234.000đ
- Tài sản dài hạn: 30.987.788.000đ
- Vốn chiếm dụng: 13.776.000.000đ
- Vốn chủ sở hữu: 1.397.978.000đ

Trong nguồn vốn đầu tư: 85% vốn đầu tư của dự án lấy từ nguồn vốn vay thương mại, huy động qua đầu mối là công ty tài chính; 15% vốn huy động từ các nguồn khác. Nhà máy có 3 phân xưởng sản xuất với 400 máy móc các loại và 750 công nhân. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của “bão kinh tế” năm 2008 nên nhà máy đã

## ***Khóa luận tốt nghiệp***

cắt giảm nhân sự để duy trì hoạt động. Do đó, hiện tại nhà máy chỉ có một phân xưởng sản xuất hoạt động, với hơn 100 công nhân.

*Một số chỉ tiêu cơ bản của nhà máy trong hai năm gần đây:*

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009
Tổng giá trị tài sản	120.456.652.000	120.485.368.000
- TSNH	75.418.951.000	83.421.285.000
- TSDH	45.037.701.000	37.064.084.000
Nguồn VCSH	28.652.322.000	30.215.463.000
Tổng doanh thu	1.547.100.000	1.402.646.000

### **2.1.2. Đặc điểm sản xuất, kinh doanh của Nhà máy.**

#### *2.1.2.1. Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh.*

Nhà máy sản xuất nội thất xuất khẩu Shinec hoạt động dưới sự lãnh đạo của công ty Cổ phần công nghiệp tàu thủy Shinec. Thực hiện chế độ tự chủ sản xuất theo từng nhà máy. Có tất cả 4 chi nhánh trong đó có 2 nhà máy là nhà máy sản xuất nội thất xuất khẩu Shinec; nhà máy nội thất kim loại Shinec và 2 xí nghiệp là xí nghiệp xây dựng Shinec; xí nghiệp gia công kết cấu thép Shinec.

Các chi nhánh là đơn vị kinh tế phụ thuộc của Công ty thực hiện hạch toán theo nội bộ công ty. Chi nhánh chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Giám đốc công ty, chịu sự kiểm tra giám sát của các cơ quan chức năng, của pháp luật Nhà nước. Những quy định cụ thể:

\* Kế hoạch hoá:

Căn cứ vào định hướng phát triển kinh tế của ngành, công ty chủ động xây dựng kế hoạch dài hạn, trung hạn hàng năm để Tổng công ty trình Bộ phê duyệt. Toàn bộ các hoạt động của công ty được phản ánh trong kế hoạch kinh tế- xã hội bao gồm kế hoạch pháp lệnh, kế hoạch tự tìm kiếm.

Kế hoạch pháp lệnh do cấp trên giao cho công ty dựa trên những chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của Nhà nước thông qua hình thức ký kết hợp đồng kinh tế.

Kế hoạch tự tìm kiếm công ty chủ động xây dựng trên cơ sở khai thác tiềm năng công ty về thiết bị, vật tư, lao động, tiền vốn. Định kỳ hàng năm, giám đốc

## ***Khóa luận tốt nghiệp***

công ty tiến hành phân tích đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch, báo cáo lên cấp trên và thông báo cho cán bộ công nhân viên cho công ty được biết.

\* Khoa học kỹ thuật- công nghệ, chất lượng sản phẩm:

Để đạt mục tiêu sản xuất ra nhiều hàng hoá cho xã hội giữ vững chữ tín với khách hàng, công ty chủ động áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ mới vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty phải đăng kí chất lượng sản phẩm, bảo hành sản phẩm theo quy định., chịu sự kiểm tra chất lượng của công ty có thẩm quyền. Giám đốc công ty phải chịu trách nhiệm toàn bộ về sản phẩm của công ty làm ra.

\* Vật tư, phương thiết bị của công ty:

Tài sản của công ty bao gồm TSCĐ và TSLĐ. Toàn bộ các tài sản của công ty phải được hạch toán đầy đủ, chính xác theo các quy định của Nhà nước. Giám đốc công ty là người chịu trách nhiệm chính cùng tập thể người lao động sử dụng hợp lý và bảo vệ tài sản được Nhà nước giao. Công ty được giao quyền duy trì và không ngừng bổ sung, đổi mới tài sản theo yêu cầu sản xuất bằng vật tư bổ sung vốn tín dụng và vốn huy động từ các nguồn khác. Công ty được quyền ký hợp đồng cung ứng vật tư, thiết bị với các tổ chức Nhà nước và các thành phần kinh tế khác.

\* Tài chính, tín dụng, giá cả:

Vốn của công ty bao gồm vốn cố định và vốn lưu động kể cả nguồn vốn bổ sung, công ty được ngân sách Nhà nước cấp theo quy định. Công ty được quyền vay vốn của tổ chức cá nhân trong và ngoài nước để phát triển kinh doanh. Công ty được gửi tiền vào ngân hàng ( kể cả ngoại tệ). Công ty được mở tài khoản phụ ở các cơ sở ngân hàng nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh. Công ty có trách nhiệm nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định, trích nộp cấp trên theo quy định chung.

Sản phẩm của nhà máy chủ yếu là sản phẩm được chế tạo từ gỗ với mẫu mã, sản phẩm đẹp, tiện dụng phù hợp với nhu cầu hiện tại. Với lợi nhuận nhất định về kinh nghiệm và khả năng quản lý mà nhà máy hiện có. Nhà máy sẽ đảm bảo chuyên môn hóa từng khâu trong quá trình sản xuất. Sản phẩm đầu ra gồm:



## ***Khóa luận tốt nghiệp***

- Sản phẩm phục vụ cho ngành công nghiệp tàu thủy( chiếm tỉ trọng 60% sản phẩm đầu ra). Bao gồm cửa ngăn phòng, giường tủ cá nhân, các loại bàn ghế.

- Sản phẩm phục vụ cho xuất khẩu( chiếm tỉ trọng 40% sản phẩm đầu ra).

Bao gồm:

+ Hàng ngoài trời xuất khẩu: bàn ghế, kệ, xe đẩy ngoài trời.

+ Hàng trong nhà xuất khẩu: giường, kệ, tủ...

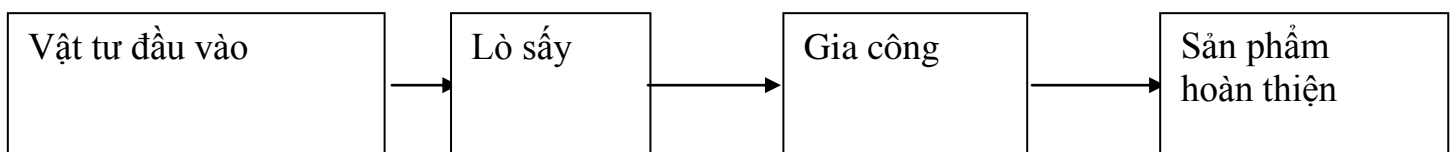
Đặc điểm sản xuất, kinh doanh của Nhà máy ảnh hưởng đến tổ chức bộ máy hoạt động kế toán của Nhà máy là do:

- Do đặc điểm của công nghệ sản xuất
- Do đặc điểm của sản phẩm
  - + Phải bố trí kho nguyên vật liệu
  - + Chi phí thu mua lớn
  - + Sản phẩm phải qua nhiều giai đoạn chế biến.
  - + Bán thành phẩm của giai đoạn trước là sản phẩm của giai đoạn sau.
  - + Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ lớn.

### *2.1.2.2. Đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất.*

Quy trình sản xuất phức tạp qua nhiều công đoạn, dây chuyền sản xuất: vật tư từ kho nguyên vật liệu của nhà máy được lựa chọn khối lượng cần thiết cho mẻ sấy rồi được đưa vào lò sấy để đưa độ ẩm xuống đạt tiêu chuẩn 10% \_ 12% thông qua nồi hơi nhẹ và hệ thống quạt, đồng thời dùng hóa chất xử lý chống mối mọt. Sản phẩm ra lò là gỗ bán thành phẩm tiêu chuẩn đã sơ chế và được đi nhập kho nguyên liệu hoặc gia công ở tổ sơ chế sau đó chuyển sang phân xưởng tinh chế để chế tạo ra sản phẩm hoàn thiện như: bàn, tủ, ghế, gỗ ghép...

**Quy trình hoạt động của nhà máy như sau:**

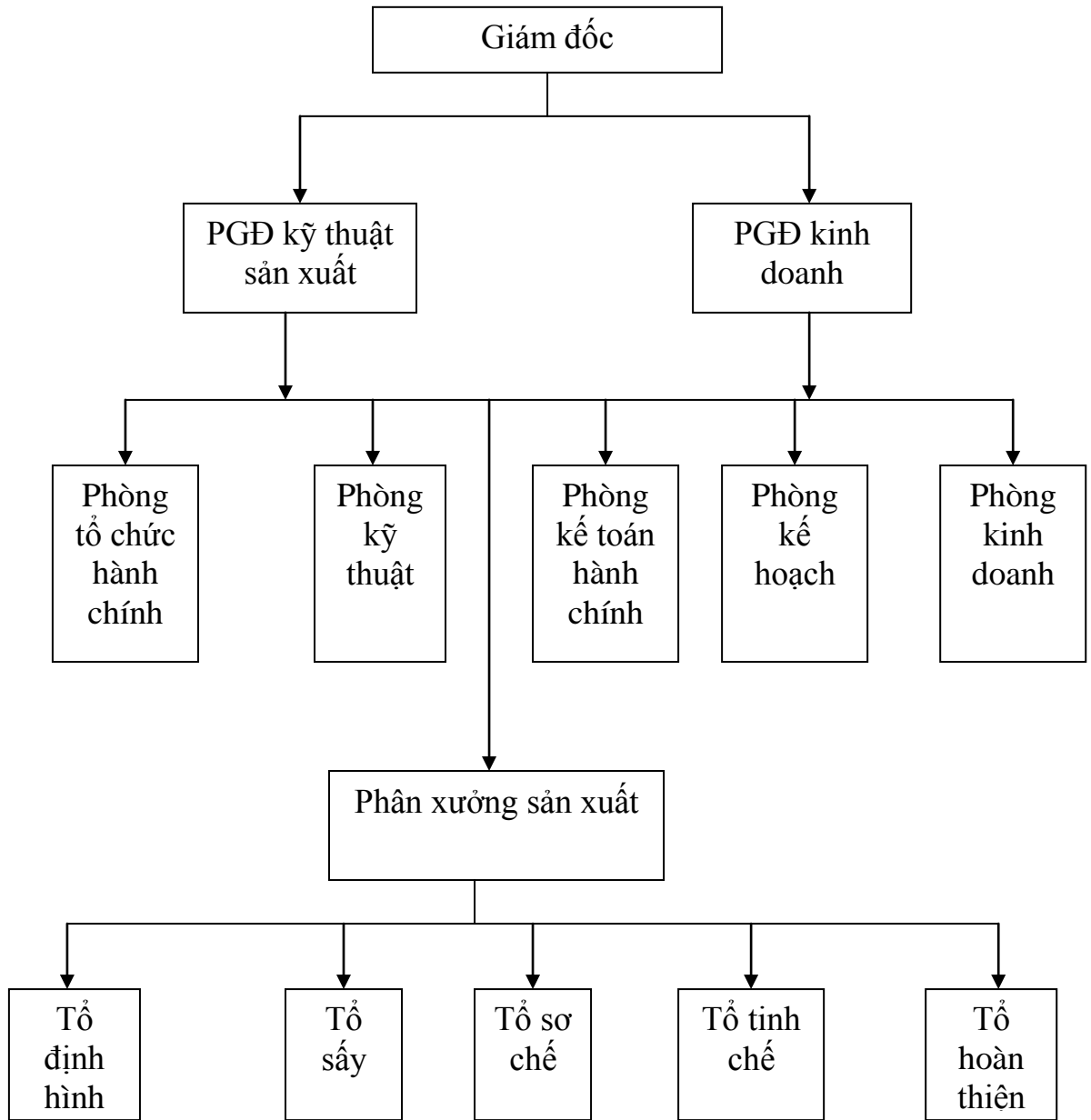


**2.1.3. Đặc điểm công tác quản lý sản xuất kinh doanh.**

Bộ máy quản lý của nhà máy được tổ chức theo cơ cấu trực tuyến chức năng. Đây là một cơ cấu tổ chức quản lý được giải quyết theo một khâu kênh liên hệ đường thẳng giữa cấp trên với cấp dưới trực thuộc. Chỉ có lãnh đạo quản lý ở từng cấp mới có nhiệm vụ quyền hạn ra chỉ thị mệnh lệnh cho cấp dưới. Giám đốc là người ra quyết định cuối cùng nhưng để hỗ trợ cho quá trình ra quyết định của giám đốc thì cần có các bộ phận chức năng. Từ đó giải quyết các vấn đề chuyên môn thành thạo tốt hơn, bớt được gánh nặng cho thủ trưởng đơn vị. Dưới sự chỉ đạo của 02 phó giám đốc và 05 phòng ban với chức năng nhiệm vụ khác nhau, cuối cùng là bộ phận sản xuất gồm 05 phân xưởng chính.

*Khóa luận tốt nghiệp*

**Sơ đồ 10 :SƠ ĐỒ BỘ MÁY TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA NHÀ MÁY SẢN XUẤT NỘI THẤT XUẤT KHẨU SHINEC**



## ***Khóa luận tốt nghiệp***

### *Chức năng nhiệm vụ của các phòng ban*

- ✓ Giám đốc: Là người đại diện pháp nhân của công ty, điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của nhà máy, chịu trách nhiệm quản lý điều hành chung cho mọi việc tổ chức huy động toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của nhà máy. Mô hình bộ máy quản lý được tổ chức theo hai mô hình trực tuyến chức năng và chức năng hiện nay các doanh nghiệp áp dụng nhiều nhất.
- ✓ Phó giám đốc kỹ thuật: Là người được giám đốc ủy quyền trực tiếp chịu trách nhiệm điều hành sản xuất kỹ thuật, chỉ đạo kiểm tra tài chính tổ chức các phong trào và sử dụng lao động, ký các lệnh sản xuất, thay mặt giám đốc ký các lệnh điều hành sản xuất khi giám đốc đi vắng.
- ✓ Phó giám đốc kinh doanh: Là người phụ trách toàn bộ lĩnh vực sản xuất kinh doanh, thay mặt giám đốc điều hành công ty, đảm bảo quá trình sản xuất được thực hiện đúng tiến độ, cân đối sản xuất nhịp nhàng giữa các phân xưởng.
- ✓ Phòng tổ chức hành chính: Có nhiệm vụ quản lý toàn bộ hồ sơ nhân sự, bố trí sắp xếp tuyển chọn công nhân viên, tham mưu cho lãnh đạo về công tác quản lý đào tạo công nhân viên, làm định mức đơn giá tiền lương. Thực hiện tính lương và các khoản trích theo lương, BHXH, BHYT, cho các cán bộ công nhân viên cho toàn nhà máy đồng thời tham gia các vấn đề văn hóa xã hội các hoạt động đối nội cũng như đối ngoại.
- ✓ Phòng kế toán: Phụ trách thực hiện các nghiệp vụ có liên quan đến tình hình thu, chi trong nhà máy, thực hiện hạch toán kế toán các hoạt động sản xuất kinh doanh của nhà máy. Phòng kế toán thực hiện tham mưu cho giám đốc các chế độ tài chính, thể lệ kế toán của nhà nước. Phản ánh thường xuyên kịp thời toàn bộ hoạt động kinh tế, tài chính giúp cho giám đốc nắm bắt được kịp thời tình hình tài chính của nhà máy.
- ✓ Phòng kinh doanh: Làm nhiệm vụ nghiên cứu thị trường, giới thiệu sản phẩm, tiến hành bán hàng.

## ***Khóa luận tốt nghiệp***

- ✓ Phòng kế hoạch: Làm nhiệm vụ quản lý các hoạt động xuất, nhập vật tư thiết bị máy móc, hàng hóa, thủ tục xuất khẩu sản phẩm và các vấn đề hải quan.
- ✓ Phòng kỹ thuật: Xây dựng cải tiến quy trình công nghệ sản xuất tổng hợp và đưa vào thực tiễn những sáng kiến cải tiến kỹ thuật, phụ trách các vấn đề về mặt kỹ thuật sản xuất đồng thời theo dõi trực tiếp các đơn hàng dưới phân xưởng, điều tiết tình hình sản xuất.

*Nhận xét về cơ cấu tổ chức quản lý của nhà máy sản xuất nội thất xuất khẩu Shinec.*

Về cơ bản, việc tổ chức bộ máy quản lý ở công ty là t-ơng đối hợp lý, nó vừa đảm bảo cho việc phát huy quyền chủ động sáng tạo cho các bộ phận. Mỗi bộ phận là bình đẳng, hợp tác tạo điều kiện hỗ trợ giúp đỡ nhau hoàn thành nhiệm vụ của mình và của công ty.

### **2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán.**

#### **2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán.**

Nhà máy tổ chức công tác kế toán theo mô hình tập trung, không có kế toán riêng ở các bộ phận phân xưởng chỉ có thống kê phân xưởng làm nhiệm vụ hướng dẫn, thực hiện hạch toán ban đầu, thu thập, kiểm tra chứng từ và lập kế hoạch định kỳ gửi về phòng kế toán tập trung.

Phòng kế toán Công ty gồm 05 người đảm nhiệm các phần hành khác nhau, thực hiện hạch toán kế toán hoạt động kinh tế tài chính phát sinh ở bộ phận các phân xưởng, khối văn phòng cùng với việc tổng hợp số liệu chung toàn nhà máy, lập các báo cáo kế toán định kỳ, quản lý toàn bộ công tác kế toán của Nhà máy.

Do đặc điểm quy trình sản xuất của doanh nghiệp như vậy :

- Tổ chức hạch toán chi phí sản xuất tính giá thành sản phẩm.
- Có tổ chức hạch toán chi phí sản phẩm dở dang cuối kỳ.

Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo công thức:

Dở dang cuối kỳ = Dở dang đầu kỳ + Nhập trong kỳ - Xuất trong kỳ.

Hạch toán Nhập Xuất vật liệu

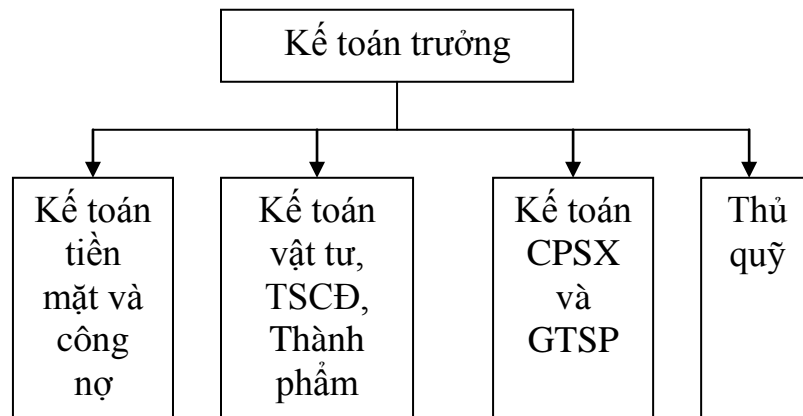
- Nhà máy đánh giá Nguyên vật liệu theo giá thực tế.

## ***Khóa luận tốt nghiệp***

---

- Giá xuất nguyên vật liệu được áp dụng theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.
- Sổ sách sử dụng:
  - + Hợp đồng mua hàng
  - + Hóa đơn mua hàng
  - + Phiếu nhập kho (mẫu 01 – VT)
  - + Phiếu xuất kho (mẫu 02 – VT)
  - + Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (mẫu 03 – VT)
  - + Biên bản kiểm kê vật tư (mẫu 08 – VT)
  - + Thẻ kho (mẫu 06 – VTBB)
  - + Giấy đề nghị cấp vật tư

### **Sơ đồ 11: SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY KẾ TOÁN**



#### **Chức năng nhiệm vụ của kế toán**

✓ Kế toán trưởng: kiêm kế toán tổng hợp, thuế và xác định kết quả kinh doanh, ... là người tổ chức chỉ đạo toàn diện công tác kế toán, kiểm tra tính hợp pháp của các chứng từ về các nghiệp vụ phát sinh, tình hình tăng, giảm của TSCĐ và tổng hợp, xác định kết quả kinh doanh vào cuối kỳ kế toán.

✓ Kế toán tiền mặt công nợ: theo dõi các khoản phải thu phải trả của nhà máy, theo dõi tình hình thu chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng để theo kịp thời cơ kế hoạch đòi nợ hoặc chi trả.

## ***Khóa luận tốt nghiệp***

---

✓ Kế toán vật tư, TSCĐ, thành phẩm: theo dõi tình hình xuất nhập tồn kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, thành phẩm, để tính giá thành sản xuất của sản phẩm một cách chính xác và đầy đủ.

✓ Kế toán tập hợp chi phí và giá thành sản phẩm: căn cứ vào phiếu xuất vật tư, bảng thanh toán lượng, hợp đồng sản xuất, phiếu xuất kho thành phẩm ... Kế toán tiến hành tổng hợp chi phí và kiểm tra các số liệu do các nhân viên hạch toán kinh tế ở các phân xưởng gửi lên. Xác định chính xác thành phẩm dở dang cuối kỳ. Thực hiện tính giá thành đúng đối tượng và phương pháp tính giá thành.

✓ Thủ quỹ: là người quản lý lượng tiền mặt tại công ty, căn cứ vào phiếu thu, phiếu chi hợp lệ để thu, chi vào quỹ tiền mặt.

### *2.1.4.2. Hình thức kế toán áp dụng tại nhà máy.*

#### **Hình thức kế toán áp dụng tại nhà máy:**

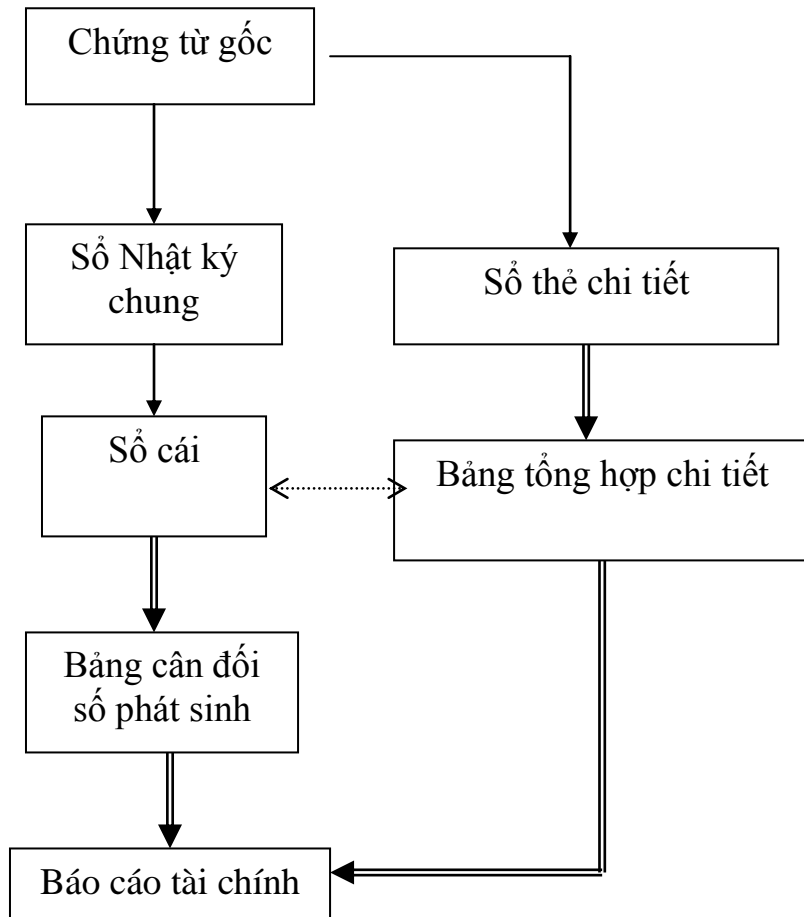
Kế toán áp dụng tại nhà máy: theo hình thức “Nhật ký chung”

#### **Chính sách kế toán đang áp dụng tại Nhà máy**

Công tác kế toán tại nhà máy đã được tổ chức hoạt động theo đúng chế độ hiện hành. Các chế độ áp dụng bao gồm:

- Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam và các thông tư đi kèm – Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính
- Phương pháp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp đánh giá vật tư, hàng hóa xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: trích khấu hao theo QDD206/2003-QĐ-BTC.
- Niên độ kế toán áp dụng: Bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm dương lịch.
- Kỳ kế toán: từ 1/1 đến ngày 31/12
- Đơn vị tiền tệ: VNĐ
- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không.

**Sơ đồ 12: Khái quát trình tự ghi sổ theo hình thức NHẬT KÝ CHUNG tại nhà máy**



**Ghi chú:**

—————> Ghi hàng ngày

=====> Ghi cuối tháng, hoặc đầu kỳ

<-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

**2.2. Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Nhà máy sản xuất nội thất xuất khẩu Shinec.**

**2.2.1. Đặc điểm nguyên vật liệu tại nhà máy:**

Nhà máy có nhiệm vụ chính là sản xuất, kinh doanh gỗ nhằm đáp ứng các nhu cầu thị trường các sản phẩm gỗ trong xây dựng và nội thất tàu thủy, hoàn thành các công trình nội thất quan trọng có giá trị cao, có khả năng cạnh tranh về chất lượng, giá cả sản phẩm trên thị trường trong và ngoài nước. Nguyên vật liệu sử dụng rất phong phú, cụ thể: gỗ, vật tư hàng Tullero, sơn, keo,... Mà trong tổng



## ***Khóa luận tốt nghiệp***

---

chi phí để sản xuất ra các sản phẩm, thì nguyên vật liệu chính chiếm tỉ trọng lớn, tiếp đó là chi phí giá thành. Vì vậy nhà máy luôn quản lý chặt chẽ từ khâu thu mua, bảo quản và dự trữ, đến việc sử dụng tiết kiệm vật tư là vấn đề sống còn ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhà máy.

Nguyên vật liệu gỗ thu mua chủ yếu từ các nguồn từ các đơn vị trong nước như: công ty TNHH Phú Đạt, công ty TNHH Thịnh Lộc, công ty xuất nhập khẩu nông, lâm sản TMD, công ty CPCNTTShinec, và các nguồn cung cấp ổn định khác. Việc thu mua nguyên vật liệu dựa trên kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Việc thu mua cũng như giao nhận được kiểm tra, theo dõi số lượng, chất lượng, chủng loại trước khi nhập kho.

### **2.2.2. Phân loại nguyên vật liệu**

#### *2.2.2.1. Vật liệu chính:*

Khi tham gia vào quá trình sản xuất, vật liệu chính cấu thành nên thực thể của sản phẩm. Sản phẩm chính gồm các loại gỗ với chất liệu quy cách khác nhau: chủ yếu là gỗ phục vụ cho sản xuất như: gỗ 1260\*71\*20, gỗ 1100\*69\*20,...

#### *2.2.2.2. Vật liệu phụ:*

Khi tham gia sản xuất nó chỉ có tác dụng góp phần làm tăng chất lượng cho nguyên vật liệu chính, đồng thời tăng chất lượng sản phẩm, hoàn thiện sản phẩm. Nguyên vật liệu phụ ở nhà máy bao gồm: Vật tư hàng Tullero(ốc, bullông, khóa, ...), vật tư thiết bị điện, vật tư khác, sơn, dầu,...

#### *2.2.2.3. Vật liệu thay thế, phụ tùng sửa.*

Vật liệu thay thế, phụ tùng sửa dùng để thanh thế, sửa chữa máy móc, phương tiện vận tải. Bao gồm: Dây curoa, dao dẫn hướng, cuộn hút van từ, đá mài dao hai mặt,...

#### *2.2.2.4. Nhiên liệu.*

Là vật liệu khi sử dụng có tác dụng cung cấp nhiệt lượng cho quá trình sản xuất, kinh doanh. Nhiên liệu nhà máy bao gồm: nhiên liệu chất đốt, hóa dầu (dầu, xăng, axit, sút,...)

## ***Khóa luận tốt nghiệp***

---

### **2.2.2.5. Vật liệu khác.**

Là loại vật liệu loại ra trong quá trình sản xuất, chế tạo sản phẩm. Bao gồm: bia cattong, ván bản, bản lề,...

Để phục vụ cho việc quản lý và theo dõi ở bộ phận kế toán mở các tài khoản chi tiết trên TK 152, gồm TK 1521- Nguyên vật liệu chính, TK 1522- Nguyên vật liệu phụ, TK 1523 – Nhiên liệu, TK 1524 – Nguyên vật liệu thay thế, phụ tùng sửa chữa,..

### **2.2.3. Đánh giá nguyên vật liệu**

Đánh giá vật liệu là xác định giá trị của chúng theo những nguyên tắc nhất định trên cơ sở đảm bảo những yêu cầu thực tiễn.

Đánh giá nguyên vật liệu là xác định giá trị nguyên vật liệu theo những nguyên tắc nhất định, đảm bảo yêu cầu chân thực, thống nhất.

- Nhà máy thực hiện đánh giá nguyên vật liệu theo giá thực tế. Nguyên vật liệu nhập kho chủ yếu là mua ngoài, bao gồm: giá mua trên hóa đơn và chi phí thu mua, chi phí vận chuyển. Trong đó:

+ Giá mua trên hóa đơn chưa có thuế GTGT nguyên vật liệu mua vào của nhà máy đều thuộc đối tượng chịu thuế GTGT và có hóa đơn GTGT. Vậy giá thực tế nguyên vật liệu mua vào là giá chưa có thuế GTGT.

+ Chi phí mua hàng do nhà máy chi trả bao gồm chi phí vận chuyển từ nơi mua đến công ty, chi phí bốc dỡ lên xuống kho bãi, chi phí thuê kho bãi,...

- Nguyên vật liệu xuất kho được áp dụng theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ và được kế toán tự thực hiện vào cuối tháng.

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá} \\ \text{thực tế} \\ \text{của} \\ \text{vật liệu} \\ \text{xuất dùng} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Trị giá mua thực tế} \\ \text{của NVL tồn đầu kỳ} \\ \text{Số lượng NVL} \\ \text{tồn kho đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Trị giá mua thực tế} \\ \text{của NVL nhập trong kỳ} \\ \text{Số lượng NVL} \\ \text{nhập kho trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số} \\ \text{lượng} \\ \text{xuất kho} \\ \text{trong kỳ} \end{array}}$$

## ***Khóa luận tốt nghiệp***

Do vật liệu sử dụng trong công ty có nhiều loại, đơn vị tính giá thực tế xuất kho của từng loại khác nhau nên nhà máy áp dụng giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ là phù hợp với đơn vị.

### **2.2.4. Nguyên tắc hạch toán hàng tồn kho**

✓ Công ty áp dụng giá trị thực tế nguyên vật liệu nhập kho do mua ngoài được tính theo giá gốc.

✓ Công ty xác định nguyên vật liệu xuất kho theo giá gốc, và theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.

✓ Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán nguyên vật liệu để kiểm soát thường xuyên, liên tục, và có tính hệ thống tình hình nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu trên sổ kế toán.

✓ Kế toán chi tiết vật liệu ở Nhà máy áp dụng phương pháp thẻ song song được hạch toán như sau:

**Thẻ kho**: Do thủ kho lập theo từng loại nguyên vật liệu, dùng để phản ánh tình hình nhập, xuất vật tư về mặt số lượng. Khi nhận được chứng từ nhập, xuất kho nguyên vật liệu, thủ kho tiến hành việc nhập xuất của mình và ghi vào thẻ kho theo thứ tự số lượng. Thẻ kho phân loại theo phiếu nhập kho, phiếu xuất kho. Cuối tháng cộng tổng lượng nhập, lượng xuất tính ra số tồn kho trên từng thẻ và đối chiếu với Sổ chi tiết tồn vật liệu của kế toán theo chỉ tiêu số lượng.

Số tồn kho được tính theo công thức:

$$\boxed{\begin{array}{l} \text{Số lượng} \\ \text{vật tư tồn} \\ \text{kho} \end{array}} = \boxed{\begin{array}{l} \text{Số lượng} \\ \text{vật tư tồn} \\ \text{đầu tháng} \end{array}} + \boxed{\begin{array}{l} \text{Số lượng} \\ \text{vật tư nhập} \\ \text{trong tháng} \end{array}} - \boxed{\begin{array}{l} \text{Số lượng} \\ \text{vật tư} \\ \text{xuất} \\ \text{trong} \\ \text{tháng} \end{array}}$$

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc, Kế toán vật tư, sẽ vào sổ nhập kí chung, sau đó sẽ vào sổ chi tiết thanh toán với người bán (TK 331). Theo quy định của phòng Kế toán Công ty, tất cả các phát sinh hàng hóa vào công ty đều theo dõi

## ***Khóa luận tốt nghiệp***

trên TK 331 “Phải trả người bán” tạo điều kiện tập trung cho cán bộ kế toán theo dõi.

- **Ưu điểm:** Giảm đ- ợc khối l- ợng ghi sổ kế toán do chỉ ghi một lần vào cuối tháng.

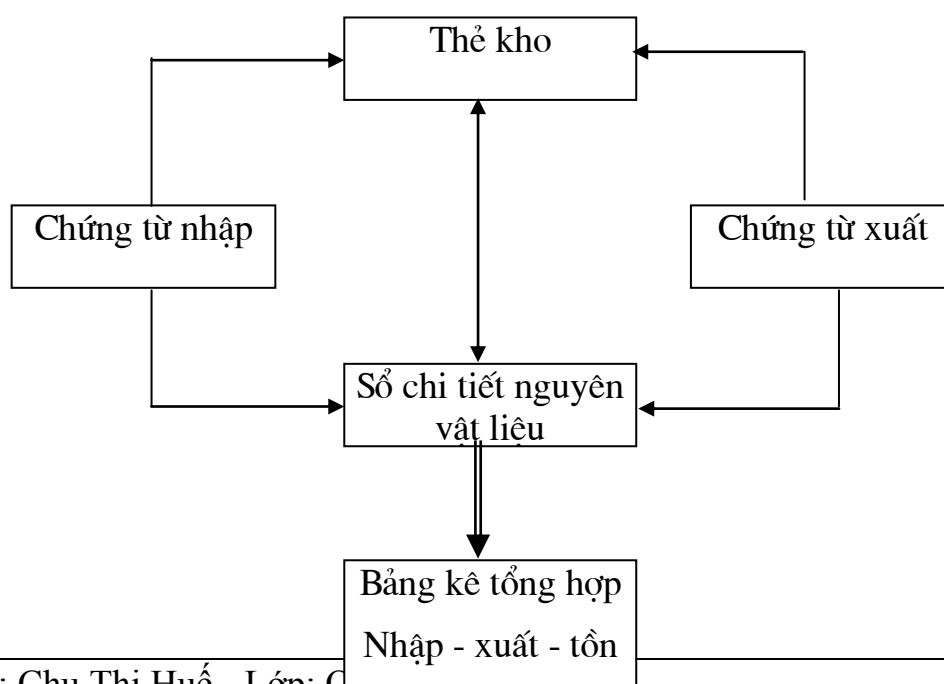
- **Nh- ợc điểm:** Việc ghi sổ kế toán vẫn trùng lặp (ở phòng kế toán vẫn theo dõi cả chỉ tiêu số lượng và giá trị) công việc kế toán dồn vào cuối tháng, việc kiểm tra đối chiếu giữa phòng kế toán và kho chỉ tiến hành vào cuối tháng do trong tháng kế toán không ghi sổ. Tác dụng của kế toán trong công tác quản lý bị hạn chế.

### **2.2.5. Thủ tục luân chuyển chứng từ và nhập, xuất kho nguyên vật liệu.**

#### **2.2.5.1. Thủ tục luân chuyển chứng từ.**

Việc lập chứng từ và luân chuyển chứng từ một cách hợp lý có vai trò rất quan trọng trong công tác kế toán nguyên vật liệu. Đối với kế toán nguyên vật liệu căn cứ vào các chứng từ : hợp đồng mua hàng, phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, hóa đơn mua hàng và các chứng từ thu, chi liên quan đến mua hàng là cơ sở pháp lý để hạch toán vào sổ kế toán. Nhà máy sử dụng phương pháp hạch toán chi tiết vật tư của doanh nghiệp là phương pháp thẻ song song.

#### **Trình tự luân chuyển chứng từ**



### ***2.2.5.2. Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu.***

Nhà máy quy định, tất cả các loại vật liệu đến nhà máy đều phải tiến hành kiểm nhận và làm thủ tục nhập kho.

Khi nguyên vật liệu được vận chuyển đến nhà máy, người mua hàng phải mang hóa đơn của bên bán đến phòng kế toán trong hóa đơn ghi rõ các chỉ tiêu: chủng loại, quy cách vật liệu, khối lượng vật liệu, thành tiền, hình thức thanh toán...

Khi vật liệu về, cán bộ kỹ thuật và thủ kho của nhà máy sẽ tiến hành kiểm nghiệm, kiểm tra chất lượng, chủng loại theo quy định.

- Nếu vật tư mua về không đúng theo yêu cầu được ghi trong hợp đồng kinh tế thì không làm thủ tục nhập kho và chờ ý kiến của Ban giám đốc.

- Nếu vật tư được các thành viên trong ban kiểm nghiệm nhất trí cho phép nhập kho thì bộ phận kế toán sẽ làm thủ tục nhập kho. Thủ kho tiến hành kiểm tra tính hợp lý của sổ vật tư trên hóa đơn, so với thực tế về số lượng, chất lượng, chủng loại, quy cách và tiến hành nhập kho được phòng kế toán lập thành 3 liên:

+ Liên 01: lưu lại quyền gốc

+ Liên 02: giao cho thủ kho kiểm tra tính đúng đắn của phiếu nhập kho và biên bản kiểm nghiệm kèm theo (nếu có), thì vào thẻ kho. Sau đó, chuyển cho phòng kế toán.

+ Liên 03: giao cho người đi mua hàng giữ để làm thủ tục thanh toán.

Do đặc điểm vật liệu của Nhà máy như trên, để quản lý tốt, chính xác về mặt số lượng cũng như giá trị vật liệu thì việc tổ chức quản lý vật liệu của Nhà máy là rất cần thiết và quan trọng. Hiện nay, Nhà máy quản lý vật liệu ở tất cả các khâu từ khâu thu mua đến khâu sử dụng. Nguồn cung cấp nguyên vật liệu chủ yếu là của công ty là Công ty TNHH Thịnh Lộc cung cấp cho nhà máy với số lượng lớn và luôn ổn định. Nhà máy thanh toán với các nhà cung cấp chủ yếu là bằng chuyển khoản.

- **Ở khâu thu mua:** Để có vật liệu phục vụ cho công việc sản xuất thì các tổ viết đơn xin mua vật liệu gửi lên phòng vật tư. Sau khi được xét duyệt thì

## ***Khóa luận tốt nghiệp***

---

nhân viên của Nhà máy hoặc tổ sản xuất tiến hành đi mua vật tư và áp tải về tận kho kèm theo các chứng từ gốc hợp lệ, hợp pháp. Mặt khác, hàng tháng Nhà máy đều có kế hoạch thu mua vật tư để đảm bảo cho tiến độ sản xuất không bị gián đoạn.

- **Ở khâu bảo quản:** Với chính sách giao khoán sản phẩm đến từng tổ sản xuất nên công ty chỉ bố trí một hệ thống kho tàng nhỏ mà chủ yếu vẫn là những bãi dự trữ nguyên vật liệu phục vụ cho nhu cầu sản xuất của từng đơn đặt hàng.

Kế toán nguyên vật liệu là người chuyên theo dõi nguyên vật liệu kết hợp với phòng vật tư và thủ kho để hạch toán, đối chiếu ghi sổ nguyên vật liệu ở công ty. Định kỳ tiến hành kiểm kê, nếu phát hiện nguyên vật liệu tồn đọng nhiều hoặc kém phẩm chất hoặc phát hiện những thiếu sót thì có biện pháp ngăn chặn sự hao hụt mất mát đối với từng loại vật tư và giúp Giám đốc có biện pháp giải quyết hợp lý trong việc điều động lượng vật liệu dư thừa giữa các công trình, tránh tình trạng ứ đọng vốn hay thiếu vật tư.

- **Ở khâu dự trữ và sử dụng:** Nhà máy sử dụng vật liệu theo đúng các định mức đã đề ra và chưa thực hiện dự trữ nguyên vật liệu.

### **Trường hợp 1: Hình thức thanh toán bằng tiền mặt.**

**Cu thể:** Ngày 1/12/2010 Nhà máy mua  $3,421\text{m}^3$  gỗ  $1260*70*20$  với đơn giá mua vào  $3.250.000\text{đ}/\text{m}^3$ , và  $0,2\text{ m}^3$  gỗ  $600*67*20$  với đơn giá mua vào  $2.650.000\text{đ}/\text{m}^3$  của công ty TNHH Đại Đức thuế GTGT 10%. Nhà máy đã thanh toán bằng tiền mặt.

## ***Khóa luận tốt nghiệp***

Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

\*\*\*

### **Hợp đồng mua hàng ( Tính hợp đồng )**

Số:.....127...../HĐMB

- Căn cứ Luật Thương mại nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

- Căn cứ Nghị định...../199...../NĐ - CP

ngày.....tháng.....năm.....của..... Chính phủ hướng dẫn thi hành

- Căn cứ Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế ngày 25-9-1989 của Hội đồng Nhà nước

- Căn cứ Nghị định số 17- HĐBT ngày 16-01-1990 của Hội đồng Bộ trưởng quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh hợp đồng kinh tế.

- Căn cứ.... (văn bản hướng dẫn các cấp, các ngành)

Hôm nay ngày ...25.... tháng.11.....năm....2010... Tại ....Hà Nội.....

Chúng tôi gồm: Bên A.

Tên doanh nghiệp: Nhà máy sản xuất nội thất xuất khẩu Shinec

Địa chỉ trụ sở chính:Cụm CNTT Lai Vu – Xã Lai Vu – Kim Thành – Hải Dương

Điện thoại:..... Telex:.....Fax:.....

Tài khoản số:..... Mở tại ngân hàng:.....

Đại diện là:Trịnh Ngọc Hưng Chức vụ:Giám đốc

Giấy uỷ quyền số:..... (nếu thay giám đốc ký)

Viết ngày.....tháng .....năm.....Do.....chức vụ.....ký

*Trong hợp đồng này gọi tắt là "bên A".*

**Bên B.**

Tên doanh nghiệp:Công ty trách nhiệm hữu hạn Đại Đức

Địa chỉ trụ sở chính:5B – 343 Đội Cấn – Ba Đình – Hà Nội

Điện thoại:..... Telex:.....Fax:.....

Tài khoản số:..... Mở tại ngân hàng:.....

Đại diện là:Trần Đại Đức Chức vụ:Giám đốc

Giấy uỷ quyền số:.....(nếu thay giám đốc ký)

Viết ngày.....tháng.....năm.....Do.....chức vụ.....ký.

*Trong hợp đồng này gọi tắt là "bên B".*

## ***Khóa luận tốt nghiệp***

Hai bên thống nhất thoả thuận nội dung hợp đồng như sau:

**Điều 1:** Nội dung công việc giao dịch 1. Bên B bán cho bên A:

STT	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Gỗ 1260*71*20	m <sup>3</sup>	3,421	3 250 000	11 118 250	
2	Gỗ 600*67*25	m <sup>3</sup>	0,2	2 650 000	530 000	
Cộng:					11 648 250	

Tổng trị giá (bằng chữ): Mười một triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn hai trăm năm mươi đồng (chưa có thuế GTGT)

**Điều 2:** Phương thức giao nhận

1. Bên B giao cho bên A theo lịch sau:

STT	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Gỗ 1260*71*20	m <sup>3</sup>	3,421	3 250 000	11 118 250	
2	Gỗ 600*67*25	m <sup>3</sup>	0,2	2 650 000	530 000	
Cộng:					11 648 250	

2. Khi nhận hàng, bên mua có trách nhiệm kiểm nhận phẩm chất, qui cách hàng hoá tại chỗ. Nếu phát hiện hàng thiếu hoặc không đúng tiêu chuẩn chất lượng v.v.... thì lập biên bản tại chỗ yêu cầu bên bán xác nhận Hàng đã ra khỏi kho bên bán không chịu trách nhiệm ( trừ loại hàng có qui định thời hạn bảo hành). Trường hợp giao nhận hàng theo nguyên đai, nguyên kiện, nếu bên mua sau khi chở về nhập kho mới phát hiện có vi phạm thì phải lập biên bản gọi cơ quan kiểm tra trung gian ( Vina control) đến xác nhận và phải gửi đến bên bán trong hạn 10 ngày tính từ khi lập biên bản. Sau 15 ngày nếu bên bán đã nhận được biên bản mà không có ý kiến gì coi như đã chịu trách nhiệm bồi thường lô hàng đó. Mỗi lô hàng khi



## ***Khóa luận tốt nghiệp***

giao nhận phải có xác nhận chất lượng bằng phiếu hoặc biên bản kiểm nghiệm; khi đến nhận hàng người nhận phải có đủ:

- Giấy giới thiệu của cơ quan bên mua;
- Phiếu xuất kho của cơ quan bên bán;
- Giấy chứng minh nhân dân.

### **Điều 3:** Bảo hành và hướng dẫn sử dụng hàng hoá

1. Bên bán có trách nhiệm bảo hành chất lượng và giá trị sử dụng gỗ 11260\*71\*20; gỗ 600\*67\*25 cho bên mua trong thời gian là:1 tháng.
2. Bên bán phải cung cấp đủ mỗi đơn vị hàng hoá một giấy hướng dẫn sử dụng (nếu cần).

### **Điều 4:** Phương thức thanh toán

Bên B thanh toán cho bên A bằng hình thức Tiền mặt ngay sau khi nguyên vật liệu được nhập kho.

**Điều 5:** Các biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng (nếu cần) Lưu ý: Chỉ ghi ngắn gọn cách thức, tên vật bảo đảm và phải lập biên bản riêng.

### **Điều 6:** Trách nhiệm vật chất trong việc thực hiện hợp đồng

1. Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thoả thuận trên, không được đơn phương thay đổi hoặc huỷ bỏ hợp đồng, bên nào không thực hiện hoặc đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì sẽ bị phạt tới 9% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm ( cao nhất là 12%).
2. Bên nào vi phạm các điều khoản trên đây sẽ phải chịu trách nhiệm vật chất theo qui định của văn bản pháp luật có hiệu lực hiện hành về phạt vi phạm chất lượng, số lượng, thời gian, địa điểm, thanh toán, bảo hành v.v....mức phạt cụ thể do hai bên thoả thuận dựa trên khung phạt nhà nước đã qui định trong các văn bản pháp luật về hợp đồng kinh tế.

### **Điều 7:** Thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng

1. Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau tiến độ thực hiện hợp đồng. Nếu có vấn đề gì bất lợi pháp sinh các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và tích cực bàn bạc giải quyết ( cần lập biên bản ghi toàn bộ nội dung).
2. Trường hợp các bên không tự giải quyết được mới đưa vụ tranh chấp ra toà án.

## ***Khóa luận tốt nghiệp***

---

3. Chi phí về kiểm tra, xác minh và lệ phí toà án do bên có lỗi chịu.

**Điều 8:** Các thoả thuận khác (nếu cần) Các điều kiện và điều khoản khác không ghi trong này sẽ được các bên thực hiện theo qui định hiện hành của các văn bản pháp luật về HĐKT.

**Điều 9:** Hiệu lực của hợp đồng Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 25 tháng 11 đến ngày 01 táng 12. Hai bên sẽ tổ chức họp và lập biên bản thanh lý hợp đồng này sau khi hết hiệu lực không quá 10 ngày. Bên A có trách nhiệm tổ chức và chuẩn bị thời gian địa điểm họp thanh lý. Hợp đồng này được làm thành 2 bản, có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 1 bản.

Đại diện Bên A

Đại diện Bên B

Chức vụ (Ký tên, đóng dấu)

Chức vụ (Ký tên, đóng dấu)

## *Khóa luận tốt nghiệp*

**Biểu mẫu số 1:** Hóa đơn giá trị gia tăng theo hình thức trả bằng tiền mặt

<b>HÓA ĐƠN</b> <b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b> Liên 2 (giao cho khách hàng) <b>Số: 156212</b> Ngày 01 tháng 12 năm 2010						Mẫu số : 01 GTGT – 3LL HS/ 2010N
Đơn vị bán hàng: <b>Công ty TNHH Đại Đức</b> Địa chỉ : Hà nội Điện thoại : Mã số thuế: : 0100774007						
Đơn vị mua hàng: <b>Nhà sản xuất nội thất xuất khẩu Shinec</b> Địa chỉ : Cụm CNTT Lai Vu- Lai Vu- Kim Thành- Hải Dương Điện thoại : Hình thức thanh toán : Tiền mặt Mã số thuế 0200445567 - 005						
Số TT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số l- ợng	Đơn giá	Thành tiền	
A	B	C	1	2	3=1x2	
1	Gỗ 1260*71*20	m <sup>3</sup>	3,421	3 250 000	11 118 250	
2	Gỗ 600*67*25	m <sup>3</sup>	0,2	2 650 000	530 000	
Cộng tiền hàng					11 648 250	
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT		1 164 825	
Tổng cộng tiền thanh toán					12 813 075	
Số tiền viết bằng chữ: Mười hai triệu tám trăm mười ba nghìn không trăm bảy năm đồng chẵn						
Ng- ời mua hàng ( Ký, họ tên )		Kế toán tr- ợng ( Ký, họ tên )		Thủ tr- ợng đơn vị ( Ký, họ tên )		

## **Khóa luận tốt nghiệp**

Khi hàng về tới kho nhà máy và nhận được hóa đơn bán hàng của công ty TNHH Đại Đức, phòng kỹ thuật (KCS) và thủ kho đã tiến hành kiểm nghiệm và kết quả kiểm nghiệm được ghi vào biên bản kiểm nghiệm.

**Biểu mẫu số 2:** Biên bản kiểm nghiệm theo hóa đơn GTGT số 156212.

<b>NHÀ MÁY SẢN XUẤT NỘI THẤT XUẤT KHẨU SHINEC</b> Cụm CNTT Lai vu-Lai vu-Kim Thành- Hải Dương <b>BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM VẬT TƯ</b> Ngày 01 tháng 12 năm 2010						
Căn cứ vào hóa đơn ngày 01 tháng 12 năm 2010						
Ban kiểm nghiệm gồm: 02 người						
Ông : Nguyễn Văn Tới			Nhân viên phòng kỹ thuật			
Bà : Nguyễn Thị Miên			Thủ kho			
Đã kiểm nghiệm các loại vật tư						
STT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng		Đánh giá	
			Chứng từ	Thực nhập	Đúng quy cách	Sai quy cách
1	Gỗ 1260*71*20	m <sup>3</sup>	3,421	3,421	3,421	
2	Gỗ 600*67*25	m <sup>3</sup>	0,2	0,2	0,2	
Biên bản được lập xong lúc 14h cùng ngày						
Ý kiến của ban kiểm nghiệm: Đúng số lượng, quy cách.						
<b>Phòng kỹ thuật</b> (ký, họ tên)			Ngày 01 tháng 12 năm 2010 <b>Thủ kho</b> (ký, họ tên)			

## ***Khóa luận tốt nghiệp***

Các thành viên trong biên bản kiểm nghiệm nhất trí, ký tên và chuyển cho phòng kế toán viết phiếu nhập kho.

**Biểu mẫu số 3**: Phiếu nhập kho theo biên bản nhập kiểm nghiệm vật tư ngày 01/12/2010.

Nhà máy sản xuất nội thất xuất khẩu Shinec Cụm CNTT Lai Vu-Lai Vu-Kim Thanh-Hải Dương				MẪU SỐ 01 – VT (ban hành theo QĐ số: 15/1006/QĐ-BTC Ngày 20/3/2006 của BTC)			
<b>PHIẾU NHẬP KHO</b> Ngày 01 tháng 12 năm 2010 <b>Số: 200 NK</b>							
Đơn vị giao hàng: Công ty TNHH Phú Đạt						Số: 1521	
Theo HĐ 156212 ngày 01 tháng 12 năm 2010						Có: 111	
Nhập tại : Kho gỗ							
STT	Tên vật tư	Mã số	Đơn vị tính	SỐ LƯỢNG		Đơn giá	THÀNH TIỀN
				Theo chứng từ	Thực nhập		
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Gỗ 1260*71*20	G001	m <sup>3</sup>	3,421	3,421	3 250 000	11 118 250
2	Gỗ 600*67*25	G006	m <sup>3</sup>	0,2	0,2	2 650 000	530 000
	Cộng						11 648 250
<i>-Tổng số tiền(viết bằng chữ): Mười một triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn hai trăm năm mươi đồng chẵn.</i>							
				<i>Ngày 01 tháng 12 năm 2010</i>			
<b>Người lập phiếu</b> <i>(ký, họ tên)</i>	<b>Người giao hàng</b> <i>(ký, họ tên)</i>	<b>Thủ kho</b> <i>(ký, họ tên)</i>	<b>Kế toán trưởng</b> <i>(ký, họ tên)</i>				

## ***Khóa luận tốt nghiệp***

Sau khi nhập kho kế toán viết phiếu chi cho công ty TNHH Đại Đức

**Đơn vị :** Nhà máy sản xuất nội thất xuất khẩu Shinec

**Mẫu số 02-TT**

**Địa chỉ :** Cụm CNTT Lai Vu-Lai Vu-Kim Thành-Hải Dương

( Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tr- ờng BTC)

# **PHIẾU CHI**

Ngày 1 Tháng 12 năm 2010

**Số : PC2308**

**Nợ : 1521**

**Nợ : 133**

**Có: 1111**

Họ tên ng- ời nhận tiền :

Địa chỉ : Công ty TNHH Đại Đức

Trả cho :

Lý do trả: Thanh toán tiền hàng

Số tiền : **12 813 075 VNĐ**

Bằng chữ : ***Mười hai triệu tám trăm mười ba nghìn không trăm bảy năm đồng chẵn.***

Kèm theo:

Chứng từ gốc

**Thủ tr- ờng Đv**

( ký tên, đóng dấu)

**Kế toán tr- ờng**

( ký, họ tên)

**Ng- ời lập biểu**

( ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền ( bằng chữ ) : ***Bảy mươi năm triệu không trăm năm mươi bốn ngàn một trăm năm mươi sáu đồng***

**Ngày 1 tháng 12 năm 2010**

**Thủ quỹ**

( ký, họ tên)

**Ng- ời nhận tiền**

( ký, họ tên)

## ***Khóa luận tốt nghiệp***

### **Trường hợp 2: Hình thức thanh toán bằng TGNH.**

**Cu thể:** Ngày 04/12/2010 Nhà máy nhập 4,189 m<sup>3</sup> gỗ 1260\*71\*20 đơn giá mua vào 3.250.000đ/m<sup>3</sup>; 1,989 m<sup>3</sup> gỗ 580\*47\*20 đơn giá 3.250.000đ/m<sup>3</sup>; 0,002 m<sup>3</sup> gỗ 520\*47\*25 đơn giá 2.650.000đ/m<sup>3</sup> của công ty TNHH Phú Đạt Hòa Bình thuế GTGT 10%. Nhà máy đã thanh toán bằng TGNH.

Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

\*\*\*

### **Hợp đồng mua hàng ( Tính hợp đồng )**

Số:..130...../HĐMB

- Căn cứ Luật Thương mại nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

- Căn cứ Nghị định...../199...../NĐ - CP

ngày.....tháng.....năm.....của..... Chính phủ hướng dẫn thi hành

- Căn cứ Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế ngày 25-9-1989 của Hội đồng Nhà nước

- Căn cứ Nghị định số 17- HĐBT ngày 16-01-1990 của Hội đồng Bộ trưởng quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh hợp đồng kinh tế.

- Căn cứ.... (văn bản hướng dẫn các cấp, các ngành)

Hôm nay ngày ..29.... tháng.11.....năm....2010... Tại ....Hà Nội.....

Chúng tôi gồm: Bên A.

Tên doanh nghiệp: Nhà máy sản xuất nội thất xuất khẩu Shinec

Địa chỉ trụ sở chính:Cụm CNTT Lai Vu – Xã Lai Vu – Kim Thành – Hải Dương

Điện thoại:..... Telex:.....Fax:.....

Tài khoản số:..... Mở tại ngân hàng:.....

Đại diện là:Trịnh Ngọc Hưng Chức vụ:Giám đốc

Giấy uỷ quyền số:..... (nếu thay giám đốc ký)

Viết ngày.....tháng .....năm.....Do.....chức vụ.....ký

*Trong hợp đồng này gọi tắt là "bên A".*

Bên B.

Tên doanh nghiệp:Công ty trách nhiệm hữu hạn Phú Đạt Hòa Bình

## ***Khóa luận tốt nghiệp***

Địa chỉ trụ sở chính: Tiên Xuân – Thạch Thất – Hà Nội

Điện thoại:..... Telex:..... Fax:.....

Tài khoản số:..... Mở tại ngân hàng:.....

Đại diện là: Nguyễn Phú Đạt Chức vụ: Giám đốc

Giấy uỷ quyền số:.....(nếu thay giám đốc ký)

Viết ngày.....tháng.....năm.....Do .....chức vụ.....ký.

*Trong hợp đồng này gọi tắt là "bên B".*

Hai bên thống nhất thoả thuận nội dung hợp đồng như sau:

**Điều 1:** Nội dung công việc giao dịch 1. Bên B bán cho bên A:

STT	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Gỗ 1260*71*20	m <sup>3</sup>	4,189	3 250 000	13 614 250	
2	Gỗ 580*67*20	m <sup>3</sup>	1,989	3 250 000	6 464 250	
3	Gỗ 520*47*25	m <sup>3</sup>	0,002	2 650 000	5 300	
Cộng:					20 083 800	

Tổng trị giá (bằng chữ): Hai mươi triệu tám ba nghìn tám trăm đồng (chưa có thuế GTGT)



### **Điều 2:** Phương thức giao nhận

2. Bên B giao cho bên A theo lịch sau:

STT	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Gỗ 1260*71*20	m <sup>3</sup>	4,189	3 250 000	13 614 250	
2	Gỗ 580*67*20	m <sup>3</sup>	1,989	3 250 000	6 464 250	
3	Gỗ 520*47*25	m <sup>3</sup>	0,002	2 650 000	5 300	
Cộng:					20 083 800	

2. Khi nhận hàng, bên mua có trách nhiệm kiểm nhận phẩm chất, qui cách hàng hoá tại chỗ. Nếu phát hiện hàng thiếu hoặc không đúng tiêu chuẩn chất lượng v.v.... thì lập biên bản tại chỗ yêu cầu bên bán xác nhận Hàng đã ra khỏi kho bên bán không chịu trách nhiệm ( trừ loại hàng có qui định thời hạn bảo hành). Trường hợp giao nhận hàng theo nguyên đai, nguyên kiện, nếu bên mua sau khi chở về nhập kho mới phát hiện có vi phạm thì phải lập biên bản gọi cơ quan kiểm tra trung gian ( Vina control) đến xác nhận và phải gửi đến bên bán trong hạn 10 ngày tính từ khi lập biên bản. Sau 15 ngày nếu bên bán đã nhận được biên bản mà không có ý kiến gì coi như đã chịu trách nhiệm bồi thường lô hàng đó. Mỗi lô hàng khi giao nhận phải có xác nhận chất lượng bằng phiếu hoặc biên bản kiểm nghiệm; khi đến nhận hàng người nhận phải có đủ:

- Giấy giới thiệu của cơ quan bên mua;
- Phiếu xuất kho của cơ quan bên bán;
- Giấy chứng minh nhân dân.

### **Điều 3:** Bảo hành và hướng dẫn sử dụng hàng hoá

1. Bên bán có trách nhiệm bảo hành chất lượng và giá trị sử dụng gỗ 1260\*71\*20; gỗ 580\*67\*20; gỗ 520\*47\*25 cho bên mua trong thời gian là:1 tháng.

2. Bên bán phải cung cấp đủ mỗi đơn vị hàng hoá một giấy hướng dẫn sử dụng (nếu cần).

### **Điều 4:** Phương thức thanh toán

## ***Khóa luận tốt nghiệp***

Bên B thanh toán cho bên A bằng hình thức Tiền gửi ngân hàng ngay sau khi nguyên vật liệu được nhập kho.

**Điều 5:** Các biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng (nếu cần) Lưu ý: Chỉ ghi ngắn gọn cách thức, tên vật bảo đảm và phải lập biên bản riêng.

**Điều 6:** Trách nhiệm vật chất trong việc thực hiện hợp đồng

1. Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thoả thuận trên, không được đơn phương thay đổi hoặc huỷ bỏ hợp đồng, bên nào không thực hiện hoặc đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì sẽ bị phạt tới 11% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm ( cao nhất là 12%).

2. Bên nào vi phạm các điều khoản trên đây sẽ phải chịu trách nhiệm vật chất theo qui định của văn bản pháp luật có hiệu lực hiện hành về phạt vi phạm chất lượng, số lượng, thời gian, địa điểm, thanh toán, bảo hành v.v....mức phạt cụ thể do hai bên thoả thuận dựa trên khung phạt nhà nước đã qui định trong các văn bản pháp luật về hợp đồng kinh tế.

**Điều 7:** Thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng

1. Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau tiến độ thực hiện hợp đồng. Nếu có vấn đề gì bất lợi pháp sinh các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và tích cực bàn bạc giải quyết ( cần lập biên bản ghi toàn bộ nội dung).

2. Trường hợp các bên không tự giải quyết được mới đưa vụ tranh chấp ra toà án.

3. Chi phí về kiểm tra, xác minh và lệ phí toà án do bên có lỗi chịu.

**Điều 8:** Các thoả thuận khác (nếu cần) Các điều kiện và điều khoản khác không ghi trong này sẽ được các bên thực hiện theo qui định hiện hành của các văn bản pháp luật về HĐKT.

**Điều 9:** Hiệu lực của hợp đồng Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 29 tháng 11 đến ngày 04 tháng 12. Hai bên sẽ tổ chức họp và lập biên bản thanh lý hợp đồng này sau khi hết hiệu lực không quá 10 ngày. Bên A có trách nhiệm tổ chức và chuẩn bị thời gian địa điểm họp thanh lý. Hợp đồng này được làm thành 2 bản, có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 1 bản.

Đại diện Bên A

Đại diện Bên B

Chức vụ (Ký tên, đóng dấu)

Chức vụ (Ký tên, đóng dấu)

## *Khóa luận tốt nghiệp*

**Biểu mẫu số 4:** Hóa đơn giá trị gia tăng theo hình thức trả bằng TGNH

<b>HÓA ĐƠN</b>			Mẫu số : 01 GTGT – 3LL		
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			HS/ 2010N		
Liên 2 (giao cho khách hàng)					
<b>Số: 036478</b>					
Ngày 04 tháng 12 năm 2010					
<b>Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Phú Đạt Hòa Bình</b>					
Địa chỉ : Hà nội					
Số tài khoản: 4551000007361					
Điện thoại :			Mã số thuế: : 0100851477		
<b>Đơn vị mua hàng: Nhà sản xuất nội thất xuất khẩu Shinec</b>					
Địa chỉ : Cụm CNTT Lai Vu- Lai Vu- Kim Thành- Hải Dương					
Điện thoại :					
Hình thức thanh toán : chuyển khoản			Mã số thuế 0200445567 - 005		
Số TT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số l- ợng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Gỗ 1260*71*20	m <sup>3</sup>	4,189	3 250 000	13 614 250
2	Gỗ 580*67*20	m <sup>3</sup>	1,989	3 250 000	6 464 250
3	Gỗ 520*47*25	m <sup>3</sup>	0,002	2 650 000	5 300
Cộng tiền hàng					20 083 800
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT		2 008 380
Tổng cộng tiền thanh toán					22 092 180
Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi hai triệu không trăm chín mươi hai nghìn một trăm tám mươi đồng chẵn					
Ng- ời mua hàng ( Ký, họ tên )		Kế toán tr- ợng ( Ký, họ tên )		Thủ tr- ợng đơn vị ( Ký, họ tên )	

## ***Khóa luận tốt nghiệp***

Khi hàng về tới kho nhà máy và nhận được hóa đơn bán hàng của công ty TNHH Phú Đạt Hòa Bình, phòng kỹ thuật (KCS) và thủ kho đã tiến hành kiểm nghiệm và kết quả kiểm nghiệm được ghi vào biên bản kiểm nghiệm.

**Biểu mẫu số 5:** Biên bản kiểm nghiệm theo hóa đơn GTGT số 036478

<b>NHÀ MÁY SẢN XUẤT NỘI THẤT XUẤT KHẨU SHINEC</b> Cụm CNTT Lai vu-Lai vu-Kim Thành- Hải Dương <b>BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM VẬT TƯ</b> Ngày 04 tháng 12 năm 2010						
Căn cứ vào hóa đơn ngày 04 tháng 12 năm 2010						
Ban kiểm nghiệm gồm: 02 người						
Ông : Nguyễn Văn Tới			Nhân viên phòng kỹ thuật			
Bà : Nguyễn Thị Miên			Thủ kho			
Đã kiểm nghiệm các loại vật tư						
STT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng		Đúng giá	
			Chứng từ	Thực nhập	Đúng quy cách	Sai quy cách
1	Gỗ 1260*71*20	m <sup>3</sup>	4,189	4,189	4,189	
2	Gỗ 580*67*20	m <sup>3</sup>	1,989	1,989	1,989	
3	Gỗ 520*47*25	m <sup>3</sup>	0,002	0,002	0,002	
Biên bản được lập xong lúc 13h cùng ngày						
Ý kiến của ban kiểm nghiệm: Đúng số lượng, quy cách.						
<b>Phòng kỹ thuật</b> (ký, họ tên)			Ngày 04 tháng 12 năm 2010 <b>Thủ kho</b> (ký, họ tên)			

## ***Khóa luận tốt nghiệp***

Các thành viên trong biên bản kiểm nghiệm nhất trí, ký tên và chuyển cho phòng kế toán viết phiếu nhập kho.

**Biểu mẫu số 6:** Phiếu nhập kho theo biên bản kiểm nghiệm vật tư ngày 04/12/2010.

Nhà máy sản xuất nội thất xuất khẩu Shinec Cụm CNTT Lai Vu-Lai Vu-Kim Thanh-Hải Dương				MẪU SỐ 01 – VT (ban hành theo QĐ số: 15/1006/QĐ-BTC Ngày 20/3/2006 của BTC)			
<b>PHIẾU NHẬP KHO</b> Ngày 04 tháng 12 năm 2010 <b>Số: 210 NK</b>							
Đơn vị giao hàng: Công ty CP CNTT Shinec.						Nợ: 1521	
Theo HĐ 06478 ngày 04 tháng 12 năm 2010						Có: 112	
Nhập tại : Kho gỗ							
STT	Tên vật tư	Mã số	Đơn vị tính	SỐ LƯỢNG		Đơn giá	THÀNH TIỀN
				Theo chứng từ	Thực nhập		
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Gỗ 1260*71*20	G001	m <sup>3</sup>	4,189	4,189	3 250 000	13 614 250
2	Gỗ 580*67*20	G007	m <sup>3</sup>	1,989	1,989	3 250 000	6 464 250
3	Gỗ 520*47*25	G008	m <sup>3</sup>	0,002	0,002	2 650 000	5 300
	Cộng						20 083 800
<i>-Tổng số tiền(viết bằng chữ): Hai mươi triệu không trăm tám mươi ba nghìn tám trăm đồng chẵn.</i>							
						<i>Ngày 04 tháng 12 năm 2010</i>	
<b>Người lập phiếu</b> <i>(ký, họ tên)</i>		<b>Người giao hàng</b> <i>(ký, họ tên)</i>		<b>Thủ kho</b> <i>(ký, họ tên)</i>		<b>Kế toán trưởng</b> <i>(ký, họ tên)</i>	

Sau khi nhập kho kế toán viết ủy nhiệm chi chuyển gửi ngân hàng chuyển trả cho công ty TNHH Phú Đạt Hòa Bình.

Không ghi vào  
khu vực này

**ỦY NHIỆM CHI**  
**CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN ĐIỆN TỬ**

## ***Khóa luận tốt nghiệp***

Lập ngày 04 tháng 12 năm 2010.

**Đơn vị trả tiền:** Nhà máy sản xuất nội thất xuất khẩu Shinec.

Mã ĐVQHNS:

Địa chỉ: Cụm CNTT Lai Vu- Lai Vu- Kim Thành- Hải Dương.

Tài khoản: 46010001097053

Tại Kho bạc Nhà nước (NH): Đầu tư và phát triển Hải Dương.

**Đơn vị nhận tiền:** Công ty TNHH Phú Đạt Hòa Bình.

Mã ĐVQHNS:

Địa chỉ: Tiến Xuân – Thạch Thất – Hà Nội.

Tài khoản: 45510000007361

Tại Kho bạc Nhà nước (NH): Đầu tư và phát triển tỉnh  
Hòa Bình

**Nội dung thanh toán, chuyển tiền:** Trả tiền mua hàng

.....

.....

<b>KBNN A GHI</b>
Mã quỹ: .....
Nợ TK: .....
Có TK: .....

<b>KBNN B, NH B GHI</b>
Mã quỹ: .....
Nợ TK: .....
Có TK: .....

Số tiền ghi bằng số: 22 092 180

Số tiền ghi bằng chữ: Hai mươi hai triệu không trăm chín mươi hai nghìn một trăm tám mươi đồng chẵn

<b>ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN</b>		<b>KBNN A GHI SỐ NGÀY.....</b>		
Kế toán trưởng	Chủ tài khoản	Kế toán	Kế toán trưởng	Giám đốc
<b>NGÂN HÀNG A GHI SỐ NGÀY.....</b>		<b>KBNN B, NGÂN HÀNG B GHI SỐ</b>		
Kế toán	Kế toán trưởng	Giám đốc	<b>NGÀY.....</b>	
			Kế toán	Kế toán trưởng
				Giám đốc

## ***Khóa luận tốt nghiệp***

### **Trường hợp 3: Hình thức thanh toán trả chậm.**

**Cu thể:** Ngày 06/12/2010 Nhà máy mua 4,291 m<sup>3</sup> gỗ 1260\*71\*20 đơn giá 3.250.000đ/m<sup>3</sup> ; 2,189 m<sup>3</sup> gỗ 1100\*69\*20 đơn giá 3.250.000đ/m<sup>3</sup> ; 1,298 m<sup>3</sup> gỗ 580\*67\*20 đơn giá 2.650.000đ/m<sup>3</sup> ; 0,053 m<sup>3</sup> gỗ 680\*69\*25 đơn giá 2.950.000đ/m<sup>3</sup> ; 0,032 m<sup>3</sup> gỗ 600\*67\*25 đơn giá 2.650.000đ/m<sup>3</sup> ; 0,003 m<sup>3</sup> gỗ 520\*47\*25 đơn giá 2.650.000đ/m<sup>3</sup> của công ty TNHH Thịnh Lộc thuế GTGT 10%. Nhà máy chưa thanh toán.

Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

\*\*\*

### **Hợp đồng mua hàng ( Tính hợp đồng )**

Số:.....135...../HĐMB

- Căn cứ Luật Thương mại nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

- Căn cứ Nghị định...../199...../NĐ - CP

ngày.....tháng.....năm.....của..... Chính phủ hướng dẫn thi hành

- Căn cứ Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế ngày 25-9-1989 của Hội đồng Nhà nước

- Căn cứ Nghị định số 17- HĐBT ngày 16-01-1990 của Hội đồng Bộ trưởng quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh hợp đồng kinh tế.

- Căn cứ.... (văn bản hướng dẫn các cấp, các ngành)

Hôm nay ngày ...01.... tháng.12.....năm....2010... Tại ....Hải Phòng.....

Chúng tôi gồm: Bên A.

Tên doanh nghiệp: Nhà máy sản xuất nội thất xuất khẩu Shinec

Địa chỉ trụ sở chính:Cụm CNTT Lai Vu – Xã Lai Vu – Kim Thành – Hải Dương

Điện thoại:..... Telex:.....Fax:.....

Tài khoản số:..... Mở tại ngân hàng:.....

Đại diện là:Trình Ngọc Hưng Chức vụ:Giám đốc

Giấy uỷ quyền số:..... (nếu thay giám đốc ký)

Viết ngày.....tháng .....năm.....Do.....chức vụ.....ký

*Trong hợp đồng này gọi tắt là "bên A".*

## ***Khóa luận tốt nghiệp***

Bên B.

Tên doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn Thịnh Lộc  
Địa chỉ trụ sở chính: Xã Phục Lễ - Thủy Nguyên – Hải Phòng  
Điện thoại:.....Telex:.....Fax:.....  
Tài khoản số:..... Mở tại ngân hàng:.....  
Đại diện là: Phạm Thị Sài Chức vụ: Giám đốc  
Giấy uỷ quyền số:.....(nếu thay giám đốc ký)  
Viết ngày.....tháng.....năm.....Do .....chức vụ.....ký.

*Trong hợp đồng này gọi tắt là "bên B".*

Hai bên thống nhất thoả thuận nội dung hợp đồng như sau:

**Điều 1:** Nội dung công việc giao dịch 1. Bên B bán cho bên A:

STT	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Gỗ 1260*71*20	m <sup>3</sup>	4,291	3 250 000	13 945 750	
2	Gỗ 1100*69*20	m <sup>3</sup>	2,189	3 250 000	7 114 250	
3	Gỗ 580*67*20	m <sup>3</sup>	1,298	2 650 000	3 439 700	
4	Gỗ 680*69*25	m <sup>3</sup>	0,053	2 950 000	156 350	
5	Gỗ 600*67*25	m <sup>3</sup>	0,032	2 650 000	84 800	
6	Gỗ 520*47*25	m <sup>3</sup>	0,003	2 650 000	7 950	
Cộng:					24 748 800	

Tổng trị giá (bằng chữ): Hai mươi tư triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn tám trăm đồng chẵn ( Chưa có thuế GTGT ).

**Điều 2:** Phương thức giao nhận

3. Bên B giao cho bên A theo lịch sau:

STT	Tên hàng	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
-----	----------	--------	----------	---------	------------	---------



## *Khóa luận tốt nghiệp*

		tính				
1	Gỗ 1260*71*20	m <sup>3</sup>	4,291	3 250 000	13 945 750	
2	Gỗ 1100*69*20	m <sup>3</sup>	2,189	3 250 000	7 114 250	
3	Gỗ 580*67*20	m <sup>3</sup>	1,298	2 650 000	3 439 700	
4	Gỗ 680*69*25	m <sup>3</sup>	0,053	2 950 000	156 350	
5	Gỗ 600*67*25	m <sup>3</sup>	0,032	2 650 000	84 800	
6	Gỗ 520*47*25	m <sup>3</sup>	0,003	2 650 000	7 950	
Cộng:				24 748 800		

2. Khi nhận hàng, bên mua có trách nhiệm kiểm nhận phẩm chất, qui cách hàng hoá tại chỗ. Nếu phát hiện hàng thiếu hoặc không đúng tiêu chuẩn chất lượng v.v.... thì lập biên bản tại chỗ yêu cầu bên bán xác nhận Hàng đã ra khỏi kho bên bán không chịu trách nhiệm ( trừ loại hàng có qui định thời hạn bảo hành). Trường hợp giao nhận hàng theo nguyên đai, nguyên kiện, nếu bên mua sau khi chở về nhập kho mới phát hiện có vi phạm thì phải lập biên bản gọi cơ quan kiểm tra trung gian ( Vina control) đến xác nhận và phải gửi đến bên bán trong hạn 10 ngày tính từ khi lập biên bản. Sau 15 ngày nếu bên bán đã nhận được biên bản mà không có ý kiến gì coi như đã chịu trách nhiệm bồi thường lô hàng đó. Mỗi lô hàng khi giao nhận phải có xác nhận chất lượng bằng phiếu hoặc biên bản kiểm nghiệm; khi đến nhận hàng người nhận phải có đủ:

- Giấy giới thiệu của cơ quan bên mua;
- Phiếu xuất kho của cơ quan bên bán;
- Giấy chứng minh nhân dân.

### **Điều 3:** Bảo hành và hướng dẫn sử dụng hàng hoá

1. Bên bán có trách nhiệm bảo hành chất lượng và giá trị sử dụng gỗ 11260\*71\*20 ; gỗ 1100\*69\*20 ; gỗ 580\*67\*20 ; gỗ 680\*69\*25 ; gỗ 600\*67\*25 ; gỗ 520\*47\*25 cho bên mua trong thời gian là:1 tháng.

2. Bên bán phải cung cấp đủ mỗi đơn vị hàng hoá một giấy hướng dẫn sử dụng (nếu cần).

### **Điều 4:** Phương thức thanh toán

Bên B thanh toán cho bên A bằng hình thức Trả chậm trong thời gian 3 tháng

## ***Khóa luận tốt nghiệp***

**Điều 5:** Các biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng (nếu cần) Lưu ý: Chỉ ghi ngắn gọn cách thức, tên vật bảo đảm và phải lập biên bản riêng.

**Điều 6:** Trách nhiệm vật chất trong việc thực hiện hợp đồng

1. Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thoả thuận trên, không được đơn phương thay đổi hoặc huỷ bỏ hợp đồng, bên nào không thực hiện hoặc đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì sẽ bị phạt tới 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm (cao nhất là 12%).

2. Bên nào vi phạm các điều khoản trên đây sẽ phải chịu trách nhiệm vật chất theo quy định của văn bản pháp luật có hiệu lực hiện hành về phạt vi phạm chất lượng, số lượng, thời gian, địa điểm, thanh toán, bảo hành v.v....mức phạt cụ thể do hai bên thoả thuận dựa trên khung phạt nhà nước đã quy định trong các văn bản pháp luật về hợp đồng kinh tế.

**Điều 7:** Thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng

1. Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau tiến độ thực hiện hợp đồng. Nếu có vấn đề gì bất lợi pháp sinh các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và tích cực bàn bạc giải quyết ( cần lập biên bản ghi toàn bộ nội dung).

2. Trường hợp các bên không tự giải quyết được mới đưa vụ tranh chấp ra toà án.

3. Chi phí về kiểm tra, xác minh và lệ phí toà án do bên có lỗi chịu.

**Điều 8:** Các thoả thuận khác (nếu cần) Các điều kiện và điều khoản khác không ghi trong này sẽ được các bên thực hiện theo quy định hiện hành của các văn bản pháp luật về HĐKT.

**Điều 9:** Hiệu lực của hợp đồng Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 đến ngày 06 tháng 12. Hai bên sẽ tổ chức họp và lập biên bản thanh lý hợp đồng này sau khi hết hiệu lực không quá 10 ngày. Bên A có trách nhiệm tổ chức và chuẩn bị thời gian địa điểm họp thanh lý. Hợp đồng này được làm thành 2 bản, có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 1 bản.

Đại diện Bên A

Đại diện Bên B

Chức vụ (Ký tên, đóng dấu)

Chức vụ (Ký tên, đóng dấu)

## **Khóa luận tốt nghiệp**

**Biểu mẫu số 7:** Hóa đơn GTGT theo hình thức trả chậm

<b>HÓA ĐƠN</b>		Mẫu số : 01 GTGT – 3LL			
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		HS/ 2010N			
Liên 2 (giao cho khách hàng)					
<b>Số: 027738</b>					
Ngày 06 tháng 12 năm 2010					
Đơn vị bán hàng: <b>Công ty TNHH Thịnh Lộc</b>					
Địa chỉ : Hải Phòng					
Điện thoại : Mã số thuế: 0200587748					
Đơn vị mua hàng: <b>Nhà sản xuất nội thất xuất khẩu Shinec</b>					
Địa chỉ : Cụm CNTT Lai Vu- Lai Vu- Kim Thành- Hải Dương					
Điện thoại :					
Hình thức thanh toán : Trả Chậm Mã số thuế 0200445567 - 005					
Số TT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số l- ợng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Gỗ 1260*71*20	m <sup>3</sup>	4,291	3 250 000	13 945 750
2	Gỗ 1100*69*20	m <sup>3</sup>	2,189	3 250 000	7 114 250
3	Gỗ 580*67*20	m <sup>3</sup>	1,298	2 650 000	3 439 700
4	Gỗ 680*69*25	m <sup>3</sup>	0,053	2 950 000	156 350
5	Gỗ 600*67*25	m <sup>3</sup>	0,032	2 650 000	84 800
6	Gỗ 520*47*25	m <sup>3</sup>	0,003	2 650 000	7 950
Cộng tiền hàng					24 748 800
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT		2 474 880
Tổng cộng tiền thanh toán					27 223 680
Số tiền viết bằng chữ :Hai mươi bảy triệu hai trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm tám mươi đồng chẵn.					
Ng- ời mua hàng ( Ký, họ tên )		Kế toán tr- ợng ( Ký, họ tên )		Thủ tr- ợng đơn vị ( Ký, họ tên )	

## ***Khóa luận tốt nghiệp***

Khi hàng về tới kho nhà máy và nhận được hóa đơn bán hàng của công ty TNHH Thịnh Lộc, phòng kỹ thuật (KCS) và thủ kho đã tiến hành kiểm nghiệm và kết quả kiểm nghiệm được ghi vào biên bản kiểm nghiệm

**Biểu mẫu số 8:** Biên bản kiểm nghiệm theo hóa đơn số 027738

<b>NHÀ MÁY SẢN XUẤT NỘI THẤT XUẤT KHẨU SHINEC</b> Cụm CNTT Lai vu-Lai vu-Kim Thành- Hải Dương <b>BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM VẬT TƯ</b> Ngày 06 tháng 12 năm 2010						
Căn cứ vào hóa đơn ngày 06 tháng 12 năm 2010						
Ban kiểm nghiệm gồm: 02 người						
Ông : Nguyễn Văn Tới			Nhân viên phòng kỹ thuật			
Bà : Nguyễn Thị Miên			Thủ kho			
Đã kiểm nghiệm các loại vật tư						
STT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng		Đúng giá	
			Chứng từ	Thực nhập	Đúng quy cách	Sai quy cách
1	Gỗ 1260*71*20	m <sup>3</sup>	4,291	4,291	4,291	
2	Gỗ 1100*69*20	m <sup>3</sup>	2,189	2,189	2,189	
3	Gỗ 580*67*20	m <sup>3</sup>	1,298	1,298	1,298	
4	Gỗ 680*69*25	m <sup>3</sup>	0,053	0,053	0,053	
5	Gỗ 600*67*25	m <sup>3</sup>	0,032	0,032	0,032	
6	Gỗ 520*47*25	m <sup>3</sup>	0,003	0,003	0,003	
Biên bản được lập xong lúc 16h cùng ngày.						
Ý kiến của ban kiểm nghiệm: Đúng số lượng, quy cách.						
<b>Phòng kỹ thuật</b> (ký, họ tên)			Ngày 06 tháng 12 năm 2010 <b>Thủ kho</b> (ký, họ tên)			

Các thành viên trong biên bản kiểm nghiệm nhất trí, ký tên và chuyển cho phòng kế toán viết phiếu nhập kho.

## *Khóa luận tốt nghiệp*

**Biểu mẫu số 9:** Phiếu nhập kho theo biên bản kiểm kê vật tư ngày 06/12/2010.

Nhà máy sản xuất nội thất xuất khẩu Shinec Cụm CNTT Lai Vu-Lai Vu-Kim Thanh-Hải Dương				MẪU SỐ 01 – VT (ban hành theo QĐ số: 15/1006/QĐ-BTC Ngày 20/3/2006 của BTC)							
<b>PHIẾU NHẬP KHO</b> Ngày 06 tháng 12 năm 2010 <b>Số: 223 NK</b>											
Đơn vị giao hàng: Công ty TNHH Thịnh Lộc Theo HĐ 027738 ngày 06 tháng 12 năm 2010 Nhập tại : Kho gỗ						Nợ: 1521 Có: 3311					
STT	Tên vật tư	Mã số	Đơn vị tính	SỐ LƯỢNG		Đơn giá	THÀNH TIỀN				
				Theo chứng từ	Thực nhập						
1	2	3	4	5	6	7	8				
1	Gỗ 1260*71*20	G001	m <sup>3</sup>	4,291	4,291	3 250 000	13 945 750				
2	Gỗ 1100*69*20	G002	m <sup>3</sup>	2,189	2,189	3 250 000	7 114 250				
3	Gỗ 580*67*20	G007	m <sup>3</sup>	1,298	1,298	2 650 000	3 439 700				
4	Gỗ 680*69*25	G004	m <sup>3</sup>	0,053	0,053	2 950 000	156 350				
5	Gỗ 600*67*25	G006	m <sup>3</sup>	0,032	0,032	2 650 000	84 800				
6	Gỗ 520*47*25	G008	m <sup>3</sup>	0,003	0,003	2 650 000	7 950				
	Cộng						24 748 800				
<p><i>-Tổng số tiền(viết bằng chữ): hai mươi bốn triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn tám trăm chẵn</i></p> <p style="text-align: right;"><i>Ngày 06 tháng 12 năm 2010</i></p> <table style="width: 100%;"><tr><td style="width: 25%;"><b>Người lập phiếu</b> <i>(ký, họ tên)</i></td><td style="width: 25%;"><b>Người giao hàng</b> <i>(ký, họ tên)</i></td><td style="width: 25%;"><b>Thủ kho</b> <i>(ký, họ tên)</i></td><td style="width: 25%;"><b>Kế toán trưởng</b> <i>(ký, họ tên)</i></td></tr></table>								<b>Người lập phiếu</b> <i>(ký, họ tên)</i>	<b>Người giao hàng</b> <i>(ký, họ tên)</i>	<b>Thủ kho</b> <i>(ký, họ tên)</i>	<b>Kế toán trưởng</b> <i>(ký, họ tên)</i>
<b>Người lập phiếu</b> <i>(ký, họ tên)</i>	<b>Người giao hàng</b> <i>(ký, họ tên)</i>	<b>Thủ kho</b> <i>(ký, họ tên)</i>	<b>Kế toán trưởng</b> <i>(ký, họ tên)</i>								

*(Ghi chú: Mẫu phiếu nhập kho do công ty lập để theo dõi vật tư nhập kho, nhân viên thống kê ở phòng kế hoạch vật tư có trách nhiệm ghi phiếu nhập kho)*

## *Khóa luận tốt nghiệp*

**Mẫu số 10:** Bảng kê chi tiết tháng 12 (ghi Nợ 152)

### BẢNG KÊ CHI TIẾT THÁNG 12/2010

*Ghi nợ TK 152, ghi có tài khoản liên quan*

Chứng từ		Diễn giải	Ghi nợ tài khoản 152	Ghi có các tài khoản		
Số hiệu	Ngày tháng			111	112	331
221NG	5/12	Mua 0,095m <sup>3</sup> gỗ 1100*69*25	229 250	229 250		
222NG	5/12	Mua 27,376m <sup>3</sup> gỗ 680*69*25	80 728 800		30 720 000	50 008 800
223NG	6/12	Mua 4,29m <sup>3</sup> gỗ 126*71*20	13 945 750			13 945 750
223NG	6/12	Mua 2,189m <sup>3</sup> gỗ 1100*69*20	7 114 250			7 114 250
223NG	6/12	Mua 1,298m <sup>3</sup> gỗ 580*67*20	3 439 700			3 439 700
223NG	6/12	Mua 0,053m <sup>3</sup> gỗ 680*69*25	156 350			156 350
223NG	6/12	Mua 0,032m <sup>3</sup> gỗ 600*67*25	84 800			84 800
223NG	6/12	Mua 0,003m <sup>3</sup> gỗ 520*47*25	7 950			7 950
224NG	8/12	Mua 0,292m <sup>3</sup> gỗ 1100*69*20	949 000	949 000		55.000.000
225NG	10/12	Mua 0,895m <sup>3</sup> 1100*69*20	2 908 750	2 908 750		
226NG	14/12	Mua 9,69m <sup>3</sup> 1100*69*20	26 163 000		26 163 000	
		.....				
		<b>Cộng</b>	<b>635 527 650</b>	<b>66 336 470</b>	<b>100 200 300</b>	<b>468 990 880</b>

### *2.2.4.3. Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu.*

Thủ tục xuất kho: Căn cứ vào nhu cầu, kế hoạch sản xuất, lệnh sản xuất các nhà máy thành viên lập giấy đề nghị cấp vật tư gửi lên ban lãnh đạo công ty.

Sau khi nhận được giấy đề nghị cấp vật tư có ký duyệt của ban lãnh đạo công ty, phòng điều hành sản xuất viết phiếu xuất kho. Phiếu xuất kho được lập thành 3 liên:

Liên 1: Lưu tại phòng điều hành sản xuất

Liên 2: Giao cho người nhận vật tư

Liên 3: Giao cho thủ kho để làm căn cứ ghi thẻ kho

Phiếu xuất kho do phòng điều hành sản xuất khi lập chỉ phản ánh về mặt số lượng vật tư xuất kho. Thủ kho khi nhận được phiếu xuất kho tiến hành xuất vật tư, dựa vào phiếu xuất kho để lên thẻ kho...

Đơn giá của phiếu xuất kho sẽ được tính vào cuối tháng và sẽ được kế toán viết ngược trở lại từng phiếu xuất nếu số lượng phiếu xuất ít. Nếu với số lượng phiếu xuất kho lớn như nhà máy thì cuối tháng trị giá xuất kho sẽ dựa vào số lượng xuất ở bảng kê xuất nhân với đơn giá xuất kho.

## *Khóa luận tốt nghiệp*

---

***Biểu mẫu số 11:*** Giấy đề nghị cấp vật tư.

<b>GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP VẬT TƯ</b>					
<i>Hải Dương, ngày 20 tháng 12 năm 2010</i>					
Họ và tên: Nguyễn Thị Hiệp – Chức vụ: Quản đốc.					
Bộ phận: Phân xưởng sản xuất.					
Lý do sử dụng: Xuất kho NVL cho sản xuất hàng Tullero.					
Kính gửi và đề nghị ban lãnh đạo nhà máy duyệt cung cấp cho các loại nguyên vật liệu sau:					
STT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng		Ghi chú
			Yêu cầu	Duyệt	
1	Gỗ 1100*69*20	m <sup>3</sup>	12,081	12,081	
2	Gỗ 1260*71*20	m <sup>3</sup>	1,518	1,518	
3	Gỗ 1100*69*20	m <sup>3</sup>	3,976	3,976	
<i>ngày 20 tháng 12 năm 2010</i>					
<b>Người đề nghị</b> <i>(ký, họ tên)</i>		<b>Phụ trách bộ phận</b> <i>(ký, họ tên)</i>		<b>Lãnh đạo nhà máy</b> <i>(ký, họ tên)</i>	



# *Khóa luận tốt nghiệp*

## ***Biểu mẫu số 12:*** Phiếu xuất kho

Nhà máy sản xuất nội thất xuất khẩu Shinec

MẪU SỐ 02 – VT

Cụm CNTT Lai Vu-Lai Vu-Kim Thành-Hải Dương

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của BTC)

### **PHIẾU XUẤT KHO**

*Ngày 20 tháng 12 năm 2010*

Số 118 XG

Họ tên người nhận hàng: Nguyễn Thị Hiệp

Nợ: 6211

Địa chỉ:..... **phân xưởng sản xuất**.....

Có: 1521

Lý do xuất kho.....Xuất gỗ làm hàng Tullero.....

Xuất tại kho.....Kho gỗ....

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Gỗ 1100*69*20	G002	m <sup>3</sup>	12,081	12,081		
2	Gỗ 1260*71*20	G001	m <sup>3</sup>	1,518	1,518		
3	Gỗ 1100*69*20	G002	m <sup>3</sup>	3,976	3,976		
	Cộng						

Bằng chữ: .....

*ngày 20 tháng 12 năm 2010*

**Người lập phiếu**  
(Ký, họ tên)

**Người nhận hàng**  
(Ký, họ tên)

**Thủ kho**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên)

## *Khóa luận tốt nghiệp*

**Mẫu số 13:** Bảng kê chi tiết tháng 12 (ghi có TK 152)

### BẢNG KÊ CHI TIẾT THÁNG 12/2010

*Ghi có TK 152, ghi nợ tài khoản liên quan*

Chứng từ		Diễn giải	Ghi có tài khoản 152	Ghi nợ các tài khoản	
Số hiệu	Ngày tháng			6211	6212
107XK	2/12	XK vật liệu 490*110*26	91 340 000		91 340 000
		XK vật liệu gỗ thông	95 819 093	95 819 093	
108XG	3/12	XK vật liệu 1100*69*20	17 931 765	17 931 765	
109XG	5/12	XK vật liệu 1100*69*20	8 622 445	8 622 445	
		XK vật liệu 126*71*20	104 100 704		104 100 704
110XK	11/12	XK vật liệu gỗ cắt ghép	5 213 400	5 213 400	
		XK vật liệu 680*69*25	714.000	714.000	
		XK vật liệu 630*47*25	3.500.000	3.500.000	
111XK		XK vật liệu 600*67*25	398.462	398.462	
.....	.....	.....	.....	.....	.....
118XG	20/12	XK vật liệu 1100*69*20	46 932 411	46 932 411	
...	.....	.....	.....	.....	.....
		<b>Cộng</b>	<b>456 585 712</b>	<b>343 677 000</b>	<b>112 908 712</b>

**2.2.6. Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại kho.**

Nhà máy hạch toán chi tiết vật liệu theo phương pháp thẻ song song và kế toán sử dụng các chứng từ sau: Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho, hóa đơn mua hàng,...

Nội dung hạch toán chi tiết nguyên vật liệu được hạch toán như sau:

- Hàng ngày: khi vật tư về tới kho, kế toán vật tư lập phiếu nhập kho ở các nội dung theo hóa đơn mua hàng như: loại vật tư, quy cách, đơn vị tính, số lượng vật tư vào các cột trên phiếu nhập kho cho phù hợp, dựa vào phiếu nhập kho thủ kho làm thủ tục nhập kho và tiến hành phân loại chứng từ theo từng loại vật liệu. Căn cứ vào phiếu nhập, xuất kho thủ kho ghi vào các cột tương ứng trong thẻ kho, mỗi chứng từ ghi một dòng, cuối ngày tính ra số tồn.

- Cuối tháng tính ra số lượng nhập kho, xuất kho trong tháng và tồn kho cuối tháng.

**Biểu mẫu số 14:** Thẻ kho gỗ 1100\*69\*20

## *Khóa luận tốt nghiệp*

Đơn vị :NHÀ MÁY SẢN XUẤT NỘI THẤT XUẤT KHẨU SHINEC

Tên kho: Kho gỗ

### THẺ KHO

- Tên vật tư: Gỗ 1100\*69\*20
- Đơn vị tính: m<sup>3</sup>
- Mã số: G002

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	Số lượng		
	Nhập	Xuất		Nhập	Xuất	Tồn
			<b>Tồn đầu tháng</b>			<b>74,198</b>
02/12		02 XG	Xuất gỗ làm hàng Tullero – hiệp		6,135	68,063
05/12		04 XG	Xuất gỗ làm hàng Tullero – hiệp		2,95	65,113
06/12	223NG		Nhập gỗ BB988 – Cty TNHH Thịnh Lộc	2,189		67,302
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
20/12		118XG	Xuất gỗ làm hàng Tullero – hiệp		16,057	75,223
.....		.....	.....		.....	.....
Cộng tháng 12				33,96	44,278	63,88

## *Khóa luận tốt nghiệp*

**Biểu mẫu số 15:** Thẻ kho gỗ 1260\*71\*20.

Đơn vị :NHÀ MÁY SẢN XUẤT NỘI THẤT XUẤT KHẨU SHINEC

Tên kho: Kho gỗ

### **THẺ KHO**

- Tên vật tư: Gỗ 1260\*71\*20
- Đơn vị tính: m<sup>3</sup>
- Mã số: G002

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	Số lượng		
	Nhập	Xuất		Nhập	Xuất	Tồn
			<b>Tồn đầu tháng</b>			<b>44,294</b>
01/12	200NG		Nhập gỗ của cty TNHH Phú Đạt	3,421		47,715
03/12		18 XG	Xuất gỗ làm hàng Tullero – hiệp		3,23	44,485
04/12	210NG		Nhập gỗ – Cty CP CNTT Shinec	4,189		48,674
06/12	223NG		Nhập gỗ - Cty TNHH Thịnh lộc	4,291		52,965
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
20/12		118XG	Xuất gỗ làm hàng Tullero – hiệp		1,518	47,789
.....		.....	.....		.....	.....
<b>Cộng tháng 12</b>				<b>14,687</b>	<b>33,47</b>	<b>25,511</b>

### **2.2.7. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu ở phòng Kế toán**

Kế toán tr- ởng sử dụng sổ chi tiết NVL để theo dõi chi tiết từng thứ NVL theo cả số l- ợng và giá trị. Mỗi thứ đ- ợc viết trên một tờ sổ. Cuối tháng căn cứ vào sổ chi tiết NVL để lập bảng tổng hợp nhập xuất tồn.

Khi nhận đ- ợc chứng từ nhập xuất NVL ở từng kho, kế toán tiến hành kiểm tra tính hợp lý hợp pháp của chứng từ. Kế toán ghi sổ chi tiết cả chỉ tiêu số l- ợng và giá trị. Khi nhận đ- ợc phiếu nhập kho, xuất kho kế toán căn cứ vào số l- ợng và đơn giá tính ra số tiền và ghi vào sổ chi tiết.

Cuối tháng kế toán và thủ kho tiến hành đối chiếu số liệu trên sổ chi tiết NVL và thẻ kho theo chỉ tiêu số l- ợng, nếu số l- ợng khớp nhau thì kế toán tr- ởng tiến hành lập bảng tổng hợp nhập xuất tồn căn cứ vào số liệu dòng tổng hợp trên sổ chi tiết NVL đồng thời với việc ghi vào thẻ kho thủ kho tiến hành chuyển các chứng từ nhập xuất cho phòng kế toán. Tại phòng kế toán sau khi xem xét kiểm tra các chứng từ nh- phiếu nhập, phiếu xuất thấy hợp lệ, kế toán ghi vào sổ chi tiết số 2 theo từng phiếu nhập, cuối mỗi tháng kế toán cộng từng loại vật liệu về số l- ợng và giá trị theo từng loại vật liệu, công cụ dụng cụ để vào sổ chi tiết nhập - xuất - tồn.

Tại Nhà máy sản xuất nội thất xuất khẩu Shinec, NVL xuất dùng chủ yếu cho sản xuất sản phẩm.

## Khóa luận tốt nghiệp

**Mẫu số 16:** Sổ chi tiết vật tư gỗ 1100\*69\*20

**Đơn vị:** Nhà máy sản xuất nội thất xuất khẩu Shinec

**Địa chỉ:** Cụm CNTT Lai Vu- Lai Vu- Kim Thành- Hải Dương

**Mẫu số S10-DN**

( Ban hành theo QĐ số 15/2006 QĐ/BTC ngày  
20/03/2005 của Bộ tr- ờng Bộ Tài Chính)

### SỔ CHI TIẾT VẬT TƯ

Tháng 12 năm 2010

Tài khoản: 1521      Tên kho: Kho gỗ

Tên vật tư: Gỗ 1100\*69\*20(G002)

ĐVT: m<sup>3</sup>

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
Số	Ngày				SL	TT	SL	TT	SL	TT	
A	B	C	D	1	2	3= 2x1	4	5=4x1	6	7=6x1	8
		Tồn đầu kỳ							74,198	<u>220 554 865</u>	
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	
222NG	5/12	Xuất gỗ làm hàng	6211	2 922 863			2,95	8 622 445	65,113	194 000 655	
223NG	6/12	Nhập gỗ-BB988	3311	3 250 000	2,189	7 114 250			67,302	201 114 905	
224NG	8/12	Nhập gỗ-BB990	3311	3 250 000	0,292	949 000			67,594	202 063 905	
225NG	10/12	Nhập gỗ-BB992	3311	3 250 000	0,895	2 908 750			68,489	204 972 655	
226NG	14/12	Nhập gỗ khô	3312	2 700 000	9,69	26 163 000			78,179	231 135 655	
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
118XG	20/12	Xuất gỗ làm hàng	6211	2 992 863			12,081	35 311 108	79,199	230 289 473	
118XG		Xuất gỗ làm hàng	6211				3,976	11 621 303	75,223	218 668 170	
...	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	
X	X	Cộng Phát sinh		X	33,96	<b>95 576 100</b>	44,278	<b>129 418 528</b>	X	X	
		Tồn cuối kỳ							63,88	<u>186 712 437</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Người ghi sổ**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(ký, họ tên)

Sinh viên: Chu Thị Huế - Lớp: QT1102K

## Khóa luận tốt nghiệp

**Mẫu số 17:** Sổ chi tiết vật tư gỗ 1260\*71\*20

**Đơn vị:** Nhà máy sản xuất nội thất xuất khẩu Shinec

**Địa chỉ:** Cụm CNTT Lai Vu- Lai Vu- Kim Thành- Hải Dương

**Mẫu số S10-DN**

( Ban hành theo QĐ số 15/2006 QĐ/BTC ngày  
20/03/2005 của Bộ tr- ờng Bộ Tài Chính)

### SỔ CHI TIẾT VẬT TƯ

Tháng 12 năm 2010

Tài khoản: 1521      Tên kho: Kho gỗ

Tên vật tư: Gỗ 1260\*71\*20(G001)

ĐVT: m<sup>3</sup>

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
Số	Ngày				SL	TT	SL	TT	SL	TT	
A	B	C	D	1	2	3= 2x1	4	5=4x1	6	7=6x1	8
		Tồn đầu kỳ							<b>44,294</b>	<b>135 714 019</b>	
200NG	1/12	Nhập gỗ- BB991	111	3 250 000	3,421	11 118 250			<b>47,715</b>	<b>146 832 269</b>	
18XG	3/12	Xuất gỗ làm hàng	6211	3 110 269			3,23	10 046 168	44,485	<b>136 786 101</b>	
210NG	4/12	Nhập gỗ-BB988	112	3 250 000	4,189	13 614 250			48,674	<b>150 400 351</b>	
223NG	6/12	Nhập gỗ-BB990	3311	3 250 000	4,291	13 945 750			52,965	<b>164 346 101</b>	
230NG	8/12	Nhập gỗ-BB992	3311	3 250 000	0,292	949 000			<b>53,257</b>	<b>165 295 101</b>	
236NG	17/12	Nhập gỗ khô	3312	2 700 000	0,002	5 400			<b>53,259</b>	<b>165 300 501</b>	
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
118XG	20/12	Xuất gỗ làm hàng	6211	3 110 269			1,518	4 721 388	<b>33,105</b>	<b>100 356 707</b>	
120XG	22/12	Xuất gỗ làm hàng	6211	3 110 269			2,187	6 802 158	<b>30,918</b>	<b>93 554 549</b>	
...	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	
X	X	Cộng Phát sinh		X	14,687	<b>47 732 750</b>	33,47	<b>104 100 704</b>	X	X	
		Tồn cuối kỳ							25,511	<b>79 346 065</b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Người ghi sổ**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(ký, họ tên)

Sinh viên: Chu Thị Huế - Lớp: QT1102K



### **2.2.8. Kế toán tổng hợp vật liệu tại Nhà máy**

Song song với quá trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu Kế toán tiến hành ghi Sổ tổng hợp chi tiết nguyên vật liệu. Nhà máy hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Với việc áp dụng phương pháp này nhà máy kiểm soát được một cách thường xuyên, liên tục tình hình biến động của nguyên vật liệu trên sổ kế toán.

Nhà máy áp dụng tính giá nguyên vật liệu theo giá gốc và phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ. Như vậy đơn giá xuất kho nguyên vật liệu được tính theo công thức sau:

$$\text{Giá trị thực tế NVL xuất kho} = \text{Số l- ợng NVL xuất kho} \times \text{Đơn giá bình quân gia quyền}$$

**Trong đó:**

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền cuối kỳ} = \frac{\text{Trị giá thực tế NVL tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế NVL nhập trong kỳ}}{\text{Số l- ợng NVL tồn kho đầu kỳ} + \text{Số l- ợng NVL nhập trong kỳ}}$$

Nhà máy theo dõi tình hình biến động tăng giảm của nguyên vật liệu bằng các tài khoản:

TK 152: “Nguyên vật liệu” theo dõi giá trị hiện có và tình hình nguyên vật liệu theo giá trị thực tế.

TK 331: “Phải trả người bán” Theo dõi tình hình thanh toán khoản tiền phải trả nhà cung cấp của nhà máy.

Một số tài khoản liên quan như: TK 621, TK141, TK 111, TK 112...

Căn cứ vào những sổ nhật ký chung, Sổ cái các tài khoản liên quan. Bên cạnh đó từ sổ chi tiết, kế toán tiến hành vào sổ Tổng hợp chi tiết.

## ***Khóa luận tốt nghiệp***

---

Cuối tháng, kế toán tổng hợp dựa vào phiếu nhập kho định khoản.

- Đối với phiếu nhập kho số 200NK.

Nợ 1521 : 11.648.250

Nợ 133 : 1.164.825

Có 111 : 12.813.075

- Đối với phiếu nhập kho số 210NK.

Nợ 1521 : 20.083.800

Nợ 133 : 2.008.380

Có 112 : 22.092.180

- Đối với phiếu nhập kho số 223NK.

Nợ 1521 : 24.748.800

Nợ 133 : 2.474.880

Có 331 : 27.223.680

### **Cu thể:**

- Cuối tháng 12/2010 Nhà máy tính đơn giá xuất kho gỗ 1100\*69\*20

Đơn giá bình quân =  $(220\ 554\ 865 + 95\ 576\ 100) / (74,198 + 33,96)$

Đơn giá bình quân =  $316\ 130\ 965 / 108,158$

Đơn giá bình quân =  $2\ 992\ 863đ/m^3$

Số liệu để tính được đơn giá ta có thể dựa vào biểu mẫu số 16.

Trị giá xuất kho =  $2\ 992\ 8638 * 44,278 = 129\ 418\ 528đ$

- Cuối tháng 12/2010 Nhà máy tính đơn giá xuất kho gỗ 1260\*71\*20

Đơn giá bình quân =  $(135\ 714\ 019 + 47\ 732\ 750) / (44,294 + 14,687)$

Đơn giá bình quân =  $183\ 446\ 769 / 58,981$

Đơn giá bình quân =  $3\ 110\ 269đ/m^3$

Trị giá xuất kho =  $3\ 110\ 269 * 33,47 = 104\ 100\ 704đ$

Số liệu để tính được đơn giá ta có thể dựa vào biểu số 17

## *Khóa luận tốt nghiệp*

**Mẫu số 18:** Bảng tổng hợp nhập\_ xuất\_ tồn

Nhà máy sản xuất nội thất xuất khẩu Shinec

Cụm CNTT Lai Vu- Lai Vu- Kim Thành- Hải Dương

### BẢNG TỔNG HỢP NHẬP XUẤT TỒN

Tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính : m<sup>3</sup>

Tên vật tư	Mã vật tư	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
		Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
Gỗ 1260*71*20	G001	44,294	135 714 019	14,687	47 732 750	33,47	104 100 704	25,511	79 346 065
Gỗ 1100*69*20	G002	74,198	220 554 865	33,96	95 576 100	44,278	129 418 528	63,88	186 712 437
Gỗ 1100*69*25	G003	0,577	1 884 193	0,095	299 250			0,672	2 183 443
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
<b>Cộng</b>		<b>350,247</b>	<b>1 111 064 942</b>	<b>191,945</b>	<b>635 517 650</b>	<b>142,448</b>	<b>456 585 712</b>	<b>399,744</b>	<b>1 289 996 880</b>

**KẾ TOÁN GHI SỔ**

( Ký, họ tên)

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

( Ký, họ tên)

## Khóa luận tốt nghiệp

**Đơn vị :** Nhà máy sản xuất nội thất xuất khẩu Shinec  
**Địa chỉ :** Cụm CNTT Lai vụ-Lai vụ-Kim Thành-Hải Dương

**Mẫu số S03A-DN**

( Ban hành theo QĐ số 15/2006 QĐ/BTC ngày 20/03/2005 của Bộ tr- ờng Bộ Tài Chính)

### Sổ Nhật Ký Chung

Năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT Dòng	Số hiệu TK	Số Phát sinh trong tháng	
	Số	Ngày					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang		501		<b>1 548 654 375</b>	<b>1 548 654 375</b>
06/12/2010	223NK	06/12/2010	Nhập vật tư cho nhà máy	X	502	1521	24 748 800	
				X	503	133	2 474 880	
					504	3311		27 223 680
...	...	...	...	...	...	...	...	...
20/12/2010	18XG	20/12/2010	Xuất vật tư phục vụ SX	X	600	6211	46 932 411	
				X	601	1521		46 932 411
...	...	...	...	...	...	...	...	...
30/12/2010	25XG	30/12/2010	Xuất vật tư làm hàng	X	666	6211	3 498 667	
				X	667	1521		3 498 667
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			<b>Cộng phát sinh</b>				<b>14 856 364 541</b>	<b>14 856 364 541</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

## Khóa luận tốt nghiệp

Đơn vị : Nhà máy sản xuất nội thất xuất khẩu Shinec  
Địa chỉ : Cụm CNTT Lai vụ-Lai vụ-Kim Thành-Hải Dương

Mẫu số S03B-DN  
( Ban hành theo QĐ số 15/2006 QĐ/BTC ngày  
20/03/2005 của Bộ tr- ờng Bộ Tài Chính)

### SỔ CÁI

Tháng 12 Năm : 2010  
Tài Khoản : Nguyên vật liệu  
Số hiệu : 152

Ngày ghi sổ	Diễn giải	Nhật ký chung		TK đối ứng	Số phát sinh		Ghi chú
		Số trang	Stt dòng		Nợ	Có	
	Số d- đầu kỳ				<b>1 274 612 470</b>		
...	...	...	...	...	...	...	
06/12/2010	Nhập vật tư cho NM	20	502	3311	24 748 800		
...	...	...	...	...	...	...	
20/12/2010	Xuất vật tư phục vụ SX	20	601	6211		46 932 411	
...	...	...	...	...	...	...	
30/12/2010	Xuất vật tư sản xuất	21	667	6211		3 498 667	
...	...	...	...	...	...	...	
	Cộng phát sinh				<b>4 964 142 595</b>	<b>3 564 124 850</b>	
	Số d- cuối kỳ				<b>2 674 630 215</b>		

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010  
Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

## **CHƯƠNG 3:**

# **MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU Ở NHÀ MÁY SẢN XUẤT NỘI THẤT SHINEC**

### **3.1. Nhận xét chung về kế toán ở nhà máy sản xuất nội thất xuất khẩu shinec.**

Trong nền kinh tế thị trường các doanh nghiệp phải không ngừng đổi mới về mọi mặt sao cho sản phẩm sản xuất ra phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng, mà các doanh nghiệp đều có mục đích tối đa hóa lợi nhuận. Điều này đòi hỏi mỗi doanh nghiệp phải sử dụng các biện pháp sao cho phù hợp với doanh nghiệp của mình. Đối với Nhà máy sản xuất nội thất xuất khẩu Shinec rất quan tâm đến giải pháp: không ngừng tiết kiệm chi phí giảm giá thành sản phẩm. Chính vì vậy việc các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu là cần thiết.

Qua thời gian nghiên cứu, tìm hiểu thực tế công tác quản lý vật liệu ở Nhà máy, em nhận thấy công tác quản lý và hạch toán vật liệu có những ưu điểm, nhược điểm sau.

#### **3.1.1. Những ưu điểm cơ bản**

Qua thực tế tiếp xúc và tìm hiểu tình hình hạch toán nguyên liệu vật liệu ở Nhà máy sản xuất nội thất xuất khẩu Shinec em xin đ- ợc phép đ- a ra một vài nhận xét khách quan của bản thân.

##### *3.1.1.1. Về công tác quản lý và hoạt động của nhà máy.*

- Bộ máy quản lý của nhà máy được tổ chức theo kiểu trực tuyến chức năng đã thể hiện được ưu thế rõ rệt. Người tối cao có quyền quyết định trong nhà máy thực hiện điều hành các phòng ban chuyên môn, đồng thời các phòng ban trong Nhà máy phối hợp với nhau nhịp nhàng ăn khớp tạo điều kiện phát huy năng lực sáng tạo của mỗi cá nhân chính vì vậy hiện nay nhà máy đã là một trong những

doanh nghiệp có uy tín, quy mô hoạt động và các lĩnh vực kinh doanh đang ngày càng mở rộng.

### *3.1.1.2. Về tổ chức công tác kế toán tại Nhà máy.*

- Bộ máy kế toán của Nhà máy được tổ chức phù hợp với quy mô, đặc điểm tình hình sản xuất kinh doanh của nhà máy. Việc phân công công việc phù hợp giữa các bộ phận kế toán và trình độ của các nhân viên đảm bảo việc phối hợp đạt hiệu quả cao nhất. Nhờ vậy mà tổ chức công tác kế toán được thực hiện một cách tương đối chặt chẽ và khoa học. Bộ máy kế toán của Nhà máy luôn chủ động áp dụng kịp thời và thực hiện tốt chế độ kế toán mới, hệ thống tài khoản, hệ thống sổ sách được áp dụng một cách phù hợp với điều kiện hoạt động của Nhà máy.

- Về hình thức kế toán áp dụng: Nhà máy áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung, ghi sổ theo tài khoản thống nhất hiện hành của Bộ tài chính, việc theo dõi biến động nguyên vật liệu rất phù hợp và thuận lợi. Hạch toán nguyên vật liệu theo hình thức Nhật ký chung có ưu điểm là đơn giản, sổ cấu tạo đơn giản, rõ ràng nên dễ ghi, dễ kiểm tra đối chiếu. Hình thức này phù hợp với loại hình hoạt động cũng như quy mô, trình độ và điều kiện lao động kế toán tại Nhà máy.

### *3.1.1.3. Về công tác kế toán nguyên vật liệu.*

- Về việc cung cấp và lập kế hoạch khi mua: Nhà máy đã được xây dựng được mô hình quản lý vật liệu tương đối khoa học từ khâu thu mua, bảo quản và sử dụng nguyên vật liệu cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc phân công trong công tác quản lý cung cấp nguyên vật liệu là khá rõ ràng và hợp lý.

- Về phương pháp tính trị giá vốn hàng xuất kho: tính theo phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ là hợp lý đối với nguyên vật liệu sử dụng cho sản xuất gia công và nhất là khi nhà máy thực hiện cung cấp theo đơn đặt hàng.

- Về phương pháp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu: Nhà máy vận dụng phương pháp thẻ song song trong việc hạch toán chi tiết nguyên vật liệu là phù hợp với điều kiện thực tế vì quy mô sản xuất của nhà máy chưa rộng.

### **3.1.2 Những tồn tại cần khắc phục trong công tác kế toán tại Nhà máy**

Bên cạnh những thành tích đã đạt được thì công tác kế toán nguyên vật liệu của nhà máy còn có những tồn tại cần khắc phục, cải tiến và hoàn thiện, để đáp ứng nhu cầu quản lý nguyên vật liệu trách thất thoát, lãng phí từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động của Nhà máy.

#### *3.1.2.1. Về hệ thống chứng từ, hình thức sổ kế toán áp dụng:*

- Trong một số trường hợp vật tư của Nhà máy đã mua chỉ có hóa đơn về mà vật tư chưa về đến Nhà máy, chưa nhập kho nhưng kế toán không sử dụng tài khoản 151 – Hàng mua đang đi đường.

- Do nhà máy áp dụng hình thức Nhật ký chung nên số liệu ghi chép ở các sổ còn trùng lặp nhiều

#### *3.1.2.2. Về công tác dự trữ, bảo quản nguyên vật liệu.*

Nhà máy chưa xây dựng được hệ thống định mức tồn kho chi từng loại nguyên vật liệu. Vì vậy, có thể gây lãng phí do dự trữ trên mức cần thiết điều đó sẽ ảnh hưởng tới công tác định mức vật tư vốn lưu động hàng quý, năm thiếu chính xác. Việc xây dựng định mức tiêu hao nguyên vật liệu mới chỉ là bắt đầu, chưa hoàn thiện. Vì vậy lượng tiêu hao nguyên vật liệu không được tính toán trước mà chỉ dựa vào bản vẽ để ký duyệt như vậy sẽ dẫn đến trường hợp lãng phí nguyên vật liệu.

- Công việc hạch toán nguyên vật liệu mất nhiều công sức và công việc dồn nhiều vào cuối tháng.



- Trong việc hạch toán phân bổ chi phí thu mua chưa hạch toán một cách đồng nhất về chi phí thu mua, còn có nhiều loại không tính trực tiếp vào tài khoản 152 mà phải tập hợp trong tháng, cuối tháng mới tiến hành phân bổ.

### *3.1.2.3. Về trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:*

Hàng tồn kho nói chung và nguyên vật liệu nói riêng là những tài sản lưu động thường biến đổi theo thời gian. Hiện nay tại nhà máy chưa thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

### *3.1.2.4. Về công tác kế toán*

Nhà máy chưa áp dụng hình thức kế toán máy.

## **3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu ở nhà máy sản xuất nội thất xuất khẩu Shinec.**

### **3.2.1. Mở tài khoản 151.**

Đối với “trường hợp hóa đơn về, nhưng hàng chưa về” kế toán đến khi nhận được phiếu nhập kho mới hạch toán đã gây nên tình trạng hàng thuộc quyền sở hữu của công ty nằm ngoài sổ sách. Do vậy kế toán cần mở thêm tài khoản 151- Hàng mua đang đi đường để theo dõi các mặt hàng nhà máy đã mua hay chấp nhận mua thuộc sở hữu của nhà máy nhưng cuối tháng chưa về kho

- Cuối tháng, nếu chỉ có hóa đơn chưa nhận được phiếu nhập, kế toán ghi:

Nợ TK 151: Trị giá hàng mua theo hóa đơn(chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 1331: Thuế GTGT được khấu trừ

Có : TK 331,111,112,...

- Sang tháng, khi nhận được phiếu nhập kho.

Nợ TK 152( chi tiết cho từng loại vật liệu) : Nếu nhập kho

Có TK 151: Hàng đi đường kỳ trước.

### *3.2.2. Về công tác dự trữ, bảo quản nguyên vật liệu*

Đối với mỗi doanh nghiệp, dự trữ là một khâu quan trọng không thể thiếu được trong quá trình tổ chức kinh doanh. Dự trữ là việc thu mua một lượng đầu vào nhất định phục vụ cho nhu cầu sản xuất, tránh rủi ro từ phía thị trường. Nhà máy nên lập kế hoạch dự trữ thực hiện chi từng đơn đặt hàng để xác định từng loại nguyên vật liệu cho từng đơn đặt hàng. Việc dự trữ nguyên vật liệu nào, số lượng bao nhiêu cần phải xác định dự trên phân tích, suy đoán của bộ phận thu mua:

- Căn cứ vào thiết kế kỹ thuật, đặc điểm của từng đơn hàng để xác định các nguyên liệu cần sử dụng.

- Căn cứ vào định mức tiêu hao nguyên vật liệu cho từng đơn đặt hàng, bộ phận sản xuất.

- Căn cứ vào tình hình biến động của từng loại nguyên vật liệu trên thị trường. Nguồn cung ứng đầu vào không ổn định trong khoảng thời gian thực hiện hợp đồng phải dự trữ và cần huy động một lượng vốn cần thiết và hệ thống kho bảo quản hàng hóa khoa học hợp lý.

### **3.2.3. Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá vật tư tồn kho là việc ước tính một khoản tiền tính vào chi phí (giá vốn hàng bán) vào thời điểm cuối niên độ khi giá trị thuần có thể thực hiện được của vật tư tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được

- Xét về phương diện kinh tế: Nhờ các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho mà bảng cân đối kế toán của Nhà máy được phản ánh chính xác hơn giá trị thực tế của tài sản.

- Xét về phương diện tài chính: Nếu trích lập dự phòng giảm giá nhà máy có thể tích lũy được một số vốn lẽ ra được phân chia. Số vốn này được sử dụng để bù đắp các khoản dự phòng là một nguồn tài chính của doanh nghiệp tạm thời nằm trong các tài sản lưu động trước khi sử dụng thật sự.

## *Khóa luận tốt nghiệp*

---

-Việc trích lập dự phòng được thực hiện ở thời điểm khóa sổ kế toán để lập báo cáo tài chính năm, sau khi đã tiến hành kiểm kê nguyên vật liệu. Để lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần có điều kiện:

+ Nguyên vật liệu tồn kho tại thời điểm lập BCTC có giá trị thị trường giảm hơn giá trị trên sổ kế toán

+ Nguyên vật liệu thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp

+ Có chứng từ hóa đơn hợp lý hợp lệ hoặc các chứng từ khác chứng minh giá vốn tồn kho.

Cuối niên độ kế toán khi một vật tư tồn kho có giá gốc nhỏ hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì kế toán phải lập dự phòng theo số tiền chênh lệch đó.

+ Nếu số tiền dự phòng giảm giá vật tư ở cuối niên độ này lớn hơn số tiền dự phòng giảm giá vật tư đã lập ở cuối niên độ kế toán trước, kế toán dự phòng phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán (chi tiết cho từng loại vật tư).

Có TK 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

+ Nếu số tiền dự phòng giảm giá vật tư ở cuối niên độ này nhỏ hơn số tiền dự phòng giảm giá vật tư đã lập ở cuối niên độ kế toán trước, kế toán hoàn nhập dự phòng giảm giá vật tư phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Có TK 632: Giá vốn hàng bán (chi tiết cho từng loại vật tư).

+ Xử lý tổn thất thực tế xảy ra:

Nợ TK 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Nợ TK 632: Nếu chưa trích lập dự phòng hoặc trích lập không đủ.

Có TK 152: Nguyên liệu, vật liệu.

Ví dụ: Trích tài liệu kế toán của Nhà máy.

Ngày 31/12/2009 của Nhà máy.

## *Khóa luận tốt nghiệp*

---

- Trị giá gốc của nguyên vật liệu tồn kho Gõ 1100\*69\*20 (G002) là: 268,400,200 đồng.

- Giá trị thuần có thể thực hiện được của nguyên vật liệu này là: 236,000,000 đồng.

Như vậy, số tiền cần trích lập dự phòng cho nguyên vật liệu Gõ 1100\*69\*20 là:

$$268,400,000 - 236,000,000 = 32,400,200 \text{ đồng.}$$

Giả sử ngày 31/12/2009

- Trị giá gốc của nguyên vật liệu tồn kho Gõ 1100\*69\*20 là 290,000,000 đồng.

- Giá trị thuần có thể thực hiện được của nguyên vật liệu này là: 242,000,000 đồng.

Do số trích lập dự phòng của nguyên vật liệu gỗ 1100\*69\*20 cuối niên độ trước là 32,400,200 đồng; số cần trích lập dự phòng cho nguyên liệu gỗ 1100\*69\*20 ở kỳ này là:  $290,000,000 - 242,000,000 = 48,000,000$  đồng.

Nên số cần trích lập bổ sung là 15,599,800 đồng.

Kế toán phản ánh tình hình trích lập dự phòng

- Ngày 31/12/2009:

Nợ TK 632: 32, 400,200

Có TK 159: 32,400,200

- Ngày 31/12/2009:

Nợ TK 632: 15,599,800

Có TK 159: 15,599,800

### *3.2.4. Nhà máy chưa áp dụng phần mềm kế toán*

Nhà máy nên áp dụng phần mềm kế toán cho phù hợp với yêu cầu của nhà máy.

## ***Khóa luận tốt nghiệp***

---

Em xin nêu lên một phần mềm kế toán để Nhà máy tham khảo: Phần mềm kế toán WEEKEND của công ty Gold Star.

Với Weekend Accounting, các doanh nghiệp sẽ được sở hữu một công cụ quản lý hữu ích với nhiều tính năng nổi bật:

- Khả năng tìm kiếm thông minh: Người dùng có thể tìm kiếm theo cơ chế Drill – Down để xem các chứng từ ngay trong các báo cáo tổng hợp. Thông tin về khách hàng, nhà cung cấp, bộ phận, vật tư – hàng hóa,.. đều có thể tìm kiếm nhanh chóng thông qua một vùng dữ liệu ( địa chỉ, khu vực, mã, tên,...).

- Tổng hợp truyền nhận số liệu: Cho phép khách hàng có thể truyền nhận tức thì chứng từ giữa các chi nhánh hoặc truyền nhận lên tổng công ty qua Internet theo điều kiện lọc chi tiết như: ngày, tháng chứng từ; ... Chương trình tự động tổng hợp đưa ra báo cáo quyết toán của từng chi nhánh hoặc của cả công ty.

- Hệ thống báo cáo mở: Toàn bộ biểu mẫu, báo cáo tuân thủ theo đúng chế độ mới nhất ban hành. Ngoài ra, mọi báo cáo đều thay đổi dễ dàng như khi thiết kế bằng Excel, Word. Cho phép người sử dụng dễ dàng chỉnh sửa, thêm, bớt nội dung các biểu mẫu, font chữ, kiểu in, độ rộng, tự căn lề trong phần mềm theo đặc thù riêng của doanh nghiệp.

### **3.3. Nhận xét**

Nói tóm lại nguyên liệu vật liệu là một yếu tố không thể thiếu đ-ợc trong quá trình sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp. Giá trị nguyên liệu vật liệu th- ờng chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất kinh doanh vì vậy quản lý tốt khâu thu mua, dự trữ và sử dụng nguyên liệu vật liệu là điều kiện cần thiết để đảm bảo chất l- ượng sản phẩm -> tiết kiệm chi phí -> giảm giá thành -> tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

## KẾT LUẬN

Kế toán nói chung và kế toán nguyên vật liệu nói riêng chiếm một vị trí đặc biệt quan trọng trong công tác quản lý và hạch toán trong các đơn vị sản xuất. Hạch toán một cách chính xác kịp thời nguyên vật liệu làm một trong những yếu tố để tính đủ giá thành sản phẩm.

Đồng thời việc hạch toán quản lý nguyên vật liệu một cách khoa học còn tạo điều kiện giúp cho Nhà máy quản lý và sử dụng vốn lưu động có hiệu quả.

Để góp phần hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán nguyên vật liệu trong thời gian thực tập tại Nhà máy sản xuất nội thất xuất khẩu Shinec, trên cơ sở những kiến thức đã được học ở nhà trường, được sự giúp đỡ tận tình của thầy Dương Văn Biên cùng toàn thể nhân viên trong phòng kế toán của nhà máy, em đã đi sâu nghiên cứu đề tài và mạnh dạn đưa ra một số ý kiến để phù hợp với tình hình cụ thể của nhà máy.

Tuy nhiên, do hạn chế về thời gian thực tập và kiến thức có hạn chế nên bài làm báo cáo tốt nghiệp của em không tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, em rất mong nhận được sự giúp đỡ, góp ý của các thầy cô để bài báo cáo thực tập của em được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn các anh chị trong phòng kế toán Nhà máy sản xuất nội thất xuất khẩu Shinec và đặc biệt sự hướng dẫn nhiệt tình của thầy giáo hướng dẫn, để em hoàn thành tốt bài báo cáo này.

## *Khóa luận tốt nghiệp*

---

### **Bảng từ vựng từ viết tắt**

<b>TSCĐ</b>	<b>Tài sản cố định</b>
<b>TSLĐ</b>	<b>Tài sản lưu động</b>
<b>GTGT</b>	<b>Giá trị gia tăng</b>
<b>HĐ</b>	<b>Hóa đơn</b>
<b>XDCB</b>	<b>Xây dựng cơ bản</b>
<b>NK</b>	<b>Nhập khẩu</b>
<b>NVL</b>	<b>Nguyên vật liệu</b>
<b>VCSH</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>